

TẠP CHÍ

Thơ

SỐ MÙA XUÂN 1996



TẠP CHÍ



SỐ MÙA XUÂN 1996

chủ trương

Lê Bi	Trang Châu	Phạm Việt Cường	Phan Tấn Hải
Khế Iêm	Đỗ Kh.	Trần Phục Khắc	Nguyễn
Hoàng Nam	N.P.	Chân Phương	Thường Quán
Huỳnh Mạnh Tiên		Trịnh Y Thư	Nguyễn Tiến
Nguyễn Tiến Văn		Lê Thị Thắm Vân	Ngũ Yên

thư từ, bài vở
Khế Iêm

trình bày
Phạm Hoán

P.O. Box 1745, Garden Grove, CA 92642



m. h. h. h.
1994

MỤC LỤC

Bìa Thái Tuấn/ Phụ bản Ngọc Dũng 1/ Mục Lục 2/ Thư tòa soạn 3/ **Chân Phương**, Nghiệp Thơ 4/ Thơ 8/ **Nguyễn Tiến**, Thơ 13/ **Thường Quán**, Đi (thơ) 15/ **Nguyễn Hoàng Nam**, Cuộc Đời Mới Lạ như Bài Thơ Dở 16/ **Lê Thị Thám Vân**, Thơ 19/ **Trần Sa**, Tình Yêu (thơ) 22/ **Tuyết Mai**, Thơ 24/ **Đặng Thị Thanh Hương**, Kẻ đánh cắp Tình Yêu (thơ) 25/ **Lê Thị Huệ**, Thơ ơi - Bắt tay với Người Thơ 26/ Dừng ở Đón Dương Nhớ Một Người Đàn Ông Lương Thiện (thơ) 29/ **Diễm Châu**, Mười bài ở Paris (thơ) 30/ **Phạm Công Thiện**, Thơ ra đời 36/ **Nguyễn Đăng Thường**, Phụ Âm (thơ) 41/ **Thế Dũng**, “Cyclo” Đến... (thơ) 42/ **Khế Iem**, Thơ 44/ Phụ bản **Đình Cường** 46/ **Roger Munier**, “Tất cả bắt đầu ở Nơi Khác” 47/ **Rabindranath Tagore**, Marina Tsvetayeva, Paul Celan, Roberto Juarroz, Marin Sorescu, Thơ 52/ **Joseph Brosky**, Bài Ca cho Bosnie (thơ) 58/ **René Char**, Thơ 60/ **Josef Hlaváček**, Bạt cho một Tập Thơ 62/ **Jirí Kolár**, Kỷ Niệm (thơ) 65/ **Dương Tường**, Nơi Bức Tường Việt Nam (thơ) 66/ **Nguyễn Thị Thanh Bình**, Lời của Mây (thơ) 67/ **Trần Mộng Tú**, Yêu Nhau như Yêu Thơ (thơ) 69/ **Huỳnh Mạnh Tiên**, Don Quichotte (thơ) 71/ **Đỗ Kh.**, Đời Tàn trong Ngõ Hẹp 72/ Bài Thơ tặng chung ở dạng chưa Hoàn (toàn nghiêm) Chính (thơ) 76/ **Khiêm Lê Trung**, Mẩu Bánh Mì trong Đời Sống Tôi 78/ **Hoàng Cường Long**, Chẳng Che Được (thơ) 79/ **Phạm Tường Vân**, Những Chàng Trai Mắt Khép (thơ) 80/ **Nguyễn Đỗ**, Không Đề Tặng Em (thơ) 81/ **Trịnh Thanh Sơn**, Với Anh Thơ Hết Tóc (thơ) 82/ **Nguyễn Chí Hoan**, Người Hát Rong (thơ) 83/ **Thanh Thảo**, Tháp Chàm, Kẻ Lữ Hành Đơn Độc 84/ **Trang Châu**, Thơ 86/ **Hạ Thảo Yên**, Cái Tôi Thủ Diễm (thơ) 87/ **Tường Vũ Anh Thy**, Chúng Ta có nên Dắt tay Nhau (thơ) 88/ **N.P.**, Nắng Mới (thơ) 90/ **Phan Ni Tấn (N.D)**, Rồi như Gió Bay Đi (thơ) 91/ **Tướng Niệm Vũ Đình Liên** 92/ **Lê Bi**, Thơ 94/ **Ngô Tịnh Yên**, Sự Kiêu Hãnh (thơ) 96/ **Trần Phục Khắc**, Thơ 98/ **Giáng Vân**, Sự Sống (thơ) 100/ **Khế Iem**, Bài Thơ Đã Chết như thế nào? 101/ **Đỗ Quyền**, Thời Gian (thơ) 106/ **Quỳnh Thi**, Đêm Cái Mới Đã Hiện Ra (thơ) 108/ **Nguyễn Đạt**, Những Bài Thơ Viết trong Tháng Chạp (thơ) 109/ **Lê Thánh Thư**, Độc Thoại (thơ) 110/ **Tấn Phong**, Vấn Đáp (thơ) 111/ **Ngu Yên**, Xung Quanh Chuyện Thơ Mới Hậu Chiến 112/ Thơ 119/ **Lưu Hy Lạc**, Thơ 121/ **Đoàn Nhật**, Qua Sông (thơ) 122/ **Võ Đình Tuyết**, Thơ 123/ **Lâm Thị Mỹ Dạ**, Áo tưởng (thơ) 124/ **Lưu Nguyễn**, Đến Xem Người Ta Tắm (thơ) 125/ **Phan Tấn Hải**, Cõi Tinh Thần Thuần Túy 126/ **Nguyễn Quang Tấn**, Dạo Khúc 29 (thơ) 129/ **Huy Tường**, Nhịp M Và (thơ) 130/ **Nguyễn Tôn Nhan**, Thơ 132/ **Hoàng Phủ**, Hoa Thủy Tiên (thơ) 133/ **Dương Kiều Minh**, Mùa Hạ (thơ) 134/ **Lương Ngọc An**, Viết cho ngày 15 tháng 11 (thơ) 135/ **Tin Thơ** 137.

Thơ được đo bằng độ dài trải từ một xứ sở xa xăm tới khu vực những lữ dân rải rác ở nơi cùng trời cuối đất. Thơ nhập vào dòng chảy mới, khoáng khoáng, cùng chuyển động bất kể những phân các không thời gian. Thơ có thể là sống sượng và ngùn ngụt lửa, co thể sạn sỏi hay vàng ròng nhưng dứt khoát, ở ngoài những cánh cửa đã khép. Và vậy, thơ không còn là tiếng than đơn lẻ mà là bản đồng ca, không còn sự chết mà là sự sống: như ngọn lao ném ra chẻ dọc những con đường. Thơ có mặt như một ngạc nhiên và mãi mãi như một ngạc nhiên, bởi một điều chung quanh chúng ta vẫn còn đầy bất phá nơi nhữn tâm hồn ăm ắp chất thơ và đời thơ.

THƠ

Nghiep Thơ

Chân Phương

tặng vài nhà thơ trẻ

Có lần Tố Hữu hỏi Nicolas Guillén về thiên chức của thi sĩ. Nhà thơ danh tiếng đất Cuba đáp gọn: *Trước hết đừng làm th dờ.*

Từ thời La mã thi hào Horace cũng nói tương tự. Vérité de L Palice. Người làm thơ nào mà chẳng biết điều này. Nhưng trán được hay không là chuyện khác.

Các tòa soạn hình như lúc nào cũng bị thơ dờ tràn ngập. Hug Kenner thời làm biên tập thơ cho một tạp chí lớn bán khắp nước Mỹ thường xuyên phải ném bỏ chín mươi chín phần trăm bản thảo nhậ được. Thời gian biên soạn tuyển tập thơ tiếng Pháp được in r trên thế giới trong vòng ba mươi năm (1950-80) Alain Bosquet đa vứt sọt rác 18.000 ấn phẩm thơ tồi.

Có lẽ so với số lượng truyện ngắn tiểu thuyết thất bại, các bà thơ dờ vẫn vượt xa. Tại sao vậy? Xét hình thức bề ngoài, một bà thơ đôi lúc chỉ cần dăm ba câu ngắn. Điều này dễ tạo thành ấn tượng rằng thi ca là một thể loại tài tử, một món ăn chơi cho đám sành thơ... Đó là một sai lầm nghiêm trọng.

Ezra puond có lời khuyên: *Chuta ba mươi tuổi đừng làm thơ.* Sự từng trải với kinh nghiệm và vốn sống vô cùng quan trọng. Tuổi đời sẽ dạy chúng ta những điều không trường , sách nào có thể chỉ ra. Nhà thơ Ấn độ thời cổ đại Rajasekhara căn dặn: *Thi nhân phải tu thân trước tiên.* Khi Chế Lan Viên hỏi xin Nazim Hikmet lời khuyên về nghề thơ, thi sĩ nước Thổ nhĩ kỳ cười đáp: *Trong cái nghề cực kỳ khó khăn của chúng ta, cuộc sống với số phận là thầy.*

... những câu thơ không đơn giản là cảm xúc như người ta thường nghĩ, chúng là kinh nghiệm. Để viết được một bài thơ, thi sĩ phải viếng thăm nhiều thành phố, con người, và sự vật; phải biết rành muông thú và những mùa chim, và các cử động của từng đóa hoa nở chào buổi sáng. Nhà thơ phải biết cách quay về các nẻo đường băng qua những vùng xa lạ, các cuộc gặp gỡ bất ngờ, những biệt ly được tiên tri từ trước; ... Phải có kỷ niệm của nhiều đêm ân ái, không lần nào giống lần nào, phải từng nghe các sản phụ gào la (...). Nhưng còn phải canh chừng người hấp hối, phải từng ngồi cạnh người chết trong một gian phòng cửa sổ mở toang cùng tiếng nước nở vang lên từng chập. Mà như thế vẫn chưa đủ, nếu mới chỉ có kỷ niệm. Phải biết quên hết kỷ niệm và nhấn nại bên bờ chờ ngày chúng trở lại. Bởi lẽ kỷ niệm tự chúng không là gì cả. Cho đến khi chúng biến thành máu huyết của ta (...).

Rainer Maria Rilke (Tập chép của M.L. Brigitte)

Bởi thế các thi phẩm con so thường non kém. Rilke hủy xé tập thơ đầu đời; Neruda thú nhận mình vay mượn giọng Sabat Ercastry trong mấy bài thơ trai trẻ một cách không ý thức; Borges hối hận chưa nắm vững thơ tự do mà đã dám sáng tác thi phẩm thứ nhất của ông theo thể loại này; William Carlos Williams bắt chước tiếng thơ John Keats; Yeats, Lawrence, Paz thì liên tục hiệu đính những bài những câu bất cập mỗi lần tái bản về sau. Horace có lý khi ông khuyên chúng ta nên cất bản thảo trong hộp tủ chín năm rồi hãy trình làng, *bài thơ chưa ra mắt thế gian thi sĩ có thể xé bỏ, nhưng một chữ khi đã lọt ra thì không cách nào thu hồi được nữa.*

Theo lời Âu Dương Tu, Châu Phác làm thơ như nấu quặng luyện kim, lao tâm khổ tứ từ tháng này sang mùa khác, thơ chưa in thành sách đã được người cùng thời truyền tụng: *nguyệt đan quý luyện, vị cập thành thiên, dĩ bá nhân khẩu (Lục Nhất Thi Thoại)*. Gần chúng ta hơn, Donald Hall ở Mỹ có bài sửa đi sửa lại trên năm trăm bận, và hối tiếc vì đã cho đăng hơi vội một số bài thơ chưa có đoạn kết vừa ý. Ông tiết lộ trong hồi ký mới in *Lifework* rằng mười lăm năm chỉ viết được hai phần ba bài thơ dài “*Mấy cô gái của Edward Boit*” chẳng hiểu còn đủ ngày giờ để hoàn tất với chứng ung thư dạ dày giai đoạn hai. Cũng may là các nhà thơ Việt tiền chiến, bên cạnh bài sử học bắt buộc “*Tổ tiên chúng ta là giống Gôloa*”, còn phải thuộc lòng mấy câu Boileau sau đây:

Hâtez-vous lentement, et, sans perdre courage Vingt fois sur le métier remettez votre ouvrage: Polissez le sans cesse et le repolissez; Ajoutez quelquefois, et souvent effacez.

Ars longa... Stanley Kunitz nhà thơ hàng đầu nước Mỹ trung bình một năm sáng tác một bài, tương tự phụ nữ sinh con. Giải đảo để đời mấy

chữ: *Nhị cú tam niên đắc*. Rilke sau mười năm im lặng nhập thần hạ sinh được *Khúc Ai Bi ở Duino*. D.H. Lawrence tâm sự có những bài thơ hai mươi năm mới làm xong. Gary Snyder thì hy vọng tám mươi tuổi sẽ viết được kiệt tác. *Ars longa...* Dù được coi là thiên tài, Victor Hugo vẫn bị giới phê bình chê trách tạt cẩu thả vì ông sản xuất thơ tràn lan dễ dãi.

Rilke thường nhắc đến lời dạy của Rodin: *Hãy làm việc và nên kiên nhẫn*. Seferis viết trong nhật ký: *Không thể tưởng tượng được mức kiên nhẫn phải trải qua để nhìn ra các sự vật bình dị nhất. Để viết ra vồn vẹn một câu thơ tôi cần không biết là bao nhiêu nhẫn nại*.

Max Jacob khuyên nhà thơ trẻ: *Đừng bao giờ quên lời này: “Bắt đầu sự nghiệp nào cũng là phép màu của lao động.” Và lao động có nghĩa là cô đơn*. Khi Valéry gửi Mallarmé mấy bài thơ đầu tay để hỏi ý kiến bậc thầy, tác giả *Un Coup de Dés* đáp: *Những lời khuyên bảo chỉ có cô đơn mới trả lời được*.

Gặp nhau lần đầu Baudelaire bị Gautier cật vấn: *Anh có thích đọc tự điển không?* Max Jacob căn dặn: *Nên yêu thích chữ, từng chữ một. Lặp đi lặp lại, xúc miệng bằng chữ*. Nhưng Pound cảnh giác chúng ta đừng để ngôn từ mê hoặc, nhất là tiếng mẹ: Một thời ông khổ sở vì tiếng Anh truyền thống bám chặt đầu óc mình khó cách thoát khỏi: *Phải mất sáu hoặc tám năm để thấu đạt nghệ thuật của mình, rồi phải mất thêm mười năm để tự giải phóng khỏi những gì đã học*.

Louis Simpson khuyên: *Đọc càng nhiều nhà thơ càng tốt. Đọc cho đến khi đầu óc đầy ngập từ ngữ, hình tượng, tiết nhịp*. Nghiêm Vũ cuối đời Tống yêu cầu các nhà thơ đương thời phải thông suốt từ đầu nền thơ Trung Hoa kể từ Sở từ, Nhạc Phủ trở đi. Đối với thi sĩ hiện đại, Pound đề nghị cách đọc hệ thống từ Hy-La bắt đầu với Homer, Sappho, Catullus, Propertius, Ovid... Eliot đòi các nhà thơ phải *“hấp thụ toàn bộ lịch sử văn học Âu châu”*. Hiện nay Diễm Châu và vài anh em trong nhóm Trình Bày đang thực hiện Tủ sách Thơ Thế Giới, dự định cho tới năm 2000 sẽ giới thiệu sang tiếng Việt đại bộ phận các nhà thơ hàng đầu của thế kỷ này. Nói chung, thi nhân phải học thơ trước khi làm thơ, và thơ thì xưa nay chưa bao giờ có biên giới.

Đọc các nhà thơ chưa đủ. Trong khi Balzac định nghĩa tiểu thuyết gia là người thư ký của xã hội, Victor Hugo yêu cầu *“các thi sĩ thứ thiệt phải tiếp thu toàn bộ tư tưởng của thời đại mình”*. Không những cần am hiểu học thuyết kinh tế, lịch sử khoa học, và đời sống thật chung quanh,

Maiakovski còn đòi “nhà thơ phải có mặt ngay trung tâm các biến cố và sự vật.” Nietzsche thì mượn lời Zarathustra để phê phán gay gắt đám thi sĩ hợm hĩnh và hời hợt, bọn khuấy nước đục nơi biển cạn, có đầu óc của con công trên hết các giống công: *Họ chưa suy tư đầy đủ tận chiều sâu: bởi vậy tình tự của họ không chạm được đến đáy.*

Cô đơn, kiên nhẫn, đọc nhiều hiểu rộng, dẫn thân, trầm tư cái nghiệp thi nhân thật là nhiều khê vất vả. Đỗ Phủ tập bần cung để học phép xuyên tâm chữ, Valéry vùi đầu vào toán học để trau dồi bút lực, Yeats theo huyền phái, Snyder tu thiền,... Mài kiếm, luyện đan, diện bích, v.v... Làm sao kể hết những môn pháp và bí quyết của chốn Thi Sơn!

Này người thi sĩ trẻ. Lên núi được bao lâu mà đã vội ham xuống núi?

khai bút mừng Xuân Bính Tý

CHÂN PHƯƠNG

Đêm Trường Bắc Mỹ

mấy nhánh lá vàng và những tờ quảng cáo
đang giăng xé cảm xúc trong tôi

nếu không xếp bằng thiền định
có thể trực trặc cho giấc ngủ sắp tới

oo

biển sẽ không nứt hai
cũng chưa hồng thủy ngày mai

lễ giáng sinh còn hơn hai tháng

phở xe lửa
phở tàu bay
ăn hoài cũng chán

trái đất thì vẫn theo thói quen
quay mãi một chiều

trong tình huống như thế
dù dante hay lý bạch
cũng cạn hứng dài dài

oo

thà đốt nén nhang
để đẩy sự vô nghĩa ra ngoài tính khô hài

rồi tắt đèn vận khí

oo

rốn là trung tâm của bụng
bụng là chu vi của rốn
rốn là trung tâm của bụng
bụng là chu vi của rốn

Tào Lao với Thời Gian

ngày cuối tuần
 ngoài kia co ro lũ cây dưới độ âm
 con chim trốn lạnh
 chú sóc ngủ bọng cây
 mùa đông không cần biết câu chuyện no đói
 và chúng ta có thể thông dong ngắm tuyết rơi
 cái máy đo cấp độ lãng quên chưa được phát minh
 tôi nấu nước sôi pha cà phê mới
 đốt điếu thuốc đùa cợt với cảm nghĩ buồn cười
 mấy năm trước hình như mình còn ở việt nam
 không việc làm nhà cửa chẳng sự nghiệp tình nhân
 lang thang quanh quẩn lãng nhăng
 thế mà mười mười năm sau biết đâu
 ngon lành cười máy bay
 làm du khách trở lại ghé thăm
 ít nhất cũng biết lái xe và lên được chục cân
 biết ô kê sorry chửi thề bằng tiếng Anh
 mạnh tay vứt đô la mua thuốc thơm rượu gái
 hùng hồn chứng minh thị trường tự do
 ưu việt gấp nghìn lần đảng trị độc tài
 sau đó phủ tay với mọi lỗi lầm của tha nhân
 ngắm phi đạo nhỏ dẫn phía dưới chân
 tự nhủ bụng kèm theo chút ít hài lòng:
 không phải trách nhiệm mình
 nếu trái đất này đã lỡ sản sinh
 bọn tốt số và lũ kém may mắn

Liên Tưởng Mùa Xuân

Tân Anh Quốc ngập trời nắng ấm

trên mấy cột báo chúa nhật
lũ số thống kê chơi ú tim cùng nhân phẩm

ước gì có phi cơ riêng
tôi sẽ lái vòng Mỹ châu
thả chơi xấp giấy quảng cáo

MÙA XUÂN ĐẠI HẠ GIÁ
từ giờ đến hết tháng Năm
quý vị mua nhanh kẻo hết!

khả năng trào lộng tôi không thiếu
để chia đều các nụ cười
cho chuỗi ngày đẹp trời sắp tới

mỗi ngày mở thùng thư
chẳng còn chờ đợi trát tòa hoặc lệnh biệt xứ

trí nhớ là hoang đảo
quên dần mở xác giạt trôi

tiếp tục
sống

chung quanh ngày càng nhiều phụ nữ
đủ loại kích thước màu da

tên ca sĩ hát rong
bắt đầu rên rỉ một bản tình ca

tôi thả óc liên tưởng
qua bên kia trái đất
nơi chéo góc trại giam
gần cổng tha ma
để nó ngồi buồn năm phút

rồi thu hồi trở lại
cho nó tha hồ đùa nghịch
với những đường cong và chỗ kín đàn bà

NGUYỄN TIẾN

Phố Cháy

nẻ nhú chòm trăng vò
 vẽ
rừng gỗ nở xốn xang
chiều chia tay
 bìm bịp

đập tóe lửa
 giòng sông rỉ han
đù đeo phôi pha
 đụng đèo phải phố

chân trước hất chân sau
 ngõ trước nghếch ngõ sau
sụm giòng
phố
 chảy
sờ soạng bờ khuya
 máng xối

Mọc Răng

chổng
mông đèo

rảy mắt
nhốn nháo
trên mặt đá rửa
vỡ vỡ toang

hỏi cam tiếng
đốc ngược về
cội nguồn gió cồm
nhồm nhoàm

mọc răng

bật con
đường ngọt muốn cắn

nhằm phải lưỡi

THƯỜNG QUÁN

ĐI

Đi người ta có thể đi khi sớm ngày
 đốt lửa vòm cong những mái nhà ủ lạnh
 hay buổi trưa những phòng toa những hộp sắt tối
 mùi muối phả cặp môi ướt khuôn mặt nhợt ướt đen đúa
 cắn đau phần dưới ngón tay Đi ly nước uống cạn ngọn lá đen
 vấy vào buổi chiều khát muộn những căn buồng bắt đầu lên đèn
 người con gái sau một ngày truy bức ngã vật xuống
 khuôn những đứa con con ơi đừng ra đời Đi cây vắn
 những chiếc lá xoắn nhỏ trên cành nhánh đen đậm dạng
 những đứa con trai vài vỉ đe dọa
 bằng chiếc đầu thô bạo Đi người đàn bà khách sạn một sao
 vương bàn trải tấm khăn nhựa ca-rô bình hoa mẽ miệng
 mân mê những cánh hoa ny-lông
 kẻ môi son trên chiếc miệng nhăn nhúm Đi những ngôi sao
 đòi hỏi trên những căn nhà vôi chảy rêu tập nói lại ngôn ngữ
 ái tình
 những căn buồng chưa quen thế nằm cầu thang bụi bậm mốc
 cũ già nửa thế kỷ
 ở thế anh ở đâu

Đi dưới chân thành phố nhá nhem
 lũ trẻ còng lưng vẫn về từ núi
 những bó củi ướt
 nằm thờ đốc.

Cuộc Đòi Mới Lại Như Bài Thơ Đỗ

Nguyễn Hoàng Nam

Sau mấy số báo vừa qua, nhiệt tình của thân hữu và độc giả lắng dần, nhường chỗ cho một đòi hỏi hợp lý: sự hình thành một khuynh hướng chủ trương và sáng tác của Thơ. Như tôi đã đề cập trong một bài viết trước, ban chủ trương là một tập hợp của những cá nhân có khuynh hướng sáng tác và kinh nghiệm riêng, nên sự đa dạng này được tôn trọng như một ưu điểm chung, thể hiện qua những bài viết và thơ đã đăng. Đồng thời, nỗ lực làm mới thơ được hiểu như một nhu cầu vận động chung của thi ca Việt Nam, không chỉ riêng của ban chủ trương.

Thành quả sơ khởi của Thơ là tạo một diễn đàn cho sự tiếp tục sáng tác và khám phá của mỗi người làm thơ. Sự tiếp tục sáng tác là con đường dẫn đến khám phá, chứ không phải niệm chú bằng những lý luận phê bình mới cho những xác ướp ngóc dậy. Đem Nguyễn Du, Đoàn Thị Điểm, Xuân Diệu, Huy Cận, v.v. qua những cái lược của lý luận hiện đại và hậu hiện đại thật ra chẳng có giá trị gì cả. Nó chỉ là một màn xiếc. Tệ hơn nữa, khi cần chứng minh lý luận, khi cần tán, kẻ làm xiếc sẵn sàng biến người còn sống thành xác ướp: chẳng hạn như, những bài thơ của Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền từ 30 năm trước cứ bị đem ra tụng niệm mà không đá động gì tới những cố gắng mới nhất trong sự tiếp tục sáng tác của họ; trò xiếc kéo dài và cứng cổ sự tự mãn của họ dựa trên quan điểm thơ đã lỗi thời, khiến họ có thể không nhận thấy rằng thơ là một hành trình liên tục, không phải chỉ những thành công của tuổi trẻ--những hào quang nhất thời nhưng lại định giá, dán nhãn và đóng hộp cả đời hầu hết những người viết thuộc thế hệ trước.

Khi trả áo mão tiên tri cho thượng đế, ấn tín cho vua, cái loa chính trị cho cục tuyên huấn, bài vị cho những danh nhân thế giới, cái màng trình cao su cho Khổng Tử, giọng ngạo mạn cường điệu cho truyện Tàu, tật dạy đời cho những nhà đạo đức, còi thiển cho các nhà sư, những mỹ từ cho các em nữ sinh giờ đã sồn sồn, nhà thơ Việt Nam đứng run như cây

sấy. Nhưng đó là một biến chuyển tốt. Thơ là sự phá bỏ những thói quen. Sự hãi sẽ qua, bọt mép sẽ hết trào, để bước khỏi tiệm hút ra ngoài ánh sáng để sống, để nhìn cuộc đời thay đổi không ngừng, nhìn mình thay đổi không ngừng, và đó là thơ.

Sự tiếp tục sáng tác giúp thi sĩ cận kề với tài năng của mình để hiểu rằng làm thơ cũng giống như những công việc đòi hỏi sự theo đuổi khác. Một bài thơ hay thật ra là kết quả của hàng loạt những bài thơ dở. Và hay hôm nay có thể ngày mai thành dở, hay ngược lại, nhưng đều có nghĩa là nền tảng thật sự của thi ca, qua tiến trình không ngừng của thi sĩ, là những bài thơ dở. Đối với thi sĩ, quyền tự do tối thượng là quyền tự do làm thơ dở. Có nó mới vượt qua được cái khớp của tên tuổi, của lập trường, của tuyên ngôn, của áp lực từ độc giả trông đợi cái đã quen. Có nó mới vượt qua được chính mình, và vượt qua nhiều lần. Thoải mái với cái dở chính là tạo cơ hội cho khám phá mới. Cùng lắm là dở, mà dở thì có sao đâu, tại sao không thử cái gì mới. Cái dở mới vẫn hơn cái hay cũ. Tìm hoài sẽ ra cái hay mới. Còn không, hay không được công nhận, thì có sao. Làm thi sĩ dở vẫn sướng hơn làm con két nghiện.

Về sáng tác, có hai khuynh hướng đã hình thành khá rõ rệt.

Khuynh hướng thứ nhất-- được một số tác giả gọi là “thơ động tác”— có ý tách rời những gì thuộc tính chủ quan của nhà thơ khỏi bài thơ. Chủ từ hoàn toàn bị loại bỏ. Tính từ và trợ động từ được sử dụng hết sức giới hạn. Bài thơ, với những danh từ và nhất là động từ, là diễn biến thật và tự nhiên của cuộc đời, một loại “ngôn ngữ nguyên thủy” hình thành trước khi qua lăng kính của nhân vật (chủ từ) và được diễn dịch một cách chủ quan thành ngôn ngữ nói. Sự diễn dịch chủ quan này hoàn toàn tùy vào sự tiếp xúc bài thơ của mỗi người đọc, như mỗi nhân chứng của một sự việc đang xảy ra. Hoàn cảnh, thời điểm, tính tình, kinh nghiệm, giác quan v.v. của mỗi người đọc chính là chủ từ.

Tuy nhiên, tác giả không hoàn toàn vắng mặt. Tác giả đề tựa bài thơ (đặt tên là việc chủ quan) và ký tên mình phía dưới (có thể tạo một trông đợi nào đó nơi người đọc). Tác giả chọn những động từ, và sắp xếp những con chữ trên mặt giấy theo một thứ tự nhất định để đạt một ảnh hưởng thị giác nhất định, nhưng không phải để tạo sự nối kết hợp lý giả tạo của tính truyện. Thay vào đó, tính phân mảnh của hội họa được sử dụng để tạo một tổng thể gồm nhiều mảnh rời--sự phối hợp của vị trí, âm thanh, hình thù của chữ, câu, đoạn, và những khoảng trống—nhưng với một giới hạn căn bản: bức tranh có thể được nhìn toàn diện nhưng bài thơ dù sao trước hết vẫn được đọc từ trái qua phải và từ trên xuống dưới. Giới hạn này có thể biến thành ưu điểm: bài thơ gồm các phần không mạch lạc từ nhiều khía cạnh phối hợp tạo cường độ và chiều sâu tâm lý mà bức tranh không thể lột tả. Bức tranh đập ngay vào thị giác khiến trí tưởng bị níu lại ở những gì trên mặt tranh. Bài thơ động tác, với vai trò của chữ là ký hiệu làm trung

gian cho ý nghĩa, ám chỉ một thế giới cộng thêm vào những gì trên mặt giấy: lý do của những điều tuy không được nhắc đến nhưng vẫn là một phần không kém quan trọng của ý nghĩa.

Thơ động tác đòi hỏi người đọc không những sự am hiểu lý thuyết thơ và hội họa mà còn khả năng hòa nhập cả hai và từ đó tự tạo bài thơ theo sự diễn dịch của riêng mình.

Những đòi hỏi vừa kể là một trở ngại lớn trong tiến trình làm quen đọc giả với loại thơ này. Thêm vào đó, cho đến nay hầu hết những bài thơ động tác đều diễn tả biến chuyển của những trạng thái cảm xúc siêu hình, khiến độc giả dễ lẫn với loại thơ “hũ nút” nhằm mục đích hù dọa của những người muốn khoe mình có đọc vài cuốn sách triết. Đúng ra, cái đích của thơ động tác phải là sự diễn đạt động tính cụ thể do những động từ gợi nên nhân vật cụ thể trong trí tưởng độc giả, vì cuộc sống hàng ngày chính là nơi những chuỗi động tác liên tục diễn ra.

Trong khi khuynh hướng thứ nhất mở rộng thế giới khách quan, khuynh hướng thứ nhì triệt để khai thác tầm hẹp của chủ quan, tức là không lưu tâm gì tới “ngôn ngữ nguyên thủy” vì nó luôn bị những lớp lăng kính lẫn lộn của nhân vật bóp méo hay sửa đổi cho phù hợp với mục đích và quan niệm pha lẫn với những bức xúc nhất thời của mình. Lô-gíc hỗ trợ cho khuynh hướng này là không có cái gì hoàn toàn khách quan, nên chỉ có thể cố gắng diễn đạt toàn vẹn cuộc đời qua nhiều lăng kính chủ quan, nhiều khi hoàn toàn trái nghịch nhau, tạo thành một thực tế phức tạp, không có kết luận. Nhân vật do chủ từ đại diện được mô tả tỉ mỉ ở khía cạnh được chọn, nhiều khi bằng ngôn ngữ, tâm lý và cảnh ngộ đặc thù. Mỗi nhân vật thường bị kẹt trong sự khó xử--có khi kỳ quặc, đau đớn, có khi đầy khôi hài--gây ra từ những hoàn cảnh thường ngày đan lười vào nhau.

Những yếu tố vừa kể cho thấy khuynh hướng thứ nhì mượn nhiều kỹ thuật của truyện, tuy cũng loại bỏ cái khuôn của diễn tiến hợp lý đưa đến chung cuộc. Tính phần mảnh được thể hiện qua những “xen” không mạch lạc của nhiều không gian thời gian khác nhau, thay vì là những mảnh rời của một tổng thể nhất thời như thơ động tác. Bài thơ động tác có thể so sánh với một bức tranh, trong khi có thể xem bài thơ theo khuynh hướng thứ nhì như một xấp hình phóng sự cắt ra từ các nhật báo. Điều khác biệt là sự khai thác và phối hợp chất liệu từ đời sống hàng ngày với đầy đủ chi tiết không phải để tường thuật, mà là nhằm mục đích thuyết phục độc giả rằng những điều lạ thường trong bài thơ cũng thường thôi, cũng có thể xảy ra như bao điều bất ngờ khác trong đời sống, và tính chất bình thường của cuộc đời là những điều phức tạp, chỉ có rõ ràng duy nhất là dẫn đến vô lý.

Tính cập nhật với đời sống và sự dễ đọc trên bề mặt của khuynh hướng thứ nhì dễ thu hút độc giả, nhất là những người thích khôi hài. Dĩ nhiên phải có trình độ đọc thơ mới nắm bắt được tổng thể của bài thơ, nhưng điều này không nhất định cần thiết, vì một mục đích khác của khuynh

hướng thứ nhì là giúp độc giả dễ làm quen với thơ hiện đại—nhiều độc giả tuy thích đọc nhưng vẫn chưa dám công nhận đó là thơ. Ngoài ra, thái độ vừa kể gây thất vọng cho một số độc giả quen lối đọc cũ, đòi hỏi sự nghiêm trang, tìm kiếm những điều quan trọng, những khuôn vàng thước ngọc từ vị trí bên trên cuộc đời của thi sĩ--những thứ liên quan đến cái vỏ tên tuổi của thi sĩ hơn là thơ.

Hai khuynh hướng kể trên, tuy khác biệt về cách trình bày bài thơ, thật ra mang nhiều điểm tương đồng trong quan niệm chung về thơ. Do đó, mỗi khuynh hướng không thật sự định nghĩa một nhóm nhà thơ nào, và nhiều người sử dụng cả hai tùy theo sự thích hợp của nội dung từng bài thơ.

Quan niệm chung thứ nhất, qua sự vắng mặt của chủ từ trong thơ động tác và sự bình thường hóa chủ từ trong khuynh hướng thứ nhì, là sự loại bỏ thói quen quan trọng hóa lăng kính của chủ từ, mà qua thơ lãng mạn Việt Nam chính là nhà thơ đứng phía sau. Sự loại bỏ thói quen này mở rộng thơ thành một phương tiện truyền thông đa dạng, với nhiều nguồn gửi và nhận khác nhau, không chỉ giới hạn trong thế giới nghèo nàn của nhân vật nam anh hùng ngạo mạn và nhân vật nữ đẹp mê hồn nhưng ngây thơ yếu đuối, như lâu nay vẫn thể hiện qua truyền thống thơ lãng mạn Việt Nam.

Cũng trong sự mở rộng đó, quan niệm chung thứ nhì là xem chữ chỉ như một phương tiện trung gian chuyên chở bài thơ. Chữ không phải là ngôn ngữ thơ, và bài thơ không phải là một mục thể vận hội của chữ. Tất cả chữ, từ những từ đao to búa lớn cho đến những tiếng chữ nhỏ, đều bình thường ngang nhau và đòi hỏi sự sử dụng chính xác để phục vụ cho sự diễn đạt bài thơ. Do đó, làm thơ là sự cấu tạo toàn bài, không phải lấp những điều thừa thãi vào quanh hai ba câu thơ đặc ý. Đọc thơ cũng đòi hỏi phải hết toàn bài, không phải chỉ lướt qua tìm những câu hay, những chữ ghê gớm để thuộc lòng.

Khi lăng kính chủ từ và chữ không chiếm vai trò quan trọng, người làm thơ hoàn toàn tự do theo đuổi bất cứ đề tài nào mình thích, mà không bị vướng trong khuôn phép đạo mạo lễ độ của kẻ trí thức, hay kẻ có tên tuổi. Người làm thơ bây giờ bình thường như mọi người, không còn kiêm các vai trò định nghĩa, trấn an và củng cố niềm tin như tiên tri, thầy giáo, thiên sư, nhà đạo đức, bộ trưởng thông tin v.v. và dĩ nhiên cũng không xác định được chân lý của cuộc đời.

Những quan niệm kể trên cho thấy thơ là cố gắng diễn đạt cuộc đời—tuy biết rõ giới hạn của chữ nghĩa, khả năng, văn hóa, địa phương, kinh nghiệm cá nhân v.v.--trong tình thân hợp tác giữa người làm thơ và độc giả để mỗi người tự tìm những ý nghĩa thích hợp cho mình. Cho nên thơ không chuyên chở ý nghĩa tối thượng. Mục đích chân, thiện, mỹ ngay thơ của ngày xưa đã từ lâu hoàn toàn phế thải. ■

LÊ THỊ THẨM VÂN

Cầu Vòng

Nắng non
lung linh ẩn hiện
trên bầu trời xám tro
tắm mùi hơi nước.

Cầu vòng
xuyên qua thành phố
trên từng mái nhà, ngọn cây, con đường, sườn núi.
Trên mỗi đầu người
trên mỗi đời sống
chất chứa nặng khổ đau hơn hạnh phúc.
Trong đó có hai ta.

Em ước ao
là người khởi đầu
đi từng bước
trên cầu vòng muôn sắc kia.

TRÂN SA

Tình Yêu

ngoảnh không nhìn thời gian nguyệt ngoạc trên khuôn mặt
trầm lắng mình trong ngày đương còn xanh
lặng trong niềm im lặng
nghe ngoài trời
gió hát điệu miên viễn
và mưa ngàn năm
rơi trên đá ngàn năm

nghe những tán lá bốn mùa
thấm thiết màu xanh
hiu hắt màu vàng
rực đỏ màu mê đắm cuối
nghe đất và mặt trời
cây cỏ và chim chóc
âu yếm yêu nhau
đau đớn lia nhau
hò hẹn đến mùa sau

nghe trong biển trong sông
trong rừng trong núi
trong phố người đông
trong tiếng lũ chim hót
tiếng trẻ thơ cười
tiếng thở dài của mẹ
tiếng ca người...
nghe trong mỗi âm thanh
tiếng tình yêu tình yêu
tha thiết mãi những ngàn năm

ngôn ngữ một bài thơ
chỉ như gió trên mặt băng
lướt phớt
tận từ đáy
nước vẫn ôm ấp bao sự sống
bao tình yêu, bí mật, sống động, tuôn chảy

ngôn ngữ trên đầu môi
vội vã và nông nổi
tiếc than nghiệt ngã thống hận
từng phút giây
mà tí tít ngoài xa
hằng hà tinh tú mãi rực cháy

trầm trong niềm im lặng xanh
tôi lắng nghe tình yêu ấm trong máu
trước và sau đời sống này
bao giờ chúng ta cũng yêu nhau

vì yêu nhau chúng ta lại sẽ
ra đời, ra đời, ra đời
trong muôn ngàn hình thể
ra đời

TUYẾT MAI

Phải Chẳng Mùa Xuân Trở Về

đàn én bay đi tìm nắng ấm
tha mùa xuân trở về
gió reo trên thảm cỏ xanh non
nắng sẽ rơi đây
trên các cụm mai vàng rực rỡ
sữa soạn đón phút giao thừa
vạn vật thay áo mới
sao hồn ta vẫn mồi meo
muôn năm như chiếc thụ cầm
thánh thốt từng âm
cô quạnh

Sinh Nhật

đêm nay sinh nhật em
đêm em sinh ra hay đêm em vừa chết đi

ôi những ngọn nến
vừa thấp lên đã vụt tàn
bàn tay xếp lại chia hai

và đâu mặt trời
đâu ánh trăng
bóng tối tràn bóng tối
con đường mất lối
em đứng lặng

rồi từng mùa sẽ đến
rã rời như tờ kleenex

chia
đôi

ĐẶNG THỊ THANH HƯƠNG

Kẻ Đánh Cắp Tình Yêu

Ta thầm mong anh về gõ cửa
Đêm hung dữ chẳng làm ta khiếp sợ
Ta vẫn mở cửa chờ...

Nhưng chỉ là mơ
Chỉ là xuông
Xong xót tự ru trên cánh võng
Ta ngủ vùi trong cơn mê lâu lóng
Chờ anh về đêm nay...

Ta dấu mọi người bằng những cơn say
Dấu cả chính ta cái nhìn ủ dột
Tiếng cười giật làm đêm chạy trốn
Ta phơi thân dẫy dựa trước mặt trời
Biết rằng anh không đến nữa rồi
Ta òa khóc...

Thuở bé mẹ đi chợ chậm mua chiếc bánh đa
Ta đập vỡ tan tành, lăn ra ăn vạ
rồi nhoẻn cười nhặt vụn bánh đa rơi
Bây giờ đi qua tuổi thơ, đi qua những kiếp người
Ta chẳng thể lăn ra bưng kín mặt
Lẽ nào ăn vạ tình yêu như một kẻ nát rượu và bất lực?
Để mong anh trở về.

Thơ Ơi - Bắt Tay Với Người Thơ

Lê Thị Huệ

Thơ Ơi

Trong văn. Nhân vật tiểu thuyết quan trọng. Trong thơ. Mặt chữ là điều quan trọng. Mặt chữ của mỗi chữ cứ mang một lịch sử của chính nó. Thi sĩ tài hoa trước hết phải là kẻ xử dụng chữ tài hoa. Mặt chữ tài hoa tỏa sáng triều đại của nó dưới ngón tay bút tháp của người thơ.

Thơ Việt Nam từ trước tới nay chú ý đến nhạc chữ. Cực điểm của nhạc chữ là vần. Vần thơ có cái tuyệt vời của vần thơ. Yêu lắm những vần thơ lục bát phủ bát ngát linh hồn từ lời ru hay giọng hò. Lục bát muôn năm!

Cái vần thơ đó coi bộ vậy chứ khó tính lắm. Bởi vì nó đã được đãi lọc qua giàn nhạc đại hòa tấu của dân tộc. Nó đã sống êm tai trong tâm hồn Việt tộc. Đâu phải cái gì cũ cũng phải đả đảo. Cái vần quê đó không bao giờ cổ. Chỉ tại chúng ta bắt tài hay tại cái máu ưa cách mệnh. Nghệ thuật và cách mạng là đôi tình nhân ưa sang, thích “bắt quàng làm họ”.

Hay là trí thơ.

Thơ không vần của Việt Nam là một khúc quanh khá hấp dẫn. Vì có vẻ như nó muốn vọc mạnh vào vùng trí lý. Muốn trí thơ cũng tham gia thích thú như tình thơ bấy lâu nay được hưởng bổng lộc tiếng Việt giàu màu mè.

Ngày xưa lục bát nổi cộm cảm xúc. Độc quyền ve trộn đường tình. Trí ở trên đó kiếm chỗ nấp. Nấp sang hay nấp hèn. Trí trong thơ lục bát cô đọng lại ở tầng nào xa thẳm khiến trí tuệ thơ gục yếu trên những ngọn chữ hay cứng nghệt dưới những pháo đài vần.

Từ khi thiên hạ tung hô thơ không vần. Thơ Việt Nam có chỗ nhiều cho lý trí.

Móc lên. Ở đâu. Tham dự đi.

Chữ nhám. Nói thô. Thơ ngắc. Âm cứng. Nhạc khô. Không vần. Đặng cho trí tuệ Việt Nam bày vẽ ra nhu cầu của nó. Chặt khúc. Cắt câu. Để bắt chữ chiều theo suy nghĩ của mình. Ôi trí tuệ sướng quá. Bắt đầu có chỗ để vận hành.

Đó là những cái dốc ngược đẹp vậy. Mà trước đây thơ vẫn chỉ ưa trải lối bằng phẳng xanh xuôi trong ngôn ngữ Việt. Phong phú hơn là cái chắc. Vạm vỡ lên những trí tuệ bấy lâu nay bị tình là tình thơ dũa mất đất.

Bởi vậy thơ ấy khệnh cho độc giả Việt Nam một trận. Bắt cái đầu phải suy nghĩ lên. Lòng yêu mến thơ không vẫn khởi đi từ óc chữ không phải từ tim.

Nhưng mà thơ ơi. Một kiệt tác thơ. Rốt ráo. Là hôn phối của ngôn ngữ và sống. Nhà thơ là kẻ may mắn bắt được nồng nàn của sự kết đôi này. Phải mê tiếng người. Phải yêu giọng nói. Phải tương tư ngôn ngữ. Mới nảy bật ra được thơ. Làm thơ thích nhất là mỗi sáng tác cứ như sống tới giây phút ngưng ngắt tình đầu. Mê đắm. Dồn dập. Cuốn hút. Sung sướng. Lúc đó sao còn nhớ vẫn hay không vẫn. Tình hay trí nữa. E tên đặt là phần phụ lục đằng sau.

Hiểu và yêu thơ nhiều. Nhớ mong.



Bắt Tay với Người Thơ

Một lần nữa tôi lại đi rập rượy với thơ qua một buổi họp mặt của tổ chức Ân Xá Quốc Tế. Một ngày đúng cuối năm. 30.12.1995.

Lần này tôi rủ được VQH đi theo. Vũ Quỳnh Hương, cái tên nàng tự chọn rất thơ. Đầu như tôi cũng tự đặt tên cho mình. Lê Thị Huệ, nghe rất tục.

Buổi thơ chiều vắng ở một ngôi nhà nhỏ. Rất đời thường xứ Mỹ; nhà có hai chỗ đậu xe, bốn phòng ngủ, khu dân

cư tập chung. Không như những lần khác ở biệt thự cô lập, ở giảng đường đại học, hay ở rạp hát thành đô...

Có cái lạ là tổ chức này ưa đi tranh đấu cho những hạng người nổi tiếng. Nhưng tổ chức lại sinh đọc thơ. Mà đọc thơ thì ở xứ nào và lúc nào cũng chỉ lèo tèo những người quờn.

Khi chúng tôi đến nơi, tôi thấy ngôi nhà như được thấp sáng bởi hào quang của những người nào đó. Chẳng hạn sự có mặt của người đàn bà có tên Ginetta Sagan. Một kiện tướng nhân quyền.

Bà nhỏ bé. Nhưng tôi biết bà là người vạm vỡ trong mối quen biết để vận động những chiến dịch của tổ chức Ân Xá Quốc Tế. Tôi đã từng tận mắt nhìn và tận tay giúp bà từ lúc trứng nước vụ bà xông xáo nhất định mở màn hồ sơ HO của tù nhân chính trị Việt Nam. Lúc đó vào khoảng 1982, 1983... Hàng chục nghìn tù cải tạo Việt Nam còn bị kềm kẹp ở quê nhà họ. Lúc đó tôi đã thấy người đàn bà này chớp nhá hào quang đội đá vá trời. Bà làm cho ai thì tôi không biết được nhiều. Nhưng vì chứng kiến bà vất vả tranh đấu cho người đồng hương tôi. Nên tôi ngưỡng mộ.

Khi nghe tin hàng chục nghìn gia đình tù cải tạo được tự do. Với riêng tôi, đó là kết quả công sức của nữ anh hùng Ginetta Sagan nhiều nhất.

Cũng bởi hữu duyên gặp gỡ bà mà thỉnh thoảng tôi mới có cái màn đi nghe thơ Ân Xá Quốc Tế.

Tôi yêu được đắm chìm vào không khí ở những buổi đọc thơ đẹp đẽ này. Không gian phẳng chút nồng của những ước vọng tốt. Khuôn mặt người tráng lên chút thiện hiềm hoi. Những bài thơ tung lên trời từ những thác lòng chung chứ không từ những phiếm lòng tư. Cái chung ấy lung

linh ánh nến. Nó có nỗi hạnh phúc của gặp gỡ bất ngờ cùng tìm đến thơ để giải tỏa khát vọng.

Có khi tôi cũng vì thơ mà hơi bất thường.

Chẳng hạn. Mua bài thơ chép tay trên một vuông giấy lụa của một thi sĩ Nam Mỹ mà tôi chưa hề nghe tên. Với cái giá mắc mỏ của một bé tí lọ nước hoa.

Lần nọ. Tôi bất ngờ đứng cạnh một nhà thơ người Ba Lan. Không hiểu hôm đó cắc cớ nổi gì mà tôi chỉ muốn bắt tay người đàn ông này một cái. Thi sĩ thì đang bận tiếp chuyện với nhiều người lớn. Tôi không biết làm sao cả. Chợt ông quay sang cười chào tôi. Tôi vụt nói tôi muốn bắt tay ông. Bàn tay mập và to lớn. Ấm và mềm mại. Giương nơi đây một tấm linh hồn rộng lượng. Tôi bất ngờ vui vì đã bỏ phiếu cho một người đàn ông trong đám đông đêm nay và đã trúng tủ.

Chiều thứ bảy này có sương sa. Lạnh. Trời đất hương bay nhang trầm mùa nghỉ lễ. Căn nhà chật như hủ mắm. Phiền tôi bất ngờ làm thông dịch viên tí xiu vui vui cho thi sĩ Việt Nam. Thi sĩ xuất sắc thổ sản vẫn trắc và hiện thực. Vẫn trắc có thể nào làm cái dốc hùng dũng của trí thơ Việt Nam hay không? Tôi đang tự hỏi. Thì hôm nay lại gặp ông. Thơ của ông đầy mùi lợn trộn với mùi mơ. Tôi chọn ông làm thi sĩ đại diện dùm đất nước và thời đại chúng tôi. Ông cao và gầy. Đứng dăm phút nghe ngực sĩ tưởng trình thơ nhân quyền. Tôi lặng im và mơ mộng về một người tù da đen tên Mandela. Một người bị tù mấy chục năm. Khi ra vùng tự do. Đứng ở trên khán đài mệnh mộng vĩ đại. Đón nhận ánh sáng cực sáng của những ngọn đèn khắp thế giới chiếu vào. Ông vẫn không bị chói lóa mắt. Vẫn bản lĩnh nhân ái. Không thù hận. Không cạnh thị. Can đảm tiếp nhận vai trò lãnh đạo mà mọi người đã đẩy Mandela tới chỗ đó.

Tôi nói với VQH. Để mời thi sĩ ra đầu đàn uống nước. Nhưng khi chúng tôi ngỏ lời, thi sĩ hỏi để làm gì. Để nói chuyện tào lao thiên địa chơi, tôi nói. Thi sĩ từ chối.

Buồn năm phút. Tôi nói với VQH. Hai phụ nữ nhí nhảnh độc thân tại chỗ mà không xiêu lòng nhà thơ đi. Hai cây bút nữ hải ngoại mà không mời được thi sĩ Việt Nam. Ông bỏ lỡ một gặp gỡ lớn đó Hương à.

Chúng tôi đang khúc khích già từ chiều vui qua mau. Giữa cái lúc tôi chẳng có ý định bắt tay ai cả. Bất ngờ nhà thơ rút tay sắc và gọn ra khỏi túi áo. Ông nói “Nhưng mà cũng phải bắt tay một cái chứ. Chứ không bắt tay à.”

Ôi những kẻ tôi chỉ chào một bận. *

Chú thích

* Thơ của một thi sĩ VN không nhớ tên.

LÊ THỊ HUỆ

Dừng Ở Đơn Dương Nhớ Một Người Đàn Ông Lương Thiện

Chàng giờ nơi đâu sao im ắng.
Ngợp trời gió. Ngợp trời nắng.
Mù mịt đỏ. Rú rừng cây cỏ.
Phố lũng lổ. Đường nghiêng úng.
Thời gian lịch lậu phế ngổ.

Chuyến xe chậm ngang qua đèo Pren.
Tòng teng có gã lơ xe phất phơ ghềnh vó.
Ngậm ngùi thương thân người nhẹ như cơn gió.
Tôi bị ép cứng giữa xứ sở của bọn khờ
ngợp ngật ác.
Chợt nhớ người đàn ông.
Đã viết năm nghìn câu thơ tặng tôi thời tuổi trẻ
Và hứa với tôi về một tấm lòng lương thiện
Anh giờ ở nơi đâu?

ĐIỂM CHÂU

Mười Bài Ở Paris

Du sei wie du, immer.
Paul Celan.

ngày mai
những con ốc sên mi nuốt trong vườn
sẽ trở lại đất
và mi
kẻ âm thầm đãi bụi
từ ngọn núi ngai vua
mi sẽ rời xa những lâu đài nhĩ tập
đem theo một thìa bóng
và bông mộc lan duy nhất còn lại ở một khu vườn của Paris

- gửi PKK, PN, và anh chị DMT.

*

chữ N lớn nằm trên những bức tranh nhỏ:
những đường gờ trời lên rồi rầm tháo tung và đọng lại
thành những vết máu
màu trắng màu hoàng thổ chế ngự một nền ngôn ngữ
thẫm, vạm vỡ
nói cùng những chậu cây lùn đang quăn quại -
sự sống là muôn thừa

*

dịu dàng & hối hả
những người đàn bà nai nịt những nụ cười dọn bữa ăn
trên cỏ
những bàn tay gọn gàng nâng ly rượu mừng ánh sáng
ngoại ô một ngày tháng tám

...
hối hả & dịu dàng
những nụ cười tiễn biệt
lát phẳng những con đường đã bắt đầu phân cách

*

có thật thế không:

(bông thược dược màu huyết dụ này,
chế bản truyện ngắn này,
nhất cá thất lát này)

là do cùng một bàn tay thực hiện?

những câu hỏi thật hiển nhiên:
bởi quê hương vạn dặm

- gửi NNG.

*

cái mũi xinh xắn như một trái *mirabelle*
nụ cười hé mở như hai cánh hoa đậu
và đôi mắt
đôi mắt tròn tinh anh
mà tiếng nói đôi lúc phủ lên màu hổ phách
im lặng tích tụ một lần sét

*

ông ta bước vào nhà cùng với mọi người
chào chủ nhân và xin phép ra vườn
ông ta ngồi xuống một chiếc bàn tròn trong vườn
đốt điếu thuốc rồi xem xét cái lồng chim
mà nan lồng đã han rỉ và cánh cửa không còn nữa
(có phải con chim đang lách chách trên cành?) -
chỗ ở cũ của con chim đã được những cơn mưa buổi
sáng quét dọn lau chùi

lúc này tá túc một cây cải nhỏ xíu
 chủ nhân của con chim chẳng hề thố lộ
 chỉ mỉm cười dịu dàng khi họ cùng nghe tiếng hót và
 nhận ra

ông ta trở lại với một ngọn tháp đứng tách biệt giữa
 một khu phố
 đẩy cánh cửa hẹp nặng nề lách mình vào và thắp một
 ngọn nến
 trong ánh sáng lơ mờ pho tượng ôm đứa bé và một
 cành huệ rũ cho ông hay:
 vị tu sĩ cuối cùng & người bạn chăm sóc hương hoa
 đã đi tìm một trời mới đất mới -
 ở cuối phố

*

im lặng

làm gì có
 ở thế giới này

hàng cây rì rào
 đường phố vang động tiếng người, thú
xe cộ

ngày đêm
 mặt trời nổ
 những dòng nước;
 trong không
 gió
 vẫn bồi hồi

im lặng -

chuông thủy tinh chụp xuống

tiếng nước nổ
 một linh hồn

- *tặng Th.A.*

*

từ núi rừng vosges trở lại một trung tâm ánh sáng
mi ngạc nhiên nhận thấy kẻ đón chào mi là một con sẻ
con chim ấy cùng đi với lũ bạn
sà tới chân mi

âu yếm
trừu mến
ngước nhìn mi

mi sục tìm trong túi xách một mẩu bánh
túi xách đầy bụi
không có lấy một hạt vừng như sự tích kẻ đi cầu vồng
và mi chợt nhớ tới một vách tường phủ đầy cây dây leo
ở bắc mỹ nơi mi đã miệt mài -
những con sẻ từng bầu bạn với mi ở đó đều phong lưu
hay ít ra cũng to gấp đôi gấp ba
mi cũng nghĩ tới một mái tranh còn lơ thơ rủ đôi mình
trấu lép ở quê nhà
nhưng những con sẻ ở chốn xưa - những con sẻ ra ràng
với đôi mép màu bơ
vẫn đậm hơn con chim trước mặt
mi ngưỡng ngừng nói với nó:
chào em
cánh chim thương mến đầu tiên của đất liền
tôi chỉ là một kẻ đãi bụi ở sông rhin -
một khách qua đường
rồi mi quày quả rời sân ga
bỏ trốn một nụ cười hầy còn lơ lửng

*

in memoriam paul celan (1920-1970)

trong họng con thú
giữa tiếng hú hải hùng
chuyến xe điện ngầm đưa tôi trở lại
cây cầu mà từ đó anh đã bay đi
“bằng chính những vết thương của mình”

cây cầu
mà một người ba-lan nọ đã khoác lên bài thơ

nếu thời gian là dòng nước đen kìa
thời tôi đang đứng bên trên nó
kiếm tìm anh
kẻ đã băng qua

hàng cây trên bờ vẫn chỉ là hàng cây của hôm nay
không một chiếc nhẵn nào thức giấc trên chum lá

tôi chính là “nạm thóc” -
“người anh em châu á”
kẻ đã gục ngã trong bài thơ anh
tôi đã đào tôi tới mãi tận anh
bởi trong người không có đất

nơi bãi biển trái tim
tôi kêu gọi anh -
kẻ mang thương tích một vì sao
kẻ kiếm tìm thực tế:
hãy đặt muối
đặt đá
đặt ngôi sao của anh

trong đêm tối của tôi
trong nỗi bất hạnh một đời của chúng ta

kìa người ba-lan đã ra hiệu:
(không có một niềm vui nào sau nỗi đau cả)
“đêm đã tới, giờ đã điếm
ngày đã đi qua”
tôi cũng chẳng còn đứng đây mãi mãi

anh -
kẻ không thể khấn cầu
hãy che phủ lấy nhau
bằng “trần thành quan yếu nhất”
nơi “mất là không mất”

- gửi martine broda

*

tám cây vĩ cầm & đại vĩ cầm
ba người đàn bà & năm người đàn ông
áo quần xoàng xĩnh nhưng bộ điệu nghiêm chỉnh
trên sân ga miền đông
paris với lũ chó săn bịt mõm sẵn sàng
những chiếc nón chào mào lập lờ trôi nổi
như muốn nhấn xuống đôi chút tiếng vỗ tay tán thưởng
của những khách chờ tàu đường trường nằm ngời la liệt

bản nhạc vừa chấm dứt
tiếng nhạc lại bắt đầu
tám cây vĩ cầm & đại vĩ cầm
trên một chiếc bè tròn thành nghiêng ngã rời sân ga
ánh sáng vỡ trên đầu những chùm lá

Thơ Ra Đời

Phạm Công Thiện

Tại sao phải làm thơ? Tại sao người ta nói *làm thơ*, thay vì nói *viết thơ*? Ai làm thơ? Phải chăng chỉ có thi sĩ mới làm thơ? Hay là nói một cách khác thường, theo điệu bất thường của tư tưởng chính yếu thì Thơ vốn là tinh túy của ngôn ngữ loài người, hiểu lạ thường như thế, có thể cho rằng tất cả mọi người đều làm thơ, ít nhất đôi ba lần trong đời, hoặc âm thầm hoặc thành tiếng vào những hoàn cảnh bất ngờ, lúc bị hất ra ngoài đời sống thường nhật, như những lần đối mặt với tình yêu, với cái chết, với sa mạc và sự im lặng, với cái bí mật của sự vật và sự việc, với sự đui hiu tiêu sái của thế giới hoặc với sự sung mãn của vạn tượng hoặc với bao hoài vọng cùng tuyệt vọng của tiếng nói hiện hình qua sự xé rách nỗi niềm cảm lạnh nào đó. Làm thơ, vì Thơ là hành động thuần túy, dẫn đầu tất cả hành động.

Làm thơ, vì mình là thi sĩ? Hay mình là thi sĩ, vì mình làm thơ? Tại sao phải là thi sĩ? Cái gì làm thi sĩ thành ra thi sĩ? Hiển nhiên là việc làm thơ. Cái gì làm thơ ra thơ? Tất nhiên là thi sĩ? Sự việc chưa hẳn tất nhiên như vậy. Vì thi sĩ chỉ là thi sĩ, vì có Thơ xuất hiện *trước* thi sĩ; Thơ chính là tiếng nói nguyên thủy của con người: thi sĩ được đẻ ra trong Thơ, nuôi dưỡng bởi Thơ và trưởng thành trong Thơ; thi sĩ chỉ được gọi là *làm thơ*; vì chính Thơ đã làm ra cái làm của thi sĩ; cái gọi là *thi hứng* hay *cảm hứng* chỉ là cách nói lên sự xuất hiện linh động toàn diện của Tiếng Nói yên nguyên, thế lực vũ bão của nguyên âm và phụ âm trong lòng thu nhập sự im lặng vào tận trung tâm điểm ba động của vũ trụ và thế giới, của mặt đất và thiên thanh, của nhân và phi nhân, của chư thiên và quỷ thần, của biến động lịch sử và chấn động thiên địa. Thơ là cuộc đại ba lãng của hư không và vũ trụ.

Thơ xuất hiện *trước* thi sĩ; chữ *trước* ở đây không phải chỉ có ý nghĩa thời gian thông thường mà phải được hiểu trong ý nghĩa siêu việt của thời gian yên nguyên, vì Thơ chính là Thời Gian yên nguyên; tiếng nói nguyên thủy, thơ và thời gian yên nguyên chỉ là đồng nhất: Đại Nhất.

Nhịp của Thơ không phải chỉ là nhịp của thi luật; thi luật chỉ có ý nghĩa trong việc vận chuyển thanh khí cho được hanh thông, cho được đồng thanh tương ứng với thời gian nguyên khai; tiết nhịp của Thơ thuận ứng với tiết nhịp của sơ ngôn, của sự khai mở nguyên tiêu; nhạc tính của Thơ là suối nguồn của tất cả âm giai và âm điệu. Thơ là linh hồn của tất cả âm nhạc; hình ảnh

của Thơ là vô hình đột chuyển thành ra hiện hình và hiện ảnh: hiện hình và hiện ảnh của Thơ chính là hiện cảnh linh động và hiện thực hơn tất cả cảnh sắc và phong cảnh hiện tiền.

Thơ làm cho nhà thơ nhìn thấy những gì kẻ khác không thể nhìn thấy được; thi nhân nghe được cái nghe bất động lắng sâu dưới sự ba động của âm thanh và vọt lên trên sự tịch lặng của vô thanh vô hưởng. Mỗi bài thơ là một thế giới nguyên sinh, linh ứng hiện hình và vang động nhịp nhàng với hồn thơ vạn đại; một bài thơ đúng nghĩa thì không nói về bất cứ ý nghĩa nào khác ngoài ra sự xuất hiện trọn vẹn của chính bài thơ, vì chính bài thơ mở ra ý nghĩa tinh mật của chính mình; một bài thơ đúng nghĩa chính là sự khai nghĩa liên tục và vô tận, mỗi lần xuất hiện mỗi khác, dù chỉ hiện diện một lần: sự hiện diện và hiện tính của bài thơ thay hình đổi dạng liên tục, chuyển âm, biến thanh, chuyển sắc lộ diện một cách mới lạ không ngừng; mỗi khi điều được đồng, thanh được ứng, âm được hưởng, và hình sắc được ảnh hiện thì Thơ xuất hiện.

Hốt nhiên, Thơ xuất hiện bất ngờ như một tia chớp bay xẹt ngang trời, như Robert Graves khai mở ý nghĩa của Thơ qua sự khiêu vũ của những chữ, những lời, những tiếng trong bài thơ lúc tương nhập với tia chớp của thiên địa:

...for its bright emergence /

Once lightning interpenetrates the dance.

(...Cho sự đột hiện rực trời bắn xẹt ra đó /

Lúc tia chớp tương nhập vào cơn luân vũ)

Seamus heaney đã sung sướng nhắc lại đoạn thơ trên của Robert Graves lúc nói về nguồn gốc khởi nguyên của Thi Ca:

There is nearly always an element of the bolt from the blue about a poemorigin.

Seamus Heaney sử dụng thành ngữ “*the bolt from the blue*” trong cả nghĩa đen và nghĩa bóng: “*biến cố thành linh, tiếng sét chớp từ trời cao*”.

Gần như luôn luôn có một chất tố cơ bản nào đó của *một tiếng sét tia chớp tự trời xẹt qua* về khởi nguyên nguồn gốc của một thi phẩm (hoặc theo nghĩa bóng của thành ngữ: “Gần như luôn luôn có một thành tố cơ bản nào đó của *một biến cố vụt xảy ra một cách thành linh bất ngờ* đối với sự khởi nguyên nguồn cội của một thi phẩm”)

Một bài thơ hốt nhiên xuất hiện, đột hiện: một tia chớp ngang trời, một sự xuất hiện thành linh như tiếng sét bất ngờ. Thơ là xuất nhập, tất cả rạng ngời của một sự Xuất Hiện, tất cả oai lực lặng lẽ của sự Linh Hiện. Sự Xuất Hiện, Linh Hiện là suối nguồn của tất cả mọi ý nghĩa, ban bố ý nghĩa và khai mở vạch đứt giữa mọi ý nghĩa và mọi vô nghĩa. Từ đó có vô hạn nghĩa.

Trong bài diễn thuyết về thi ca Gerard Manley Hopkins tại Hàn Lâm Viện Anh Quốc vào cuối năm 1974, không phải ngẫu nhiên mà Seamus Heaney lại trích dẫn mấy câu thơ nổi tiếng của Archibald MacLeish:

...wordless /
 as the flight of birds...
 A poem should not mean /
 but be.

(...Không chữ, không lời, không tiếng
 như đàn chim bay...
 Một bài thơ không hẳn nên có ý nghĩa gì cả
 mà chỉ là: xuất hiện)

Cái chữ “be” đơn sơ ở trên xuất đầu lộ diện như một tiếng sét, cái “là” hiện hữu, nói lên sự xuất hiện của Tính thể và Thể tính: sự hiện thể, hiện tính, hiện tính thể của chính thể tính, sự hiện thân nguyên vẹn, sự hiện diện sung mãn của cái “là”, cái “có”; sự hiện diện ở đây chính là sự thị hiện bất ngờ từ cái không đến cái có, từ cái không là đến cái là, thoáng hiện thoáng mất như tia chớp, nhanh như chớp nhưng trường cửu hơn cả tỷ triệu năm, vì chính tia chớp của thời gian nguyên thủy này lại khai sinh ra vô số tỷ triệu kiếp vũ trụ. Cái gì ngắn nhất nhanh nhất thì trường cửu. Bài thơ là sự hiện diện, hiện tính, thị hiện; sự hiện diện chẳng những là hiện diện của chính sự hiện diện mà lại còn hiện diện ngay cả sự khiếm diện, ngay cả sự mất tích và sự xa vắng. Bài thơ làm sự vắng mặt xuất hiện, đưa cái xa đến gần, đẩy cái gần lùi ra xa, chuyển dạng mọi sự việc, biến chuyển sự mất mát thành ra sự hiển lộ của mất mát, đào sâu sự thiếu hụt thành ra trọng lực hiển hiện của định phận, kéo lại cái gần vào chỗ tính tương cận, đưa cái cận vào lòng không lân lý. Từ đó có vô biên nghĩa.

Thơ đi trước tất cả những biến cố lịch sử, vì chính Thơ làm mọi sự biến chuyển thành ra lịch sử; những thần thoại, truyền thoại và linh thoại đầu tiên của mọi dân tộc đều được thể hiện qua sự xuất hiện của thi ca: lịch sử của một dân tộc thăng trầm theo sau sự thăng trầm của ngôn ngữ dân tộc; ngôn ngữ của mỗi dân tộc thăng trầm theo sau sự thăng trầm của hồn thơ dân tộc. Dân tộc chỉ đứng nghĩa khi nào hồn thơ còn sống...

Con người chỉ là con người, vì con người biết nói; con người chỉ biết nói, vì con người biết nghe; con người chỉ biết nghe khi con người nghe được tiếng nói thì thâm của tổ tiên mình đồng vọng từ bao nhiêu ngàn năm từ suối nguồn núi cao cho đến cơn gió vèo qua rừng lau sậy dưới bãi biển chiều hôm nay. Chiều hôm nay là tất cả buổi chiều trên mặt đất. Tất cả thi ca của nhân loại xuất hiện bất ngờ vào chiều hôm nay; chỉ có chiều hôm nay, tại nơi đây, nơi chốn linh thiêng ở đây, một nơi chốn nhỏ nhất mở ra tất cả không giới vô biên, và chỉ một buổi chiều hôm nay duy nhất thu vén lại tất cả thời gian vô tận. Buổi chiều hôm nay được thành tựu qua sự chuẩn bị kiên nhẫn của mấy triệu buổi chiều phôi châu đen tối; buổi chiều hôm nay làm lễ cưới thâm thì với buổi trưa và đêm khuya, với triều dương và hoàng hôn. Bao nhiêu buổi chiều đã qua và sắp tới vẫn chỉ là buổi chiều hôm nay;

những nhà thơ lớn nhất của nhân loại đã được nuôi dưỡng chất chiu nâng niu từ nhất điểm khai tượng bí mật như vậy. Nhất điểm khai tượng chuyển động sơn hà đại địa. Tại sao phải làm thơ? Thơ chỉ được làm chỉ vì một đại sự khởi nguyên bất ngờ xuất hiện như tiếng sét, như tia chớp: vũ trụ tự khai mở vạn tượng sâm la.

Bài thơ xưa nhất của dân tộc Ái Nhĩ Lan xuất hiện trước cả hai ngàn năm lịch sử trở lại đây; bài thơ xuất hiện trước cả truyền thống Thiên chúa giáo ở Tây phương và Trung đông:

*...Tôi là gió thổi trên biển,
Tôi là sóng của đại dương,
Tôi là tiếng thì thầm của những đợt ba đào...*
(I am the wind which breathes upon the sea./
I am the wave of the ocean
I am the murmur of the billows...)

Cái chữ “*tôi*” ở trên không phải chỉ cá nhân hay cá thể hay chủ thể thông thường; cái “*tôi*” ở đây không phải là chính “*tôi*” mà chỉ là nơi chốn, nhất điểm trường sở khai tượng, tự khai mở ra tất cả sâm la vạn tượng. Từ đó mới có những thi sĩ mang tên là Yeats, Joyce, Kavanagh hay Seamus Heaney.

Không phải gió *thổi* mà gió *thở*. Hơi thở là nguồn gốc khởi nguyên của nhất thiết hiện thể. Một bài thơ đúng nghĩa là một thi phẩm phập phồng hơi thở; nhà thơ đúng nghĩa lúc nào cũng học thở và biết thở như một đạo sĩ ngồi thở bất động trong hang sâu. Buổi chiều hôm nay đang thở với ngọn gió ru qua bãi vi lô bên cạnh bờ hồ; những cây lau sậy cũng thở với hơi thở của gió; Yeats nhìn thấy gió *thổi* vì đã lắng nghe gió *thở* từ bài thơ lâu đời nhất của tổ tiên mình. Đối với Yeats, sự hồi tưởng chính yếu quyết định tiêu chuẩn giá trị nghệ thuật, và tiêu chuẩn ở đây là “cao điểm của kinh nghiệm tưởng tượng” trong thi ca. (Seamus Heaney: “*Yeats is here talking about what Matthew Arnold called touchstones, high points of imaginative experience*”). Chính những sự hồi tưởng, truy tưởng, hoài tưởng, mặc tưởng, nhớ tưởng này là “những tiêu chuẩn của chúng ta và những ánh đèn dẫn đường cho chúng ta” (“those recollections which are our standards and our beacons”) như Yeats đã viết năm 1874 lúc mới 29 tuổi, và Seamus Heaney đã nhắc lại vào năm 1977 lúc nói về cảm thức linh hiện của những nơi chốn quê hương; Yeats đã xác nhận vào năm 1874 rằng niềm hoài tưởng lớn nhất quyết định nghệ thuật đối với thi nhân chính là sự hồi tưởng ưu hạng mà ông còn ghi nhận như cao điểm đứng đầu làm tiêu chuẩn và ánh sáng soi chiếu dẫn đường giá trị của bất cứ tác phẩm nghệ thuật nào đối với ông:

“...Cảnh tượng một đêm tối nào đó lâu lắm rồi, lúc tôi nghe tiếng gió thổi trong một luống lau sậy bên bờ một cái hồ bé nhỏ...”

(...a certain night scene long ago, when I heard the wind blowing in a bed of reeds by the border of a little lake...)

Seamus Heaney nói: “Ngọn gió giữa những rặng lau sậy đêm tối ấy

vẫn còn ở lại với Yeats... và đã thay đổi không khí Thi ca Anh quốc” (*The wind among those night reeds stayed with him... and changed the atmosphere of that poetry*).

Chỉ cần một cơn gió nhẹ thổi và thổi qua rặng vi lô bên bờ hồ Ái Nhĩ lan bé nhỏ cũng đủ thay đổi trọn vẹn không khí thi ca Anh cát lợi. Chỉ sáu chữ của Nguyễn Du thôi cũng đủ làm xuất hiện một buổi chiều trong những buổi chiều hoang vu nhất của Việt Nam:

Vi lô san sát hơi may...

Nguyễn Du đã lắng nghe hơi may; Yeats đã lắng nghe hơi gió và Seamus Heaney cũng đã lắng nghe được hơi thở nào của thiên địa lúc hồi tưởng lại những nơi chốn linh hiện nào của truyền thống thi thoại của quê hương.

Tất cả những sự khởi nguyên đều bí mật, người ta không thể nói về sự khởi nguyên, không thể viết về sự khai nguyên, không thể làm ra sự bắt đầu mà không thể bị cuốn mất thần trí vào lòng bão tố đen tối của Phôi Châu. T.S. Eliot đã đề cập khởi nguyên của sự sáng tác thi ca qua hình tượng về cái “phôi thai âm u” (dark embryo) mà chính Seamus Heaney đã nhắc lại nhiều lần những lúc nói về sự vận hành luân chuyển của thi tứ. Hơi thở phập phồng của phôi châu thổi ra luồng sinh khí bao la cho sáng tạo thi ca trường cửu liên tục trong suốt quá trình và tiến trình thịnh suy của tiền đồ dân tộc. Cái cõi trung hữu ấm (bardos) từ chết sang sống, từ cái chết cuối cùng đến sự đầu thai đầu tiên, từ cõi sống qua nhanh cho đến nỗi chết khác liên tục trong cuộc trường mộng, huyền, ảo, diệm, lộ, tia chớp, ảnh, hưởng, từ vô số kiếp phù du, cũng là hình tượng linh động nhất cho sự hồi tưởng bất tận của tất cả tâm thức sáng tạo nghệ thuật. Làm thơ vẫn có nghĩa là hồi tưởng liên tục, truy tưởng, mặc tưởng, hoài tưởng bất tận về sự Tưởng Nhớ âm u của cái thuở Ban đầu thai dựng ấy. Nói cho một cách khó hiểu hơn thì tất cả mọi sự đều là mầm, mống, búp, chồi, hạt, giống, mộng, manh nha, phôi chủng, thai chủng, tất cả đều đang mọc mộng và đâm mộng, ngay cả những gì đang tàn tạ, tàn phai và đang chết cũng đều phát nha và manh nha, đều đang đâm mộng, đâm chồi nảy lộc trong lòng đen tối âm u bí mật.

Thơ đâm chồi từ những chủng tự bí ẩn (bija), những nguyên âm và phụ âm linh thiêng xuất hiện u huyền từ Thai tạng của vũ trụ nguyên khai và Thời gian nguyên tiêu khế động.

Cái tiếng gió trong bãi lau sậy mà Yeats đã lắng nghe được và Seamus Heaney đã cùng lắng nghe sau này với Yeats, đó là chủng tự và thai chủng cho những bài thơ nuôi dưỡng cả hồn trí một dân tộc.

Sau một thời gian lâu dài kiên nhẫn biết lắng nghe, biết nhìn thấy, biết tưởng nhớ liên tục, và biết thổi với hơi thở của gió trên lau sậy, bắt gặp một buổi chiều, sét bùng nổ và tia chớp xẹt ngang trời: Thơ ra đời.

* Tựa do tòa soạn đặt. Trích trong cuốn *Khơi Mạch Nguồn Thơ* do Viện Triết Lý Việt Nam và Triết Học Thế Giới xuất bản 1996 tại California Hoa Kỳ.

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG

Xuân Xưa

a hái na
i chơi bi
u đánh đu
ư chùi lư
ê chẵn dê
ơ ngồi mơ
ô chào cô

Xuân Nay

ơ làm thơ
ô đếm đồ
i bỏ chi
ư chờ thư
a ra ma
u hoài thu
ê ô-kê

Xuân Nào

e chém tre
o đắp mo
u yêu thu

*tặng Art
đã cùng ta và Verl
một mùa xưa bay lên địa ngục
đêm trăng
chơi đi
--- Hồ Tây*

Chú thích
Art(hur) Rimbaud Verl(aine) “

THẾ DŨNG

Cyclo” Đến...

tặng T.A.H và các bạn làm phim “Cyclo”

“Cyclo” đến cùng tôi như một cơn mộng dữ
 Có một người tình đã bán lẻ tình nường!
 Và có kẻ sát nhân hát ru buồn âm độc
 Để dường như cho máu chảy đờ bi thương?

“Cyclo” đến với em như nỗi đau trinh nữ?
 Mỹ nhân nghèo làm điểm buốt hoa cau!
 Những đối cực-đối âm cùng nghịch sắc
 Dễ dàng vô tâm mà tàn bạo, mà thành tro trong đoản mạch hư nát?

“Cyclo” đến với ai như một canh bạc máu
 Chưa biết ai được thua mà lũ cá vàng đã chết cạn sao?
 Không kịp cứu ai đâu đâu vòng ôm của sương phụ Mẹ Min,
Âu Cơ nhà thổ
 đã rụng rức ăn năn trong lệ hối ba đào!

“Cyclo” đến Berlin như triển lãm Địa Ngục?
 Dăm phận người sống sắc trong mê cung nhào lộn của Mộng
mơ và Tội ác...
 Thi Sĩ Du côn trong khánh kiệt trí tuệ đã tự thiêu để tự cứu
vong linh?
 Cái Đẹp cứu được ai khi Nhà Thơ phải bán lẻ người tình?
 (dù mỗi lần cho phép nàng “đi khách xôp” chàng lại đau lòng
 phát ộc máu cam!)

Việt Nam trong mắt “Cyclo” như một căn hộ dột nát rất dễ
 thành than sau cú chấp cầu chì?

như sản phẩm đắng cay của Văn Minh Nhân loại trong những
 khúc quanh đàng điếm, đối lừa?
 Trục thẳng hồng ngả ềnh ngang đại lộ
 Cuộc chiến chưa tàn tiền bạc đẫm máu, đẫm mồ hôi
 Tự tử giống như hành vi thánh thiện và mùi hương đu đủ
 xanh vắng vắng
 đầu đây như một tiếng thở dài...
 Tôi chợt thấy “Cyclo” như một ca mổ lớn trên quê hương
 chưa kịp vào hậu phẫu!

“Cyclo” đến Berlin với những ảnh pháp siêu thực đầy
 thắm khúc và trắng ca
 Những con cá vàng giấy dựa và bầy trẻ thơ đều hát khúc
 Nhã Ca tiên tri, tiên cảm?
 Hà Nội của tôi, Sài Gòn của tôi, những địa chỉ mồ côi,
 những Trái tim không địa chỉ của tôi ơi...
 Không có ai quên con đường nhỏ của Số Phận mình dù
 chúng ta đã tả tơi qua nhiều siêu thị
 và vô số những Kỳ môn, Kinh môn, những bờ Mê, bến Lú,
 những Bạo hành...

Như Quỳnh Hoa sống kiếp Đẹp đoản thọ,
 Sau bao nỗi kinh hoàng Người Tình vẫn khóc vì Yêu và Hy vọng
 “Cyclo” đến dịp dằng tàn độc để cảnh báo về một ngày
 Tận thế không xa
 Có hơi muộn nhưng vẫn còn rất kịp, người ơi, dù Thất Tiết...
 thì ở chốn Yên Khê, Suối Biếc nào đó của Hồn Thơ người ta
 vẫn có thể kịp Phục Sinh đúng lúc
 như một kẻ Anh Hùng,
 dù chỉ bằng cách Tự Thiêu trong ánh nhạc Phú Quang
 buồn lắm liệt.

Berlin 11.95-29.12.95

KHẾ IÊM

Nú Lại

trút hơi thở
 và ngồi duỗi ra
vào một nơi tưởng là đã tay trắng
 khom

 lưng bất động như thế cho đến khi giọt
 chuông chiều kia làm tan đi người và v ật
 kiến tạo im ắng mà lâu nay bị
 che lấp bởi cánh liếp cửa lời kinh

rảo bước ngoài mặt
đất và nhận ra có tiếng kêu

nú lại ở đâu ghềnh

Quán

cốc

Quay Gót

khóa trái cửa
ra bằng sợi dây nối giữa chân không và mặt đất
bởi

chút tàn tro bình minh pha
vào màu

loang phố
gỗ ngôi nhà đã bị đóng băng và trong cái thế
chẳng đặng đừng

quay gót
tha hương

Nheo

những vòng tròn quay trên đầu
những vòng tròn lăn dưới chân

đối chất ngẫu nhiên với ngậm
tăm bằng cú

qua con
phố lai lai (cáo)
đám như trời giáng vào
mênh

mông đùi và ngực. Lang thang cuồng
chật. Gỡ lỏng họng. Đông và
tây. Những khuôn mặt nhẵn nhẵn

nheo



Phụ bản Đinh Cường

TẤT CẢ BẮT ĐẦU Ở NƠI KHÁC"

Roger Munier

Roberto Juarroz (1925-1995)

Cái lớn lao và cố nhiên là duy nhất trong thơ của Juarroz, trước hết là cái *nơi chốn* của nó, cái phạm vi nơi nó dần trải. Như đối với mọi thi sĩ, đó là thế giới, nhưng được đề cập tới như thế nào? Juarroz không diễn tả thế giới tựa như nó vẫn thường xuất hiện với chúng ta, nhưng trong sự mập mờ lơ lửng của nó và điều xa lạ này, điều xa lạ nó tàng trữ, trong khuôn mặt bị che giấu của nó và *mặt trái* của nó, mà không mỗi một ông đã truy lùng trên mặt, ở tầm mức của những gì đối với chúng ta là *mặt phải* của nó. Khuôn mặt thế giới xoay về phía chúng ta trong kinh nghiệm thông thường đối với ông chỉ là một điểm khởi hành nơi từ đó thơ ông cất lên, trong một thứ tra vấn lặp lại ở mỗi bài thơ, trong suốt một công trình có tính cách vô danh lạ lùng bao giờ cũng chỉ mang một tựa đề duy nhất: Thơ thẳng đứng.

Về ông, người ta đã nói tới thơ "siêu hình". Theo ý tôi, đây không phải là từ chính xác. Juarroz không diễn tả thành những bài thơ những tia chớp của tư tưởng. Ông cũng chẳng tìm cách gỡ ra như một tư tưởng của thế giới, nội tại nơi thế giới. Ông gắn vào thế giới một cái nhìn dò xét, cái nhìn đảo ngược hình ảnh của thế giới mà không thay đổi nó kể như thế giới. Khởi đi từ cái cụ thể nhất, ông đã biến đổi nó thành thơ bằng cách khúc lệch nó, kéo dài nó ra ngoài chính nó cho đến khi đạt tới cái *mặt trái* của nó, và hơn cả cái mặt trái của nó, như hình ảnh đảo ngược của nó, xa lạ, lửng lơ, mà chúng ta không thấy. Tóm lại, ông dành diễn từ cho thế giới,

một diễn từ chưa từng nghe nói, thật khó tin và choáng váng: diễn từ mà ông cũng có kể như thế giới, trong cái lạ lùng cực độ của nó.

Ít ra thời tôi thấy cái cách tiến hành của ông nó như thế. Đó không phải là “siêu hình”. Đó cũng chẳng phải chỉ là “thơ”. Mà là hiệu quả của hai thứ đó hợp làm một, sau sự nổ bùng của điểm gốc đã tạo thành, một đấng, là thơ và, đấng kia, là tư tưởng đã được cơ cấu hóa. Cái mới mẻ lớn lao của Juarroz là ông đã phối hợp cả hai lối đề cập tới thực tế. Là nhà thơ, ông đã tìm tới những phương tiện duy nhất của thơ, những chính là để dấn lên địa hạt của tư tưởng, để vạch ra ở đó một con đường, kể từ đó, không còn chỉ là một con đường của tư tưởng. Có thể nói rằng ông suy tưởng như thi sĩ, nhưng nhắm tới một tư tưởng mới và không chường ngại, được khai thông một cách khác. Kết quả cố nhiên là “bài thơ”, nhưng theo nghĩa nguyên thủy nhất của từ này, mà ông đã có trước mọi phân xé: vừa thơ vừa tư tưởng, hợp thành một toàn bộ không thể phân tán.

Tôi đã nói rằng ông sử dụng những phương thế bình thường của thơ. Nhưng chính là bằng cách điều hòa chúng, xiết chặt chúng, để chúng có thể phục vụ định ý của ông hay hơn cả. Thật ít hình ảnh, nơi Juarroz, và không một hình ảnh nào trong những thứ, thật rục rờ, khiến chúng ta lẫn lữa bên chúng và có thể khiến ta đi lạc. Thật ít những từ chói sáng nọ, những từ rất có thể kìm giữ ta lại ở ngoài cái nghĩa trống trơn mà ông tìm cách tô đậm. Những bài thơ của Juarroz hoàn toàn không phải những đối tượng ngôn từ tự nguyện làm những thứ “kỳ hoa dị thảo”, thu vào với chính mình, khép kín trên chính mình. “Niêm luật” ở đây thật mềm dẻo và bao giờ cũng liên kết với nghĩa. Yếu tố chắc chắn là có tính cách thơ hơn cả trong đó là nhịp điệu, một nhịp điệu bền bỉ, điều hòa, đôi khi hơi hẫ, nhưng cả nó nữa, nơi tầng ngôn từ, cũng chỉ khắng khít với sự chỗi dậy tinh khôi của thế giới thứ nhì hay kép mà tôi đã nói, hiện ra từ những vùng sâu thẳm.

Ta hãy xem xét tất cả bằng một bài thơ khá ngắn trong tập *Thơ thẳng đứng mười ba*, tập sách cuối cùng đã xuất bản của ông:

Tất cả bắt đầu ở nơi khác.

*Chẳng quan trọng gì nếu một vài sự vật nào đó
hãy còn ở đây*

hoặc kết thúc ở đây nữa:

ở đây chẳng có gì bắt đầu.

Chính bởi thế mà lời nói này, cái im lặng này.

*cái bàn này, chiếc bình này, những bước chân em,
nhất thiết chẳng bao giờ có ở đây.*

*Tất cả bao giờ cũng ở nơi khác:
ở đó ở nơi nó bắt đầu.*

Đâu là thế giới trong thế giới, bài thơ hỏi, thế giới thật trong cái thế giới, thông thường, của thói quen, trên đó chúng ta trưởng đi, bằng một sự quen thuộc dị kỳ cho phép chúng ta sống mà không choáng váng mặt mày? Cái ở đây, nơi chúng ta hít thở, làm bằng gì? Một vài từ: bàn, bình, những bước chân em, lời nói này, cái im lặng này, cũng đủ để gọi ra nó, từ cái tầm thường nhất tới cái tinh tế nhất. Còn những từ nào giản dị hơn! Nhưng chúng được dùng trong một tiết điệu vừa lên dần vừa tiết lộ, mở ra bằng xác ngôn khởi đầu *Tất cả bắt đầu ở nơi khác*, nó cho chúng một sức nặng, một tầm quan trọng đột ngột và bất thường, chính sức nặng của thế giới nơi chúng ta hiện hữu, tự nhắc nhở với chúng ta. Một khoảnh khắc tự nhắc nhở, là vì đây chính là vấn đề bỏ mất nó. Câu thơ đầu tiên, một mình nó, mở ra một vực thẳm. Ta càng đi tới, vực thẳm ấy càng lõm xuống. Cái thế giới đơn giản, ngay từ đoạn thơ đầu, đã lung lay và phân rã. Thế giới ấy, nơi các sự vật, *hãy còn ở đây* và cũng có thể *kết thúc ở đây* nữa, tồn tại mãi ở đây nữa tới lúc chót. Nhưng câu thơ kế tiếp lập tức phá vỡ sự kỳ diệu, du nhập vết nứt, thảng tay bỏ chuyện ở lại bằng cách lộn ngược cái ở đây như một chiếc găng tay; ở đây *chẳng có gì bắt đầu*. Chỗ dậy lúc đó là một *mặt trái* xa lạ, chỉ thống ngự một cách tiêu cực, là vì nó không cung loại với cái bề ngoài bao quanh ta. Như một tấm màn vướn rờng trên quang cảnh quen thuộc. Những sự vật chắc chắn tạo thành cái trang cảnh bên ngoài của nó, tỏ ra là chúng không còn gì chắc chắn, rằng chúng cũng chỉ có ở đây một cách rất yếu ớt, và còn, *nhất thiết*, bài thơ nói rõ, *chẳng bao giờ có ở đây*. Nhưng vậy thời chúng ở đâu? Thực sự cái thế giới-thế giới tự dần trải ở đâu? Hai câu thơ chót, đứng cách biệt, sẽ nói ra điều đó, chúng sử dụng lại xác ngôn đầu tiên, nhưng lần này tự nó đã phình ra, xác ngôn lúc khởi đầu chỉ có tính cách bí hiểm: *Tất cả bắt đầu ở nơi khác*. Những gì hiện hữu, *tất cả* những gì hiện hữu ở chung quanh ta, hiển hiện, sờ mó được, tất một lời: có mặt bắt đầu ở nơi khác. Những gì hiện hữu, tất cả những gì hiện hữu ở chung quanh chúng ta, hiển hiện, sờ mó được, tất một lời: có mặt, một sự có mặt cam điếc hay sáng rõ, tất cả những thứ đó không có ở đây, mà ở *nơi khác, bao giờ cũng ở nơi khác*. Mặt trái của thế giới, vào lúc chung cuộc, đã chỗi dậy, một mặt trái không nơi chốn, một mặt trái cũng chỉ ở *nơi khác*. Người ta không thể nói là ở đâu, nhưng chắc chắn là không phải ở đây. Sự lung lay là “bất phản hồi”, điều mà bài thơ muốn sản sinh, sự đảo lộn đã hoàn tất. Thế giới, tóm lại, thoát khỏi chính mình và, bởi thế, thoát khỏi chúng ta. Nó thực sự không có ở đây, ở tầm mức kể như của kết quả, mà chỉ có ở đó ở *nơi nó bắt đầu*. Cố nhiên đó cũng vẫn sẽ là cùng một thế giới, là vì ở nơi xa đó, trong cái ở nơi khác

không thể lại gần ấy, đúng là nó *bắt đầu*. Nhưng đó cũng không thể là cùng một thế giới ấy, chỉ với tư cách là nó *bắt đầu* ở đấy, trong một giác mơ rạng ngày. Đó chính là thế giới này và một thế giới khác, thế giới này và thế giới khác của nó trong cùng một chuyển động, nơi chúng ta hiện hữu và không còn hiện hữu nữa - nếu những gì hiện hữu chỉ hiện hữu ở đó ở nơi chúng *bắt đầu* -, nơi mà, rốt cuộc, vừa ở đó, do một tác dụng của sự sai chệch méo mó diễn ra như trong chớp nhoáng, thực ra chúng ta cũng vừa không có ở đó.

Chỉ trong ít chữ và phát hiện trong cái ít ỏi đó, quả là một tai biến dữ dội! Thế giới, trong lúc vẫn còn là thế giới, đã đảo ngược trong ký hiệu của nó. Đọc một bài thơ như thế, và nhiều bài khác cũng căng thẳng như thế, người ta bước ra choáng váng. Và người ta có thể tự hỏi: biến cố ở bên trong đã mang tính chất nào - thi ca hay tư tưởng, để bỏ chúng ta lại như thế, không thoát được một lời, ở nơi xa lạ? Đó là tính chất thi ca, thoát đầu tôi đã toan nói. Là vì, trong lúc không phải chỉ là một hình ảnh đơn thuần, sự “bắt đầu” mà bài thơ gợi ra, tự bản chất, trước hết là thi ca, do sự mập mờ lơ lửng, khoảng so le, chênh lệch mà nó tạo ra hướng tới một thế giới vô hình, bấp bênh, nhưng ngấm ngấm cảm thấy. Do vọng âm của nó và khả năng của cái vọng âm khuấy động ấy nơi chúng ta... Thế nhưng, cùng lúc, đó cũng là một tư tưởng sâu sắc, mãnh liệt và mới mẻ, mở ra những viễn cảnh tuyệt vời về tính ngẫu nhiên, bấp bênh, không chắc chắn của thế giới nơi chúng ta hiện hữu và tính hữu hạn giả dối, gây thất vọng của nó. Tư tưởng ấy nói: thế giới là kếp và phân xẻ giữa cái phần đã hoàn thành của chính nó và cái phần, hãy còn nguyên, không thể chạm tới và hoàn hảo nơi mà nó chỉ mới “bắt đầu”. Vậy thời tư tưởng nói ra điều đó nhưng không phải là theo cách thức thông thường của nó. Nó nói ra điều đó trong một chuyển động của thơ, một lối bước của thơ, nó được phối hợp với những điều đó trong cách cấu tạo của bài thơ và, hơn thế nữa, trong phản hưởng của nó nơi chúng ta. Đồng thời, đó cũng là một “ý niệm” mạnh hơn là ý niệm mà, nếu chỉ có một mình, tư tưởng có thể sản sinh trong kiểu thức của nó, kiểu thức tự cấm chỉ sự mơ mộng và mọi xâm nhập có thể là mạo hiểm đối với nó, trong những giới hạn là giới hạn của nó, trên những vùng đất nổi tiếng là bấp bênh. Gần như một ý niệm thuần khiết, nhưng được phối hợp mạnh mẽ với thực tế bằng sự cấm rẽ vào cái ở đây, bốn lần được kể tên trong bài thơ, và bằng sự ghi vào một cái ở đó, cố nhiên là một cái ở đó thuộc về nơi khác, nhưng cũng là một cái ở đó không thể chối cãi, ở chỗ nó trước tiên là ở trong chúng ta, hay cũng ở trong chúng ta không kém, khi bài thơ chạm tới chúng ta. Ấy là điều khiến cho, sau khi đọc, ta có cảm tưởng như đúng là bài thơ đã dẫn dắt suốt cuộc chơi. Nhưng ấy là một thứ thơ được thanh lọc biết bao, không để ý gì tới chính mình, có thể nói là chỉ bản khoán tự vạch ra con đường của mình, một con đường khác

biệt trong những vùng chưa bị xâm phạm và hầu như bị cấm chỉ, cả cho thơ kể như thơ lẫn trong tư tưởng kể như tư tưởng.

Phải chăng đó là cái ý nghĩa mà người ta có thể ghép cho sự “thẳng đứng” mà Juarroz không hề tách rời trong gần bốn mươi năm: cái ý nghĩa như của một cuộc nổi dậy, của một sự thức giấc được báo trước, cả trong văn chương lẫn trong phạm vi một tư tưởng đang suy tưởng, ít tách rời và đồng thời mở ngỏ hơn đối với phiêu lưu mạo hiểm trong những cách thức ông sử dụng để đề cập tới thế giới và thân phận chúng ta trong thế giới? Bài học mà nhà thơ để lại cho chúng ta trong một sự nghiệp vô song, sừng sững như một đỉnh cao đơn độc ở chân trời của chúng ta, là thế giới vẫn khôn dò và vẫn là vực thẳm bất chấp những sự nhúng tay xen vào của chúng ta, và sự hiện diện của chúng ta nơi thế giới, theo từ ngữ của Rimbaud, vẫn còn phải “sáng chế lại”.

Ước chi, tiếp theo ông, trong bước đi thật thơ và đầy viễn ảnh của một vài giòng thơ mà tôi đã trích dẫn giữa biết bao giòng thơ khác, ít ra là chúng ta đã chấp nhận rằng cố nhiên tất cả những gì xác định trách vụ của chúng ta và khiến nó ngày càng khẩn cấp hơn “bắt đầu ở nơi khác”.

Diễm Châu dịch

RABINDRANATH TAGORE

1996

Bạn là kẻ đang tò mò đọc bài thơ này của tôi
 sau đây một trăm năm?
 Đắm trong tình yêu của trái tim tôi,
 liệu tôi có thể gửi tới bạn
 nét mờ nhạt nhất của niềm vui buổi sáng mùa xuân này,
 mùi hương của một đóa hoa,
 một tiếng chim hót,
 một tia lửa rực màu sắc hôm nay,
 sau đây một trăm năm?
 Dẫn sao, ít ra là một lần này thôi, xin bạn hãy mở khung
 cửa sổ quay về hướng nam
 và từ hàng bao lơn
 hãy chăm chú nhìn về chân trời xa.
 Rồi, chìm sâu trong tưởng tượng
 hãy nghĩ tới những đê mê của niềm hoan lạc
 đã trôi xuống
 từ một cõi trời tuyệt phúc nào đó xa xăm
 để chạm tới trái tim của thế giới
 một trăm năm trước;
 hãy nghĩ tới ngày xuân tươi
 mãnh liệt, cuốn hút và phóng khoáng
 và tới ngọn gió nam
 - sức nức phấn hoa -
 đang ào ào lướt tới trên những chiếc cánh miên man để tỏ
 lên trái đất
 những sắc màu rạng rỡ của thanh xuân
 một trăm năm trước ngày của bạn.

Và hãy nghĩ, trái tim y bùng bùng ngọn lửa,
 toàn thân y ngất ngây trong ca khúc,

một kẻ làm thơ đã thức giấc ngày hôm ấy
 để xòe ra như những đóa hoa
 vô vàn ý nghĩ
 thấm đượm biết bao là yêu đương! -
 vào một buổi sáng của một trăm năm về trước.

Sau đây một trăm năm,
 ai sẽ là nhà thơ mới ca những khúc ca cho bạn?
 Qua dòng năm tháng tôi gửi tới nhà thơ ấy
 lời chào hân hoan của mùa xuân này.
 Ước chỉ ca khúc của tôi vang vọng trong khoảnh khắc,
 vào ngày xuân của bạn,
 trong nhịp đập của trái tim bạn,
 trong tiếng thì thầm của bầy ong,
 trong tiếng rì rào của cành lá, -
 một trăm năm sau ngày hôm nay.

Tháng hai, 1896

RABINDRANATH TAGORE (1861-1941), thi hào Ấn-độ, viết bằng tiếng bengali và tiếng Anh, Nobel Văn chương 1913, còn là một họa sĩ và người soạn ca khúc. 1996 trích trong tập Chitra. Bản dịch dựa trên bản Anh văn của Somnath Moitra in trong tập Một trăm lẻ một bài thơ của Rabindranath Tagore, nxb Asia Publishing House, Ấn-độ, 1966.

MARINA TSVETAYEVA

Gửi Akhmatova

Ôi nàng thơ của nước mắt, người đẹp nhất trong các nàng thơ!
 Kẻ đồng lõa lạc loài của đêm trắng nơi chị sinh ra!
 Chị khiến lướt qua trên nước Nga nổi đờn đau đen tối của chị
 Và tiếng than đau buốt của chị xuyên qua chúng tôi như
 một mũi tên.
 Chúng tôi rên xiết tránh ra và tiếng A này
 Qua ngàn cửa miệng tuyên thệ cùng chị, Anna
 Akhmatova! Tên chị chỉ là một tiếng thở dài
 Rơi xuống vực thẳm bao la này nơi chẳng có gì gọi tên ra.

Đặt chân lên mặt đất mà chị đặt chân, bước đi
 Dưới cùng một bầu trời, chúng tôi mang một vòng triều thiên!
 Và kẻ mà chị gậy tử thương trong khoảng đường của chị
 Nằm bất tử trên giường chết của mình.

Thành phố của tôi vang vọng, những mái vòm lấp lánh,
 Một người mù lang thang bước qua ngọی khen Đấng cứu thế...
 Và tôi tôi hiến chị thành phố của tôi nơi những tiếng chuông
 vang vang.
 Akhmatova, và tôi tặng chị trái tim tôi nữa.

Mạc-tư-khoa, 19 tháng sáu 1916.

ANNA AKHMATOVA (1889-1996) và MARINA TSVETAYEVA (1892-1942) có lẽ là những nữ thi sĩ lớn nhất của Nga ở thế kỷ XX. Cả hai đều có chung một điểm: họ là những nạn nhân khốn khổ nhất của một thời.

PAUL CELAN

Những Năm Từ Em Tới Tôi

Một lần nữa tóc em gợn sóng khi tôi khóc. Bằng màu xanh
 của mắt em
 em dọn bàn tình yêu của chúng ta: một chiếc giường giữa
 mùa Hè và Thu.
 Chúng ta uống, thức gì ai đó chế, không phải tôi, hoặc em,
 hay một người thứ ba:
 chúng ta liếm láp một chút gì trống không và chót hết.

Chúng ta nhìn nhau trong những tấm gương của biển sâu và
 chuyển thức ăn cho nhau mau hơn:
 đêm là đêm, đêm bắt đầu bằng buổi sáng,
 đêm đặt tôi bên em.

Cảnh

Này các người hàng bạch dương cao vòi vọi - những con
người của trái đất này.

Này các người những mảnh ao đen của hạnh phúc - các
người in bóng chúng tôi chết!

Tôi đã thấy em, hỡi người em gái, đứng trong ánh ngời ấy.

PAUL CELAN (1920-1970) là một nhà thơ gốc Do thái sinh ở Bucovina, từng sống ở Pháp và viết bằng tiếng Đức. Ba bài trên trích trong tập Mohn und Gedachtnis (1952).

ROBERTO JUARROZ

Một ngày kia chúng ta sẽ không còn có thể ra đi nữa.

Đột nhiên, sẽ quá trễ.

Không còn quan trọng gì biết

cuộc du hành từ đâu tới và đi về đâu.

Có lẽ về đâu cực bên kia của thế giới

hay chỉ từ mình tới chiếc bóng của mình.

Lúc đó chúng ta sẽ vẽ hình một con chim

và chúng ta sẽ đóng đinh nó ở bên trên cánh cửa

như huy hiệu và dấu ghi nhớ,

để nhắc nhở rằng

cuộc khởi hành tối hậu cũng chẳng có.

Và chiếc lao

đã đóng xuống mặt đất,

sẽ chỉ cắm sâu thêm chút nữa.

*

Những câu trả lời đã chấm dứt.
 Có lẽ chúng chưa bao giờ có
 và chúng chỉ là những chiếc gương
 đối chiếu với trống không.

Nhưng lúc này những câu hỏi cũng đã chấm dứt.
 Những chiếc gương đã vỡ.
 kể cả những chiếc không phản chiếu gì hết.
 Và không có cách nào làm lại chúng.

Tuy nhiên,
 có lẽ vẫn còn ở đâu đó một câu hỏi.
 Im lặng cũng là một câu hỏi.

Vẫn còn một chiếc gương không thể vỡ
 là vì nó không đối chiếu với gì hết,
 là vì nó ở bên trong tất cả.

Chúng ta đã tìm ra một câu hỏi.
 Im lặng phải chăng cũng sẽ là một câu trả lời?

Có lẽ, vào một lúc nào đó đã định,
 những câu hỏi và câu trả lời cũng hết như nhau.

ROBERTO JUARROZ (1925-1995), nhà thơ Á-căn-đình, tác giả mười ba tập Thơ thẳng đứng, mất ngày 31-3-1995. Hai bài thơ trên của Juarroz chưa từng in thành sách và mới được bà Laura Cerrato cho công bố trên tạp chí Poésic 95 tại Pháp.

MARIN SORESCU

Định Mệnh

Con gà đông lạnh tôi mua
Đêm qua
Đã sống lại,
Để một trái trứng lớn nhất trên thế giới,
Và được tặng giải Nobel.

Trái trứng phi thường ấy
Được chuyển tay,
Chỉ trong vài tuần đã đi vòng quanh khắp trái đất,
Và quanh mặt trời
Trong 365 ngày.

Con gà nhận được không biết bao nhiêu là tiền mặt,
Tính ra thành những thùng thóc
Ăn không xuể

Là vì nó được mời đi khắp nơi,
Đọc diễn văn, dành những cuộc phỏng vấn,
Được chụp hình.

Rất thường khi các phóng viên nài nỉ
Rằng cả tôi nữa tôi cũng nên ngồi làm kiểu mẫu
Bên cạnh nó.
Và thế là, sau khi đã phục vụ nghệ thuật
Suốt đời tôi,
Đột nhiên tôi đã đạt được danh tiếng
Như một kẻ chăn nuôi gia cầm.

MARIN SORESCU là một nhà thơ, kịch tác gia, người viết bút ký và nhà phê bình văn nghệ kiệt xuất của Ru-ma-ni hiện đại. Ông sinh ngày 19 tháng Hai 1936 tại Bulzésti, một làng nhỏ thuộc tỉnh Olténie, ở về phía tây-nam Ru-ma-ni. Trình bày sẽ in một tuyển tập gồm 139 bài thơ của ông.

Diễm Châu dịch

JOSEPH BROSKY

Bài Ca Cho Bosnie

Khi mi uống *whisky*, ăn miếng thịt sườn bê, và khi trước
buổi hòa nhạc, những ngón tay mi cài lại khuy áo
có những kẻ đang hấp hối.

Nơi những thành phố với những cái tên kỳ quặc, bị giết, bị
thiêu mà không biết những căn nguyên của sự dữ
có những kẻ đang hấp hối.

Nơi những xô xỉnh nhỏ bé mà mi không hay, không hề thốt ra
một
tiếng kêu, không được chịu những phép thánh cuối cùng
có những kẻ đang hấp hối.

Họ đang hấp hối và mi mi phò mặc
vẫn những tên đạo đức giả
chỉ biết tới đứng đưng và phục tùng
và có những kẻ vẫn đang hấp hối.

Quá xa để có thể yêu những người anh em thuộc nòi *slave*
của mi, ở đó nơi các thiên thần nhỏ không bay
có những kẻ đang hấp hối.

Những pho tượng biểu lộ sự ghê tởm của chúng, dấu hiệu của
Cain,
lịch sử mê cuồng
những tấm thân trần truồng của những kẻ đang hấp hối.

Mi đọc những thành tích thể thao và kết số ngân hàng của mi
và khi các con mi đi ngủ
có những kẻ đang hấp hối.

Con ma cà-rông của thời giansê kịp thời phân tách các
nạn nhân mất đi với bọn người hạ sát họ
nhưng chiếc bóng của mi thuộc về chúng.

Joseph Brosky (1940-1966) là một nhà thơ Nga, năm 1964 bị một tòa án ở Leningrad kết án đày 5 năm vì tội là “ký sinh trùng xã hội”, phải sống xa quê hương từ 1972, cư ngụ ở Hoa Kỳ, Nobel văn chương 1987. Bản dịch dựa theo bản Pháp văn của Vladimir Fisera đăng trên tờ Lettre (internationale), bộ mới, số 2, 1995 để tặng Claude Vancour, người đã cho tôi hay tin Brosky từ trần đột ngột vì một cơn đau tim vào cuối tháng giêng 1996; và để gửi Hoàng Ngọc Biên, dịch giả đầu tiên tại Việt nam của Brosky (DC).

Diễm Châu dịch

RENÉ CHAR

Dinh và Nhà

Paris đã được hoàn tất hôm nay. Tôi sẽ sinh sống tại đây. Cánh tay đã thôi ném mảnh linh hồn tôi ra xa. Tôi tùy thuộc.

Ngoài Không Gian

Mặt trời bay là là, bay thấp như con chim. Cả hai đều bị đem vùi dập. Tôi thương chúng nó.

Cổng Sắt

Tôi không cô đơn bởi tôi được người ruộng bỏ. Tôi cô đơn nhờ bản chất, một hạt hạnh nhân trong khuôn vườn nhà.

Tù

Tuổi trẻ tôi lúc nô đùa đã giam giữ cuộc đời.
Ôi chiếc tháp nơi tôi đang sống!

Hỡi, các ruộng lúa nhắm ngó mình qua bốn mùa gặt hái.
Tao gào, bạn quay.

Đường Chỉ của Đức Tin

Đặc ân của các vì sao là đã nhắc nhở cho chúng ta mở miệng nói, để thấy mình không còn cô độc, bình minh có một mái nhà, và chùm lửa ấm của anh là đôi tay em.

Ngôi Nhà Khoa Trường

Giữa giờ giới nghiêm của năm và sự run bật của một thân cây ngoài cửa sổ. Các khoản viện trợ đã bị cắt. Đóa hoa thủy tinh của cỏ rảo quanh khuôn mặt. Nơi bậc thềm đêm ảo giác rập rờn đang tiếp đón cụm rừng.

Nguyễn Đăng Thường dịch

Bạt Cho Một Tập Thơ

Josef Hlaváček

Xuất bản tác phẩm của Jirí Kolár là một công việc tựa tựa như đi khảo cổ. Một cuộc phiêu lưu, đặt lại trong khung cảnh hiện đại những công trình phát sinh trong một khí hậu văn hóa và chính trị hoàn toàn khác biệt, khiến chúng ta mỗi lần lại khám phá ra một lát nhỏ lịch sử văn hóa của chúng ta và thường đưa ra ánh sáng những tương phản đáng ngạc nhiên giữa quá khứ và hiện tại. Nó thúc đẩy chúng ta đặt lại vấn đề đối với những ý tưởng đã được chấp nhận và sửa đổi cái định nghĩa thông thường của chúng ta về thơ. Nó, lật ngược cái tương quan nhân quả, khiến chúng ta tìm lại ngọn nguồn đầu tiên của những khuynh hướng mà các thứ pho sản đã làm chảy nhiều mực.

Sau khi hiến văn chương Tiệp những cuốn sách thật đáng chú ý như *Lâm-bô* và những bài thơ khác (1945) và *Những ngày trong name* (1948), Jirí Kolár đã bị bắt buộc phải im hơi lặng tiếng trong những năm năm mươi. Ông chỉ được nói gián cách, qua những bản phỏng tác Carl Sandburg và Edgar Lee Masters, đem lại cho một sức mạnh bất hủ. Đối với ông, ấy cũng là một thời kỳ suy tư thật cam go về những vấn đề của thi ca, một cuộc nghiền ngẫm dưới sự chỉ đạo của một quyết định mà người ta đã linh cảm nơi những tác phẩm trước nữa của ông, trong đó, mối quan tâm đến sự thật về số mệnh con người vượt trên những suy xét có tính cách thẩm mỹ, những quy ước đã được chấp nhận về thi ca nhường bước cho một định kiến phải xô đẩy đảo lộn dẫn đưa nhà thơ tới một qui phạm mới về hình thức.

Lúc ấy, Kolár tuyên bố rằng thi ca không tiến tới được lấy một phân kể từ “*The Waste Land*” của Eliot (T.S.), tác phẩm minh họa sự tan rã không nguyên của những lược đồ tình tự mà cả của những nghĩa lý nhân bản truyền thống, sự thiết yếu phải làm thơ khác đi kể từ nay.

Thoạt nhìn, người ta có thể ngỡ đây là một thái độ hư vô chủ nghĩa nhưng Kolár đã mau mắn đem lại cho chữ chỉ của ông một nội dung tích cực. Những bài thơ dành cho người mù sử dụng, những bài thơ điên (dimgogrammes), những bài thơ theo chiều sâu, những tác phẩm “rollages, chiasmages” và những “bài thơ – đồ vật” của ông cho thấy rằng mọi sự đều có thể trở thành chất liệu của thơ. Trong tay ông, chữ biến thành sự vật. Chính các sự vật - những đồ vật mà ta gần gũi trong cuộc sống hằng ngày - hòa nhập “nguyên si” như thế trong “thơ thị giác” của ông.

Đây là một lập trường gắn với lập trường mà vài năm sau chính Pierre Restany, lý thuyết gia của trường hiện thực mới của Pháp, cũng sẽ nhìn nhận khi kêu gọi hủy bỏ khoảng cách giữa nghệ thuật và đời sống, đưa vào nghệ thuật “*thực tại có tính cách xã hội học của nền văn minh hiện đại*”.

Kết quả, nơi Kolár, là một sự biến hình thật lạ lùng. Ông khước từ các chữ, hay ít ra là khước từ những ý chỉ mà ngôn ngữ đã đặt vào chúng và thực tại cũng đã trở lại tố cáo tính độc đoán. Ông khước từ thứ văn pháp suy lý và ứng kêu gọi tới các sự vật hơn, những sự vật nằm đây đó trên những chặng đường của con người, ông cũng vận dụng cả các từ như các đồ vật nữa, để cuối cùng đạt tới một văn pháp tạo hình mới. Ông chối bỏ sự lừa gạt của các chữ, chữ không phải cái thơ mà ông khám phá ra ở nơi khác:

“Tôi đã đi tới những tập hợp, lắp ráp (assemblages) là nhờ cuộc thăm viếng viện bảo tàng Auschowitz. Đối với tôi, đó là một trong những kích xúc lớn nhất mà tôi từng cảm thấy: những gian buồng rộng rãi với những khung cửa lắp kính trở trong vách, đầy những tóc, giấy dếp, va-li, áo quần, những hàm răng giả, chén đĩa, kính đeo mắt, đồ chơi trẻ em, v.v.. Tất cả những thứ đó được đánh ghi bằng một số mệnh thật hãi hùng, bằng một cái gì đó mà nghệ thuật không đủ để diễn tả, và có lẽ sẽ không bao giờ đủ.”

Tức thời, thêm một lần nữa ông lại lọt vào sổ đen: những kẻ khám phá các “*thần thoại hằng ngày*” (mà Những ngày trong năm đã loan báo), những nhà canh tân “*hàn-lâm tính Apollinaire*” cũng như các thi nhân của chủ trương tự tình sát đất của xã hội hiện đại (một đường hướng mà Kolár đã thực hành trong các bản dịch) nhìn tác phẩm của ông trước hết như một trò chơi đơn thuần - cố nhiên hay thì có hay, nhưng nhất định là nằm ngoài thi ca.

Khước từ ấy gần như ngay tức khắc đã bị phong trào nổi bật lên trên trường quốc tế cải chính và ngày nay cho phép chúng ta đo lường được tất cả tính độc sáng và tầm quan trọng của công việc tiên phong này. Về phương diện này, tập thơ “*giải-tĩnh*” (déstatique) nhỏ mà người ta vừa đọc đây chính nó cũng tiêu biểu cho một cuộc theo đuổi truy tầm cổ vật. Có lẽ người ta sẽ nhầm lẫn khi để cho mình bị lối viết toàn hảo của những bài thơ này lừa gạt. Người muốn tôn trọng ý hướng của tác giả nhất thiết chẳng nên chỉ bằng lòng với chuyện đọc. Những bài thơ này muốn được

thực hiện. Nguyên liệu chúng sử dụng không phải là ngôn ngữ, cũng chẳng phải cả đến những đồ vật (đóng một vai trò chứng nhân, như trong những tác phẩm cắt dán, lắp ráp), mà là hành động của con người như hành động của con người. Thơ ở đây hóa thân nơi hành động (hoặc cái bất-hành động, tùy theo quyết định của chúng ta đứng trước những chỉ thị đã cho) và ấy cũng là một cách để nhận biết chính bản thân chúng ta. Bởi thế, đây là những bài thơ có tính cách Socrate.

Tác giả ghi năm tháng của những bài thơ ấy là 1965, nhưng nhiều bài, trong thực tế, đã có trước đấy. Có lẽ sẽ vô ích khi nhấn mạnh ở đây về những quan hệ thân thiết nối kết tác phẩm của Kolár với nhiều khuynh hướng nghệ thuật hiện đại - trường phái *lettrisme* (1), thơ cụ thể và hiển nhiên, những *happenings* (2), v.v.. Công việc của ông là một thành phần sống động của diễn tiến này, nơi ông đã tìm cảm hứng, những cũng đã đi xa hơn về nhiều mặt.

Chúng tôi chỉ muốn nhắc lại, thay cho kết luận, cái nguyên tắc nằm ở nền tảng của hầu hết những nỗ lực này và cũng là điều không biểu lộ ở đâu rõ rệt cho bằng trong những bài (chỉ dẫn) cách dùng của Kolár. Ấy là ý định huỷ bỏ khoảng cách giữa người nghệ sĩ và khán giả bằng cách mời gọi sự tham dự tích cực của người này. Ý hướng có lẽ là không-tưởng, không bao giờ có thể thực hiện được đầy đủ, nhưng nó chứng tỏ chiều kích nhân bản của nghệ thuật này, một nghệ thuật đang vạch ra những đường hướng mới cả cho thực tại lẫn ý thức tập thể.

Chú thích:

- (1) trường phái nghệ thuật và văn nghệ tiên phong chủ trương cái đẹp và thơ nằm trong âm hưởng hoặc cách sắp đặt các chữ, các ký hiệu.
- (2) hình thức trình diễn xuất phát từ Hoa Kỳ, đòi hỏi sự tham dự tích cực của công chúng, tìm cách tạo ra sáng tạo nghệ thuật đột khởi, hỗn nhiên.

JIRÍ KOLÁR

Kỷ Niệm

Quay lưng lại cánh cửa ra vào
hãy đi dọc theo những vách buồng
bằng cách điều khiển việc di chuyển bằng tay phải
và gãi khắp người đôi chút bằng tay trái
cho đến khi anh ra khỏi nhà
Ở lại đôi lúc trước lối vào
đầu ngửa ra phía sau
như thể anh bị chảy máu cam
rồi đi theo lề đường
tiến về trung tâm thành phố
và nháy mắt với bất kỳ ai
nhìn anh

Trước những cửa tiệm bán thực phẩm hãy ngả nón
trước những quán rượu hãy đổi dáng đi
trước những cửa tiệm quần áo hãy nhăn mũi
trước những cửa tiệm giày dép hãy đi cà nhắc
trước những cửa tiệm đồ chơi hãy nhảy nhót
trước những buồng điện thoại hãy bịt tai lại
và cứ như thế tiếp theo cho đến khi chết vì chán ngán

DƯƠNG TƯỜNG

Nơi Bức Tường Việt Nam

ôi người tôi chưa quen
bạn cũng không biết tôi
mà tôi đến

ôi người bỏ cha mẹ anh anh em em
như tôi xa vợ con trong lúc này
để tôi đến

ôi vì yêu thương mạnh hơn hận thù
nói cầu được đại dương
làm tôi đến

ôi người đã không trở về nhà được
còn tôi thì vẫn
nên tôi đến

*Vũ Huy Quang dịch
Tết Bình Tý*

Chú thích

Nguyên tác: At the Vietnam Wall.

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Lời Của Mây

Ngày động quá!
Những vui chơi trong cuộc đời cứ chờ đợi
Phục kích ai
Không có tôi
Tôi ở trên cao
Cao hết mọi niềm vui
Vỡ tan cùng khí quyển
Bay về đâu quê nhà hư huyền
Bay tìm đâu một chốn thanh không
Cho tôi một chút tĩnh lặng
Tôi cần một khoảng trống

Điều kỳ diệu là được thấy lại mình
Tôi đi xuyên quá những tầng bông gòn đục
Đôi mắt của ngày tháng. Dã hoang
Tôi thêm bay một chuyến trở về
Tìm lại tôi
Bắt gặp tôi
Và chính tôi mà thôi
Không phải ai khác
Tôi đắm đầu vào tầng mây thứ chín
Tự tử cùng mây lạc
Kỳ ngộ với im lặng

Tôi lượn lơ như mây
Tôi muốn làm gì thì tôi làm
Tôi tự do bay
Bạn muốn làm gì thì bạn cũng cứ làm
Bạn phiêu hốt như mây
Bây giờ hay nghìn ngày sau nữa
Bạn chỉ nên làm những cái bạn thích

Tôi đã sống bằng một bộ mặt khác quá lâu
 Tôi đã bôi phấn trét hoa
 Cố làm cuộc đời đẹp hơn
 Chúng ta luôn ngụy tạo những điều không có thật
 Tôi cũng là một tên hề vĩ đại
 Dù biết chảy nước mắt
 Sau những lần vãn tuồng

Tôi đã vất vưởng trong cuộc đời quá lâu
 Chong lên đi. Thấp lên đi
 Sau một cuộc hành trình mỗi mệt
 Tôi hỏa thiêu tôi trong mây
 Mây xâm nhập vào tôi
 Cho tôi một đốm sáng

Nắng. Vẫn là thứ nắng rỡ ràng
 Thoát xiêm y, đơm xanh những lá cây
 Óng ánh đến muốn động lòng trắc ẩn
 và màu trời xanh phơn phớt
 Khi nắng đột nhập vào trí tưởng
 Nhưng tôi không nhốt được
 Trong bàn tay ký ức
 Tất cả trơn tuột đi
 Loại xà phòng hạng bét
 Nước mắt cũng không bôi xóa được điều gì
 Anh ẩn hiện uy nghi
 Như một vòm trời đầy sấm chớp
 Làm rơi
 Những băng ngọc tuyết nào nùng của dòng sông thơ

Thật ra
 Tôi chẳng bao giờ có được điều ấy
 Và cái đang có cũng là cái đang mất
 Mọi sự trong đời sống
 Rồi cũng cầm bằng
 Như Mây.

TRẦN MỘNG TÚ

Yêu Nhau Như Yêu Thơ

Bây giờ thì em biết rồi
chúng mình yêu nhau như hai bài thơ
mỗi bài ở một trang giấy
mỗi bài có một cái tựa riêng
đấu đôi khi cùng in chung trên một tờ báo
sống cô đơn đồ sống
hai miền

Bây giờ thì em biết rồi
chúng mình yêu nhau như bài lục bát
chữ này phải hợp vận với chữ kia
như câu tám phải ăn vận câu sáu
như tình yêu buộc mỗi đăm mê

Bây giờ thì em biết rồi
chúng mình yêu nhau như ngũ ngôn tứ tuyệt
chỉ có bốn câu mà gói cả đất trời
mỗi chữ là một vì sao nhỏ
mỗi giòng là một sợi nắng rơi

Bây giờ thì em biết rồi
chúng mình yêu nhau như thối ngon bất cứ
lời thơ mật chảy trên môi
cũng có lúc cả hai cùng khựng lại
chỉ vì anh giec vận nửa vời

Bây giờ thì em biết rồi
Anh đã yêu em như bài thơ
không niêm không luật
vừa hôn trên trán
đã hôn vai
dấu hỏi dấu than trong mắt em
anh không nhìn thấy
tóc mai em anh chưa rõ
sợ ngắn dài

Thôi anh ạ từ nay có lẽ
mình sẽ yêu nhau như một bài thơ
không tựa - không lời.

HUỲNH MẠNH TIÊN

Don Quichotte (*)

Em đồng đánh một chiều ngoài phố
Tôi khù khờ nguyên thủy vẽ chân dung
Tranh truyền thần bột chì đen giấy trắng
Trời say mê. Trăng quầng búa ăn năn
Ngà ngọc đổ giọt sũng ngai rồng rắn
Nụ mộng trâm thắp thỏm đón sương giăng
Ai chẳng có một thời trần trở
Thương mẹ nhiều - Thương mẹ nhiều
Và sợ bố lắm khi
Đời hứa ngọt tai ngu ngơ nghe lọt
Câu rắn đe châm chọt hang xú Chàng giật mình
Thạch Sanh hát:
“Thích làm trẻ nhỏ
“Bỏ xa đời
“Đời ân ái qua loa!”
Ôi lắm lúc tôi cũng khoái làm trẻ nhỏ
Không sợ những cái người lớn -
Sợ. Vứt những cái người lớn -
Tham. Đam những điều người lớn -
Ghét. Giàu những thứ người lớn -
Nghèo
Thì có lúc ai cũng muốn hồi tuổi nhỏ
Trưa cỏi trướng
Xuống tắm hai lần một giòng sông
Để chính mình chút chung thủy với mình
Để chính mình biết mình có một
Giòng trong
căn hộ nào giữa tràng đạn
“Âm thanh nổi ba chiều” nã vọt

Bị mặt trời đê
Buổi trưa hè nằm mơ mưa
Thấy mình bã mía
Phơi hóng sân hẻm chột
Hòng mai chiều chung thủy chín cơm canh
Bầy ruồi nhặng vị chung thủy loanh quanh
Hàng quán đẹp chút hương thừa chung thủy
Tờ giấy lớn thủy chung nằm đáy ví
Tháng năm cùng bùa hộ mạng đó cứng!

*

Nụ mộng đầu
Đong đưa trong mảnh vườn kỷ niệm nhiều hộ khẩu
Kìa đàn ong bầu chung thủy thụ tinh khóm hoa nhựt
Tôi lưng gù một mình một ngựa
chiếc đầu lâu không nã trên vai
Và
Trái tim
 Ừ trái tim
 Trái tim Độc Huyền
 Không dây
Dưới gối
Cứng có một thời bối rối
Dựa cột nhìn tôi?

(*) chép (có “bổ sung”) tặng KT & TV

Đời Tàn Trong Ngõ Hẹp*

Đỗ Kh.

Lăng Khải Định ở Huế nằm trên một ngọn đồi. Ngoài việc lăng này xây bằng xi măng (Pháp) và có một cái cổng sắt (Tây) thì cũng không có gì đáng nói. Nhưng trước mặt lăng là một quả núi, phía gần đỉnh có dựng một ngôi chùa và chót vót ở trên nóc là một cái lô cốt. (Chùa cất bằng vật liệu gì thì tôi không biết, nhưng lô cốt thì nhất định bằng bê-tông). Vì sự sắp xếp ngẫu nhiên này (do hoàn cảnh xô đẩy) nên dân gian ở trong vùng mới có câu:

Phật ở trên vua / nhưng còn thua lô cốt.

Người Âu, (sự chuyển tiếp mạch lạc giữa đoạn này và đoạn trước đã được sửa soạn bằng *Pháp* xi măng và *Tây* cổng sắt). Người Âu có câu:

Bắt đầu là con chữ (“logos.” Chữ này, tôi có thể viết bằng nguyên văn Hi tự nhưng thế sẽ gây khó khăn cho việc sắp chữ bằng vì tính của tờ tạp chí này.)

Như vậy (đây là đoạn 3 của tam đoạn luận), nếu ông Lacan là người Việt Nam và ở Huế thì trong một những *séminaire* của ông (ở trường Quốc Học?) ắt phải có câu:

Bắt đầu là lô cốt? (dấu hỏi này là của Ông Lacan người Việt Nam, ở Huế, nói trên, không phải của tôi, người viết).

*

Với người Việt Nam ta, ở Huế, hay ở Sơn Tây (tôi rất thích Sơn Tây) hay ở đâu cũng vậy, và từ một (bốn?) nghìn năm nay, Con chữ là trên hết. Trên vua, và nhích người lên một tí, còn trên cả Phật. Đây là pháo đài kiên cố nhất mà văn minh phương Bắc đã để lại ở ta, kiểu cột đồng Mã Viện. Mỗi người Giao Chỉ đi ngang qua, lại thêm vào một hòn đá, nó trở thành một trái núi mà ngay cả Ông Ngu Công của Mao chủ tịch nhìn thấy

cũng phải đứng đó mà lè lưỡi. “*Con chữ chết / Giao chỉ diệt*” (câu này tôi có thể viết bằng nguyên văn Hán tự nhưng như vậy sẽ gây khó khăn cho việc sắp chữ của tờ báo như đã nói ở trên).

Vì vậy, dân tộc ta mới là một dân tộc nhà thơ.

Từ một ngàn năm nay (từ năm 996 công nguyên), dân tộc Việt Nam là một dân tộc nhà thơ và đã có rất nhiều thơ hay. Điều này tôi không cần dẫn chứng, sơ sơ một vài thế kỷ gần đây thôi, cũng đã có Ông Đặng Bà Đoàn, Cô Hồ Cậu Nguyễn. Ngay cả chỉ trong một vài thập niên vừa qua, và riêng ở hải ngoại lại có (không, xin chữa = chỉ riêng ở hải ngoại mới có)... vô khối. Nhiều thật và thật là nhiều. Chưa bao giờ thơ hay nhiều đến thế: Cao Tân cũng ầm ức hiên ngang như Cao chu Thần và Du Tử Lê hậm hực nhẹ nhàng như là Du... Nguyễn. Các ông huyện Bolsa hàng ngày hoài cố hoài niệm tha thiết chẳng kém gì Bà Huyện Thanh Quan, có khi lại còn hay hơn. Khách quan mà nói, “*Tạo Hóa gây chi cuộc hí trường*” (câu này tôi có thể viết bằng nguyên tác chữ Nôm...) không bằng được “*Ta về cúi mái đầu sương điểm* (1) hay một “*Ta thấy hình ta những miếu đền*. (2)

Mà đó là mới nói về Ta. Về phần Tầu thì hiện nay những Vương Xương Linh, Thôi Hiệu của ta cũng không thiếu và nếu kể đến Tây thì từ Baudelaire đến Apollinaire ta cũng có nhiều. Tôi không thể kể hết được. Ngay trong thời kì chiến tranh, người Việt Nam, dân tộc Việt Nam vẫn túi thơ túi đạn, vừa bắn súng vừa tìm vần (“*Pằng pằng chú chú pằng pằng / Pằng pằng chú chú pằng pằng chú pằng*”). Những ông Đùng bà Đoàn của thời kì này dĩ nhiên không thua ông Đặng bà Đoàn ở một chỗ nào cả. Hãy cứ thử ngâm nga:

“*Ôm ên, gối trống đã chôn,
Nằm vùng cát trắng, ngủ cồn rêu xanh*”

Rồi tiếp theo:

“*Đêm nằm ngủ gối trên cồn cát
Nghe súng rừng xa nổ cắc cù*”

Hoặc đọc liền một hơi (ngâm liền một hồi):

“*Khói mù nghi ngút ngàn khơi
Con chim bật gió lạc loài kêu thương
Đến nay đêm lửa bập bùng
Đường đi mới được nửa chừng lời ru*

Thì thấy ngay là Bắc Sơn tương xứng với Hồng Hà cũng như Mạnh Hảo rất ngọt ngào nối tiếp Trần Côn. (3) Tôi đâu có nói ầu. Tôi đâu có láo. (Đây là chuyện thơ! Không được láo! Khoanh tay vào! Ngồi thẳng người lên!)

*

Cạnh lăng Khufu ở Giza, Ai Cập có một con nhân sư khổng lồ tạc từ một núi đá nằm đó cười bí hiểm. Con nhân sư này từ một (bốn?) ngàn năm nay bị mất cái mũi nên không ai hiểu nó nằm cười mỉm, cười gằn (cười mũi?) hay cười trừ cả. Điều chắc chắn là nó nhếch mép nằm một đống đó từ vài thiên niên nay trong khi mọi người, ông cũng như bà, vẫn đi qua và đi lại. Vì vậy, người Ai Cập (cũng là một dân tộc nhà thơ) có câu:

*Chuột thì có thể chạy đây chạy đó nhưng Nhân Sư thì chỉ
nằm đó mà cười*
(Dịch nghĩa)

Nhân Sư một đống nằm cười
Trong khi chuột chỉ chóe chơi ngoài đồng
(Dịch thơ)

Bởi vì, căng co hay căng thẳng, thì nền văn minh nhân sư của Ai Cập cổ cũng là một nền văn minh đã... chết. Như là những vua và những chúa, Phật (Vua không chết thì sao có lăng và chuyện “Thượng đế đã chết rồi” là chuyện khỏi phải ngồi quán nước lòi thối bàn cãi). Còn lại chẳng là những lô cốt bằng bê-tông cốt sắt hai bên bờ quốc lộ nằm loang lổ cạnh những cây cầu, những cổng làng khắp Bắc Nam. Bắt đầu là Con Chữ, và Con Chữ bắt diệt?

Hai mươi năm sau chiến tranh, những lô cốt vẫn còn (ở miền quê Việt Nam, rõ ràng lô cốt Tây lô cốt Mỹ là những công trình vững vàng nhất) nhưng cũng may, người ta đã gỡ đi giây kềm gai. Có nơi lô cốt bỏ hoang giữa những cánh đồng ngập nước, có nơi những người sống lấy những lô cốt chết làm nhà, vôi vữa lại, dùng làm nhà chính và xây thêm chung quanh vài ba gian phụ, quây quần chung quanh cái trụ vốn kiên cố này. Những pháo đài ngày nay làm phòng khách hay chơi vơi trên ruộng cũng có thể làm tổ quỉ, làm nơi để thổi sáo (tiêu phòng) cho những trẻ chăn trâu (mục tử). Cái sống dù mềm, vẫn thắng cái chết rồi cứng ngắt.

Chữ đã chết rồi.

Anh bạn tôi, dù vốn hiền lành, cũng phải dẫn cốc cà phê mà thốt lên như vậy. “Thơ hay đã có nhiều, giờ chỉ cần thơ dở”, tôi phụ họa. Những lập lòe lửa lựu, một ngàn năm nay (tức là từ 996 công nguyên) đã đưa được thơ lên hàng mỹ nghệ cùng với sơn mài và đồ gốm khiến cho việc làm thơ điều luyện thật ra thì cũng chỉ cần có tay nghề. “Làm thơ hay cũng dễ thôi,

làm thơ đỡ mới là khó”, tôi hung hăng tiếp. Con nhân sư thù lù không bằng con chuột chạy bởi vì con nhân sư to và nằm đó trong khi con chuột còn đi chợ đường xa, mua mắm mua muối giỗ cha (tức là tiên nhân sư) chú mèo. Nhưng Chử đã có chết thật không? Tôi giật mình nhìn bạn tôi lo ngại. Nó chết thật hay nó còn ngộ nguậy? Ta tưởng tượng ra đấy, bất quá nó chỉ là một hồn ma tài hoa và vất vưởng của một cái chết chẳng có gì là oan uổng. Chử đã chết rồi chỉ còn bóng.

*

Nhưng nếu nó vẫn còn sống thì sao?

Trong cái ngõ cụt sinh lầy, cuộc gặp không hẹn (do hoàn cảnh xô đẩy) giữa Thơ và Chử đã đến hồi kết cục. Công an cảnh sát vắng mặt, vào giờ mà những anh dân phòng phanh ngực áo cũng đã về nhà đi ngủ, chỉ còn lại Thơ và Chử nhìn nhau gằm gừ. Dao con chó đã rút ra khỏi vỏ, chốt đã bật ra cái cạch, đây là lúc một mất một còn. Nếu chử vẫn sống thật, chử vẫn hừ hừ, thì sao?

“Tủ thanh lâu kỹ nữ mầu mảy”. (4) Thơ ư ử, nếu mảy còn sống thì tao đành phải giết vậy.

Cước chú

* Vũ Hoàng Chương

(1) Tô Thù Yên

(2) Mai Thảo

(3) Ở đây chỉ đề cập đến lãnh vực thi không thôi chứ nếu bàn cả đến Ca thì Phạm duy nhất định hơn ngay Phạm đình Chương và Nguyễn Cao Kỳ Duyên dẫu chương trình phải hơn hẳn là ... Nguyễn cao Kỳ.

(4) Diễn Nôm: “Đụ đi mẹ mảy.”

ĐỖ KH.

Bài Thơ Tặng Chung Ở Dạng Chuta Hoàn (Toàn Nghiêm) Chính

Tất cả các em đều dư sức chiếm đoạt
Bồ bèn gì một mẫu người đàn ông
Mười lăm phân ít ra em còn hơn gấp mười

Tất cả các em đều dư sức đè tôi

Vào một chỗ
Tôi là một con chó
Đít tôi ai cũng thể hít hà
Nước tiểu tôi ai cũng thể đến gửi

Tôi không là ai và của rất nhiều người

Một cành lai ơn sau buổi lễ rã rượu
Một mặt hàng nhẵn nhụi trước sau
Vừa tiền túi

Tôi là một con khỉ
Trả một đồng là tôi leo lên vai ngồi

Một trai già cổ lả
Lúm liếng làm ăn tỉnh lẻ
Trả hai đồng bên má là tôi ngả người

Một cậu đĩ
Dang hai chân trên giá ngược
Xác thân này
Em làm gì cũng mặc

Hồn hển đêm Hà Nội
Hun hút mùi hoa sữa

Các cô trẻ
Các cô Ôi

Tất cả các em đều dư sức đụ tôi!

30/12/95

KHIÊM LÊ TRUNG

Mẫu Bánh Mì Trong Đời Sống Tôi

Mẫu bánh mì nằm ở gầm giường

Mẫu bánh mì:

- Biểu tượng trở thành nỗi sợ hãi

Xao xuyên lướt nhẹ làm co những mạch máu

Nắng xuyên qua khung cửa sổ sơn xanh

Tôi nằm và ngó hư không trôi bèo bồng

Những tĩnh vật xoáy vào trong mắt

Ich bin kein mensch

Ich bin dynamit

Vâng, tôi là một quả mìn

Tham dự vào cuộc chiến tranh

Giữa cái sống và sự chết,

Giữa sợ hãi và hy vọng,

Giữa tin yêu và chán chường.

Tôi là, tôi là, tôi là

Hàng trăm ý nghĩ mà tôi không nói hết

Tôi là, tôi là, tôi là

Con chim hót hoài một nhịp ca ứ máu

Bánh mì không thể là hoa hồng

Bóng đời tôi chen kẽ bóng đời em

Như ảo tưởng chen cùng hạnh phúc.

Mẫu bánh mì nằm ở gầm giường

Con chuột bò trong màu khói thuốc

Tôi bò trong ánh sáng xanh lam

Cây cỏ thụ đời trở cành hoa tím

Gió đập vào khung cửa

Tôi hát và huýt sáo.

Mẫu bánh mì nằm ở gầm giường

Biểu tượng trời tan cùng với nỗi sợ hãi

Tôi hư vô trong một ngày,

Tôi bèo bồng như khói

Tôi nhắm mắt và thờ

Nhớ bầu trời xanh lơ đầy mây giang hồ...

HOÀNG CƯỜNG LONG

Chẳng Che Được

Chẳng che được
Che được
Những tiếng khóc
Người đàn bà
Tung ra
Hề cặp kênh

Chẳng nhìn được
Nhìn được
Khuôn mặt cúi
Người đàn ông
Xăm đen
Đứng bên rào tối thui
Ngôi nhà lớn không nói
Hàng cây giơ lá tươi

Chẳng làm gì
Làm gì
Cho đủ
Một câu hỏi
Ngàn cách trả lời
Rồi hết tức tuổi tuổi ba mươi
Cái sọc một đời lành miệng
Phần còn lại đừng để mất nguyên sơ

Ngôi nhà lớn kiêu mới
Hàng cây vươn tới trời

PHẠM TƯỜNG VÂN

Những Chàng Trai Mắt Khép...

- Anh yêu, nào đi với em
- Đi đâu?
- Đến cánh rừng bực bội, gió bứt hết lá trên cành

- Anh yêu, nào đi với em
- Đi đâu
- Những con mèo lạc nhà rét mướt
nếp mình trong đám lá xanh

- Anh yêu, nào đi với em
(...)
- Bao nhiêu quả dại chín cành
Cây chết mắt nếu không người đến hái

- Anh yêu...

Nhưng chàng trai mắt khép lại rồi
Nhưng chàng trai mắt khép lại rồi
Nhưng chàng trai mắt khép lại rồi...

NGUYỄN ĐỖ

Không Đề Tặng Em

mười tháng trăng không mọc
không tiếng dầy long để người đưa thư
đêm ngại ngủ chung
gối ôm là đầu gối

tôi nói
với mùi nước mắt đa tình
tôi cầm bút vạch vào tay trong đêm
đêm đĩa đói

bạn tôi thằng điện thoại
quá hạn nợ tiền
bạn tôi là vợ
ngày ngày đòi thuốc thân

ba mươi lăm năm đời tôi toàn không trăng
toàn mơ người chết
tôi là đưa con đầu lòng
của vợ tôi với phật

TRỊNH THANH SƠN

Với Anh Thọ Cắt Tóc

Anh cắt tóc cho tôi, cạo râu cho tôi, xịt gôm cho tôi, trang hoàng cho tôi thêm đỉnh đạc đường hoàng để tôi có thể bước vào cơ quan đường hoàng, đỉnh đạc.

Mỗi ngày anh có thể làm cho ba mươi người đàn ông trở nên lương thiện bằng râu tóc. Với điệu nhạc buồn ngủ tách tách, chiếc kéo trong tay anh có thể hoàn lương những gương mặt tướng cướp thành gương mặt Phật.

Với bộ mặt thánh thiện đến nhẵn nhụi, tôi bước vào cơ quan, bước vào hội nghị như bước vào chỗ không người. Những cái bắt tay, những tiếng chào mời, và hoa nữa, sao nhiều hoa đến thế?

Nhưng đến tối tôi về nhà, con Míc nhà tôi cứ chồm lên sửa, thật khốn nạn khi chó không còn nhận ra chủ. Tôi đi đến kết luận chắc chắn rằng: Chó là một giống ngu.

NGUYỄN CHÍ HOAN

Người Hát Rong

Những giờ trưa yên ả như sương mù lơ lửng ruộng bậc thang ngày giáp Tết. “Tôi yêu cô ta. Tôi yêu cô ta”. Điệu kỳ quặc người hát rong đi lạc gánh hàng rong lối hẹp con hẻm dài bánh xe cót két tránh nắng bóng mái tôn

Những giờ trưa uể oải nghe lặng im lơ lửng trong không dòng âm ào ngoài đường lối hẹp con hẻm dài. Ai nghèo đây! chuối đây! Ai chề đậu nước dừa! bắt chợt lẻ loi ngân nga không lời đáp

“Tôi yêu cô ta” màu xanh cảm thạch hợp âm nghịch những đường viên của lặng im nổi bật bề dày của lặng im tảng đá mờ cô gió lùa hoang mạc lối hẹp con hẻm dài bánh xe cót két, cót két, cót két

Im lặng ở đây ở đằng kia tiếng hát im lặng ở đằng kia và ở đây tiếng hát im lặng làm vang tiếng mõ rao xức - tặc và phong thư chưa bóc trước mặt tôi một tiếng gọi không nghe thấy được mà ta biết khi bỗng nghe tiếng hát trong những giờ yên ả những giờ trưa

“Tôi yêu cô ta. Tôi yêu cô ta” người hát rong khàn giọng nhờ lặng im giải bày một tâm tình đổ vỡ hòa âm chối tai mang những vị ngọt ngào suốt lối hẹp con hẻm dài cửa vật vờ khép mở cà phê nhỏ khách ngó ngời như ngủ dòng lặng im cuộn tuôn như suối từ chân thác từ “bên kia khu vườn nơi mặt trời lặn xuống” tiếng hát không hề phá tan im lặng nhưng từ im lặng mở ra trong những giờ trưa yên ả như sương mù lơ lửng ruộng bậc thang ngày giáp Tết.

Tháp Chàm

- Kể Lữ Hành Đơn Độc

Thanh Thảo

Nhìn xa, một Tháp Chàm đơn độc trên đỉnh đồi trông như một người đi bộ, đi trong thời gian và đi từ những không gian này đến không gian khác. Người đi bộ ấy đầu trần, gương mặt đầy vẻ phong sương, luôn tạo một khoảng cách xa lạ nào đó với những ai muốn tiếp cận.

Ấy là vẻ xa lạ và khoảng cách của cái đẹp tự biết mình vô ích nhưng cũng tự biết mình tồn tại. Ấy là cái thâm lặng kiêu hãnh của một kiếm sĩ và của một đạo sĩ. Tháp Chàm là linh hồn một dân tộc, và của một con người. Đó có thể là một chiến binh, cũng có thể là một người thợ đục đá hay nung gạch. Thứ gạch Chàm giản dị và bí mật, cứ bền chặt mãi với thời gian. Có một lúc nào, ngắm Tháp Chàm trong hoàng hôn tĩnh lặng, ta chợt nghĩ dường như những ngọn Tháp này đến từ một hành tinh khác, bởi vẻ cách biệt và cô đơn đến kỳ lạ của chúng. Chẳng lẽ đây là tác phẩm của người trái đất, của những người y hệt như chúng ta?

"Từ trời xanh

rơi

vài giọt Tháp Chàm"

(Văn Cao)

Có lẽ Văn Cao cảm nhận đúng. Và như thế, phải chăng người Chàm có gốc tích từ một hành tinh khác? Họ đến, rồi họ đi, mang theo những tinh hoa và bí mật. Những hạt giống họ để lại, cứ nảy mầm từ mùa xuân này tới mùa xuân khác, nhưng *gien* Chàm vẫn còn là *gien lặn*. Tôi hy vọng sẽ đến một mùa xuân nào...Loài người đã hiểu được rất nhiều thứ, nhưng rất nhiều thứ ấy vẫn còn là quá ít. Điều ấy khiến con người thấy còn lý do để sống, và cuộc đời vẫn còn tràn ngập niềm vui và nỗi đau về cái chưa biết.

Tôi đang đứng trên ngọn đồi Dương Long, nơi ba Tháp Chàm vút lên như ba âm thanh đơn độc, như ba tiếng chuông buông từ một cõi khác, như ba câu hỏi mà con người tự đặt cho mình, nó khó gấp vain lần ba câu hỏi con nhân sư ngây thơ trong thần thoại Hy Lạp đã đặt ra. Trong lòng mỗi Tháp Chàm đều rỗng và chứa đầy bóng tối. Nhưng đỉnh Tháp bao giờ cũng có một ô cửa vuông mở thẳng vào trời xanh. Và người Chàm tính được những bí mật của thời gian và của vũ trụ khi đi những vệt nắng đi ngang qua đỉnh

Tháp. Những phương trình phi tuyến ấy (là tôi gọi cho vui cho oai chứ tôi đâu có biết gì đâu về toán học, cũng là một thứ Tháp Chàm khác) họ cũng không để lại. Vậy thì người Chàm để lại gì? Họ để lại cái Tháp Chàm. Và một nỗi buồn. Một nỗi buồn không thể lý giải. Một nỗi buồn phảng phất trên gương mặt những tượng đá, trên gương mặt những người có pha, dù chỉ chút ít máu Chàm. Nét buồn ấy có gì giống với nét buồn của Hoàng Tử Bé trong truyện Exupéry (Saint). Chiều nay, tôi gặp một em bé, trong một quán bia tình cờ, nếu không có một ám ảnh nào, thì làm sao tôi biết em có thể là hậu duệ của công chúa Chàm, một nét buồn lưu lạc giữa cõi người. Và phải chăng cả Saint-Exupéry nữa, ông cũng đến từ một hành tinh khác? Chuyến bay mất tích cuối cùng của ông có gì giống với chuyến bay cuối cùng của Iure Gagarin? Bây giờ, hai ông đang ở đâu, trong cõi vũ trụ này?

Tôi nghe, phảng phất một giọng nói không rõ của vùng nào. Tôi thấy, một nét gì của đặc trưng nhân chủng học, và của phi nhân chủng học, từ em bé phục vụ bàn bia. Em là một gien lặn. Đương nhiên. Nhưng bao giờ em phát lộ? Không biết. Và không cần biết. Những Tháp Chàm cứ đi ngang qua tôi, đi như chưa từng đi. Những Tháp Chàm sẽ đến đâu trong thời buổi hiện đại này. Đến như chưa từng đến. Và không ở lại, dù vẫn còn lại. Nhìn lâu một Tháp Chàm, có thể tìm được sự yên tĩnh. Nhiều lần đi xe đò vào Qui Nhơn, khi xe quá địa phận Phù Cát, tôi đã thấy Tháp Chàm. Đường như ngọn tháp chạy đến tôi, hay là tôi đang từ từ đến với Tháp? Tôi không biết, nhưng có một cảm giác gần gũi kỳ lạ, như mình đang về nhà, như mình đang tới với người thân đã có mặt. *Có mặt*, vâng, chính cái có mặt ấy là một thông điệp. Thông điệp của sự có mặt.

Nhưng đã bao giờ anh đọc được thông điệp của sự vắng mặt? Ở Tháp Chàm, cùng một lúc là hai thông điệp ấy. Vừa có mặt vừa vắng mặt. Không giải thích. Không tranh luận. Nhưng cũng không im lặng. Suốt nghìn năm nay, Tháp Chàm vẫn liên tục phát ngôn, liên tục phát sóng. Đó là một đài thu-phát cực mạnh. Đó là ăng-ten của trái đất liên lạc với vũ trụ. Chúng tôi ở một vùng bão hàng năm nay ghé thăm, chúng tôi ở một dải đất cứ chia lưng chịu đựng mọi thứ. Nhưng chúng tôi có Tháp Chàm. Nghĩa là chúng tôi không cảm lạnh. Nghĩa là chúng tôi có thông tin. Cảm ơn Bưu điện, cảm ơn các mạng lưới thông tin và các thứ. Nhưng chúng tôi, từ thuở Tháp Chàm, chúng tôi đã có thông tin. Với ai? Không biết. Xử lý thế nào? Không biết. Nhưng chúng tôi có. Và chúng tôi kiên nhẫn. Kiên nhẫn để nghe được cái gì. Kiên nhẫn để hiểu mình là gì.

Buổi chiều trên Tháp Dương Long, trên vùng thành cổ Châu Sa, trên ánh vàng đỏ của mặt trời hoàng hôn nơi Cổ Lũy Cô Thôn, một chiến tuyến vô ích cuối cùng của một dân tộc, trước khi họ hiểu mình luôn có mặt. Mãi mãi có mặt. Trong dòng máu của tôi, kẻ viết bài này. Có mặt như vắng mặt. Có mặt như vô ích. Có mặt như một ăng-ten. Có mặt như không có ăng-ten nào. Đây là nén hương trong một ngày tuyệt vời, cho má tôi, người có một nửa dòng máu Chàm. Má tôi, đã vắng mặt và luôn có mặt. Với tôi. ■

TRANG CHÂU

Thơ Tình Đầu Xuân

Năm mới
Cầu chúc em
Đừng buồn
Như hôm qua
Lạnh nhạt
Như ngày mai
Để mừng em thêm
một tuổi
Anh sẽ trừ cho em
một tuổi
và đời đời
Em trẻ mãi trong anh

Sinh Nhật

Dem chiếc bánh ra
Thấp vòng nển lên
Thổi
Một mình
hai lần mới tắt
Bạn bè hình như bận
Người thân hình như xa
Người yêu hình như không dám nhớ
Cắt mẫu bánh
Ăn
Một mình
Tự an ủi
Mọi người chắc vẫn không quên
Nhưng không gọi
Có lẽ không muốn nhắc ta già

HẠ THẢO YÊN

Cái Tôi Thủ Diện

cái tôi thủ diện hình người
cái thân gỗ mục cái đời già nua
cái râu dài sợi lúa thưa
cái tay ve vuốt cái mưa lạnh hôn
cái chân này bước long đong
cái yêu em với cái buồn xa xăm
cái đời này của trăm năm
cái tro bụi cũng lại gần với nhau
cái tôi tóc đã phai màu
cái tâm khúc động cái sầu bao la

TƯỜNG VŨ ANH THY

Chúng Ta Có Nên Dắt Tay Nhau

gửi NXH và HSP

những lọn sóng dắt tay nhau đi trên đại dương
những hạt cát dắt tay nhau đi trên sa mạc
những luồng gió dắt tay nhau đi trên không trung
và cây cối dắt tay nhau đi trên trái đất
chúng ta có nên dắt tay nhau
hỡi ơi hành tinh ta ở quanh quẩn với mặt trời
những vì sao vẫn dắt tay nhau đi trong vô cùng
giải ngân hà vẫn không ngừng sinh nở

ta là những người khách lạ tua tủa
chưa từng thật thà dắt tay nhau
dù ở trên hay dưới mặt đất này
có nên dắt tay nhau
đi trên đầu ngọn sóng hay dưới những bảng chỉ đường
hỡi ơi trời đất lạ thường
trăm năm một ngày mộng \ thực

chúng ta có nên dặt tay nhau
như những giòng sông
như những đợt mưa
đưa ta về quê xưa
đưa ta về quê khác
rừng núi đầm lầy bình nguyên hải đảo
ai bảo ta ăn mà lớn
ai bảo ta yêu mà sinh tử bấy ngàn năm
ta đã chỉ dặt tay nhau như khi
như cóc rấn cá chim bò heo trâu chó
đi vào bóng đêm lịch sử

chúng ta có nên dặt tay nhau
như những người của trái đất
mất hay còn
cũng cất được rượu trần gian

Jan 96

K.N.

Nắng Mới

Con chim
nhìn trời
đứng hót
cành bạch mai trơ vơ
chồi non chớm nụ mười ba
như xưa em mới lớn
bình minh hồng
lấp lánh những hạt sương
nụ phong lan
e ấp giữa không gian sáng
màu tím tuổi xuân
bờ ngõ mắt nhìn
ngạc nhiên những tia nắng lạ
lặng người
nghe những hợp tan

PHAN NI TẤN (N.D)

Rồi Như Gió Bay Đi

tôi lên đên giữa cuộc đời này đã bốn mươi chín năm
 đi từ thuở tóc xanh ra bạc
 đi hết nửa chiều dài đất nước từ Bình Định xuống tới Cà Mau
 đi luôn qua vài ba cuộc tình những hồng những yến
 những thủy những phượng những cuộc tình mới nào
 cũng lớn như những hạnh phúc bằng trời nhưng đoản hậu
 ngắn như một thanh gươm dài bị chặt cụt quá bán
 dù vậy trái tim đã nhiều phen tan nát máu vẫn cứ
 hồi tâm trở về. Và tôi vẫn sống

bây giờ là cuối thế kỷ hai mươi
 đôi khi tôi không biết tại sao như sáng nay tôi lang
 thang trên dòng đời này rồi dừng chân bên lề đường kia
 buồn tay rung những nhánh cây cho mùa xuân lao đao
 xao xác rụng trắng đầu trắng cổ trắng đất trắng trời - chơi
 mùa xuân ở đây không có mùi tết mùi hoa mai hoa đào
 chỉ có mùi tuyết mùi gió mùi lạnh và mùi tôi bơ vơ

bây giờ là vừa quá tháng giêng năm một ngàn chín trăm
 chín mươi sáu nửa đêm
 tôi băng qua đứng gác rúc phía bên kia đường
 tôi đứng như chết đứng phía bên này trái đất bên kia
 là phía quê nhà
 tôi cứ đứng hệt như một thứ mộ đất cho đến năm
 thứ bốn mươi chín vẫn thấy nhân sinh như cát cứ
 tuột hoài ra khỏi hồn sống sâu tôi

một ngày, hai ngày, ba ngày nhiều ngày rồi như gió bay đi
 chẳng còn gì hết
 phải tay
 trắng tay
 bàn tay tình cờ chạm trúng một
 bài thơ
 may thiệt, nhờ vậy mà tôi vẫn sống.

Tưởng Niệm Vũ Đình Liên

Ông Đồ. Đó là bài thơ ai cũng biết, cũng thuộc từ thế hệ này sang thế hệ khác, không phải vì nó được đưa vào Giáo khoa thư, và cũng không hẳn nó là bài thơ tuyệt tác trong giòng thơ Việt. Đã có biết bao nhiêu bài thơ hay phải chịu số phận đóng mốc của thời gian, và không hề có ngoại lệ. Đây là nguyên do để bài thơ có thể níu lại được thời gian như những di tích bền vững, ghi lại từng thời kỳ văn hóa? Bài thơ giản dị như một khúc ca dân dã ấy sống vì đã bắt được mạch thở mang tính truyền thống của một thời đại? *Mỗi năm hoa đào nở*, bài thơ bắt đầu như thế, và từ năm này tới năm khác, thời nào cũng vậy, hoa đào tới kỳ lại nở, báo hiệu mùa xuân, những lễ hội và niềm vui, không ai không biết. Và từ cái điều bình thường này, bài thơ dẫn ngược trở về thời kỳ xa xôi, chùng như đã mất dấu, để chúng ta không còn cách nào khác, cứ mắc lạc vào một thế giới khác. Tác giả là nhà thơ Vũ Đình Liên, sinh ngày 12 tháng 11 năm 1913, tại Châu Khê, Bình Giang, Hải Dương. Đạp cử nhân Luật khoa dưới thời Pháp. Ông làm báo, công chức, dạy học. Ông viết bài cho các báo như Phong Hóa, Phụ Nữ Thời Đàm, Tinh Hoa và bài thơ *Ông Đồ* in lần đầu trên báo Tinh Hoa vào năm 1936. Trước năm 1945, ông làm Tham tá thương chính. Sau năm 1945, ông dạy Pháp văn tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Ông mất tại Hà Nội, ngày 20/1/1996, hưởng thọ 83 tuổi. Chúng tôi đăng bài thơ này để tưởng niệm một nhà thơ, và lưu lại như một tài liệu.

Ông Đồ

Mỗi năm hao đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực Tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua

Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài
Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa, rồng bay

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sầu

Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay

Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ.

1936

LÊ BỊ

Dấu Hiệu

Những điều nghe thấy
chỉ là tiếng sóng âm vang
Những điều sờ tới
chỉ là hàng mã
Những điều trông thấy
càng làm giàu trang kinh Phật
Những dòng thơ vừa viết
chỉ là phó bản
và tôi
cũng chỉ là dấu hiệu phù du.

Ước Gì

Ước gì cái hư không
trói được vào trang giấy
ước gì cái sâu thẳm
viết ra rất thẳng dòng
ước gì những giải ngân hà
có thể bay qua dòng chữ nhỏ
đựng nổi buồn cuộc sống đi qua.

Dấu Chấm

những chiếc lá vàng rụng xuống
như dấy phẩy
rồi quay lại từng mùa

những sợi tóc bạc của một đời người
như dấu chấm than
không quay trở lại.

dù muốn hay không thì đời sống mỗi người đều đi về vô tận
cho đến khi ngã xuống
như dấu chấm hết.

Tiếng Sóng

không hề có một qui luật nào
cho những con đường
cũng không có những mẫu số chung
cho những bàn chân
cũng không có một bàn thờ nào
cho tất cả mọi người
cũng không có một lịch sử nào
cho tất cả những lằn ranh
tôi chỉ là một hòn đảo
còn nhiều khoảng trống
nằm im
cho những tiếng sóng.

NGÔ TỊNH YÊN

Sự Kiêu Hãnh

Con tầm tưởng mình dẹt ra tấm lụa
không còn nhớ đến những chiếc lá dâu non
Sự kiêu hãnh như chiếc áo bào vua chúa
hào nhoáng nhưng ngăn cách với cuộc đời

* *

Con ong tưởng mình làm ra mật ngọt
không còn nhớ đến những đóa hoa xinh
Sự kiêu hãnh như cầu vồng ngũ sắc
lộng lẫy nhưng phản chiếu ánh mặt trời

* *

Mặt trăng tưởng mình tự phát sáng
không còn nhớ đến dãy ngân hà
Sự kiêu hãnh như một động tác giả
lừa ta thua với tỷ số bất ngờ

* *

Ngọn lửa tưởng mình tạo ra sự ấm áp
không còn nhớ đến những thanh củi cháy thành than
Sự kiêu hãnh như sáu mặt con xúc xắc
lớn bên này lại nhỏ số bên kia

* *

Thân cây tưởng mình tỏa ra bóng mát
không còn nhớ đến chùm lá xum xuê
Sự kiêu hãnh như một lời nói dối
cho người ta không dám nhìn thẳng vào mắt nhau

* *

Không ai tự mình làm nên vòng nguyệt quế
thành công của ta có sự đóng góp của bao người

TRÂM PHỤC KHẮC

Ngã Ba Ông Tạ

chiếc bóng đứng mười mấy năm dưới những chái khói tô lại
chiếc hình cho kịp chuyển đi vào nửa khuya hoa không hương
lòng không lửa mắt không viễn phương vẽ lem luốc lên ngàn
đêm mắt sáng

Bến

đứng
có một mình, gọi là thương
rõ cũ

rút trí nhớ ra khỏi bầu áo

thả lên trời
chim,
bói,
mộng,

tầu đi

Lên Ba

ẩn mãi vào hơi mẹ hẹn ngày mai ban
sớm sẽ tươi tốt

mẹ cười ai
vườn trái xưa nặng trĩu trái mới

đạp cái cổng
ngã quíu vào nơi đồng mặt trời

thọ
giảng lời heo,
chó
lóc nhóc

kính nhà trai
động rãi
yếm, gương, đầu

GIÁNG VÂN

Sự Sống

Trong chuỗi ngày bất tận
Lúc nào ta cũng nghĩ rằng những câu thơ cuối cùng đã viết
Ở phía bên kia là đời sống
Không có những giọt nước mắt và giấc mơ dành cho người
Không còn lời nguyện cầu rung động tới các vì sao
Khiến mùa bão giông dừng lại trước niềm lo âu thất ruột
Không còn gì để chiến thắng
Và để người nhìn thấy đứa con gái mỉm cười
Nụ cười bí ẩn của Thượng đế
Rồi sau nữa là cái chết dành cho đứa con gái có đôi môi trinh bạch

Có một nhà thơ nói rằng “Chúng ta còn phải chết nhiều lần” (*)
Vâng
Ta đã sống lại nhiều lần chính trong một kiếp của mình
Sự sống từ đâu ai biết
Trong những đời sống khác nhau đó có đủ nước mắt và lời hát
Nhưng dường như
Có một sự huyền bí nào đó đã nối kết mọi đời sống làm một
Đời sống khóc bằng nước mắt của người
Những khi lòng đầy bất hạnh
Đời sống bỏ quên người
Khi trong tim ngân một niềm vui khác

Và ta
Khi nghĩ rằng những câu thơ cuối cùng đã viết
Thì người lại trở về

(*) *Thơ Phùng Khắc Bắc*

Bài Thơ Đã Chết Như Thế Nào?

Khế Iêm

Bài thơ đã bắt đầu như thế nào?

Đó là câu hỏi trong cuốn 50 Contemporary Poets đặt ra cho mỗi nhà thơ trong tiến trình sáng tác. Bài thơ hẳn chẳng phải bắt đầu ở lúc dòng chữ được viết xuống mà chừng như đã có từ một thời điểm rất xa, trí nhớ cũng không thể ném tới: có thể từ thanh xuân cho đến gần cuối một đời người. Khi bài thơ hiện thành chữ viết cũng là lúc bài thơ chấm dứt. Và như vậy, nếu chúng ta có hoàn tất trong một vài tuần, vài tháng hay như bài thơ ngắn The Town of Hill của Donald Hall có kéo dài tới ba năm thì đó cũng chỉ là khoảng thời gian bài thơ dần hiện ra thôi. Cái chỗ bắt đầu chừng như không có, và chỗ kết thúc, là lúc như một vì sao sệt ngang và biến mất trong không gian.

*Đối với tôi, khi chữ đã bắt lực trong việc chuyên chở thơ, người làm thơ phải tìm thêm những hình thức biểu hiện khác. Phá bỏ những nguyên tắc của văn xuôi như chấm phẩy (punctuation) có nghĩa là phải bỏ những luật tắc áp chế của xã hội, phá hỏng luận lý và *đẩy triết lý ra ngoài lề*. Nhưng mọi sự trong đời chẳng có gì mất: những luật tắc biến thành những khoảng trống. Những khoảng trống là mối liên hệ giữa chữ và không chữ, nơi đó người đọc tạo nên thơ và thơ tự tạo bởi chính nó. Chúng ta không chỉ đọc thơ ở những khoảng trống mà đó chính là bài thơ thứ hai, nơi đó người đọc có thể tạo dựng một thế giới khác. Giống như một cái nền trong tranh, một lực đẩy từ vô hình, mệnh mông và quạnh quẽ làm thơ hiển hiện. Sự đan dệt hai bài thơ, *chữ* và *không chữ* tạo nên sự toàn vẹn, như một kết hợp lạ thường giữa hiện tượng bề ngoài của đời sống và những bí ẩn bên trong tâm thức con người.

Ở một số bài thơ như *Lộng Ngôn, Biển xanh* (tạp chí Thơ số 5, mùa Đông 1995), tôi muốn thể hiện một quan niệm, chủ thể (tôi) biến dạng thành

một hình thức khác, một dạng tựa tựa như tổ ong. Người làm thơ không còn là một đấng thượng đế (những chế độ quân chủ chỉ còn là dấu tích của lịch sử) mà hoà nhập vào thực tại và không ngừng biến dạng. Khi thế giới đổi thay, con người được giải phóng khỏi những ràng buộc của ý thức hệ, có khuynh hướng quay về những bản sắc văn hóa riêng. (Ghetto chẳng phải chỉ là khu vực của người Do Thái ở các phố thị Âu Châu hay nơi những sắc dân thiểu số sống quần tụ với nhau mà là phản ảnh những *mảnh nhỏ của từng nền văn hóa khác nhau*). Trong đó, con chữ, chưa kể âm và nghĩa, biểu hiện cho sự trống vắng, phân hóa và lìa tan. Cũng có khi là hình ảnh thực của thực tại, như một công trình kiến trúc hiện đại, một vật thể.

Đôi khi dạng thức bài thơ dàn trải một thế giới trong một thế giới, một bài thơ trong một bài thơ, một giấc mơ trong cuộc đời thực. Và lúc âm và nghĩa bị xé ra, là nổi ám ảnh về một biến động có thực, một quê hương không còn, ngay cả trong trí tưởng (*Dấu Quê, Roi...* tạp chí Thơ số 4, mùa Thu 1995).

Hình thức và nội dung như hình với bóng: khi hiện tượng của đời sống đột biến, kéo theo sự đột biến của tâm thức con người. Hiện tượng chỉ xảy ra một lần, và dạng thức bài thơ cũng không thể lập lại, trừ khi nội dung bài thơ có khả năng làm thay đổi ý nghĩa của hình thức. Điều này, người làm thơ tự thách đố với chính mình, bởi vì đời sống thì chẳng thể đúc khuôn vào bất cứ dạng thức nào. Đây cũng là phương cách để đưa thơ trở về với thơ. Khi con chữ được ném trên trang giấy, một định mệnh được khai sinh và chữ chẳng còn là chính nó - mà hiện thân của định mệnh ấy.

Khi những khoảng trống hay dạng thể bài thơ bị bẻ gãy, thơ còn lại chỉ là một đồng chữ vô giá trị. Trường hợp này đã xảy ra trong tuyển tập *20 năm văn học Việt Nam hải ngoại 1975-1995* của nhà xuất bản Đại Nam, với những lầm lỗi kỹ thuật đáng tiếc, đáng lẽ không nên có trong một tuyển tập.

Nhau Qua

cần cấu miếng sầu ra mà rấn rờng

hí lộng

mà gạ gẫm nhau
qua

sông lầy lộng chiều nồm phân thực

Bản in trong tuyển tập

Nhau Qua

cần cấu miếng sầu ra mà rấn rờng
hí lộng
mà gạ gẫm nhau
qua
sông lầy lộng chiều nồm phân thực

Giận

nói tận mặt
bằng cách ra dấu

đổ dầu vào lửa

hống

hách

nuốt giận và ném bực dọc về

cội

Chợ Trời

bụi bậm
ngổn ngang nắng gió

thở chút hơi ngày hát cuồng

nghe ngóng
phế thải cả

xao xác, xao xác
chim muông bay

coi chừng hoàng hôn
đóng cửa lại

Cà Phê

gác mái
con đò không
giả dụ vậy

ẩn dụ lời
dừng đùa bỡn với ký ức
nóng nảy

đã đến lúc phải chôn sống
cả hơi thở

Giận

nói tận mặt
bằng cách ra dấu
đổ dầu vào lửa

hống

há ch

nuốt giận và ném bực dọc về
cội

Chợ Trời

bụi bậm
ngổn ngang nắng gió
thở chút hơi ngày hát cuồng

nghe ngóng

phế thải cả

xao xác, xao xác

chim muông bay

coi chừng hoàng hôn

đóng cửa lại

Cà Phê

gác mái
con đò không

giả dụ vậy

ẩn dụ lời

dừng đùa bỡn với ký ức

nóng nảy

đã đến lúc phải chôn sống

cả hơi thở

tí tách

giọt cà phê rơi

tí tách
giọt cà phê rơi

Điều ngạc nhiên là bài *Cà Phê* bị ghép thêm 11 câu của bài *Tự Ca* trong tập thơ Thanh Xuân. Và còn một bài dài nữa không tiện ghi ra.

Giải thích thơ, dù là rất đơn giản, là điều bất đắc dĩ, vì người làm thơ có thói quen giữ im lặng. Và chẳng, chuyện sống chết của bài thơ chẳng phải là điều quan trọng. Người làm thơ không bao giờ muốn quay lại một cái gì đã hoàn tất, và sẵn sàng bỏ vào một kho chứa đồ cũ để chúng mau được siêu thoát cùng bụi bặm, nhưng không đành nhìn chúng phơi xác trên trang giấy. Điều nêu ra, có lẽ người đọc chưa quen lối thơ *tai nghe mắt thấy* khi thơ không thể cứ ở mãi trong tình trạng truyền khẩu. Thơ tận dụng mọi giác quan thường ngoạn, không hẳn chỉ có thính giác hay thị giác. Sự tiếp cận với thế giới ngoại vật, giúp ta hiểu một điều, người làm thơ không phải chỉ sao chép thiên nhiên mà *tạo dựng một thiên nhiên khác*.

*

Mâu thuẫn tạo ra xung đột, xung đột tạo ra biến đổi, và biến đổi là mấu chốt hoàn thành một thế giới. Như thế, chẳng thể chỉ dùng gậy và nón, làm phù phép hóa thành tòa lâu đài như một huyền thoại. Thường ngoạn là khám phá, không thể chỉ nương theo những thói quen đã trở thành nếp để xác định giá trị bài thơ. Và vì thế, một bài văn xuôi, một truyện ngắn, một tùy bút dù có thấm đẫm chất thơ, dứt khoát không bao giờ là một bài thơ. Đã không thiếu kiểu *lấy thơ làm văn*, mượn chiếc thang ẩn dụ, ám gợi chữ, chỉ trở những điều mơ hồ. Trong khi cái khó là phát hiện *sự vật là chính sự vật* như sàng sẩy giữa thóc và sạn, và không thể gán cho nó những điều không có. Thơ đã ngộp hơi, thơ xa lìa thơ vì những bịa đặt. Chất thơ, nếu chỉ tạo bởi sự tu luyện tu từ, đan kết bởi hình dung từ, cũng chỉ là lớp váng ngoài dễ làm người đọc bị lầm lẫn. Chất thơ, tôi nghĩ, được ẩn dấu bởi nhiều lớp địa tầng và người đọc phải có công đào tìm mới thấy, hay nói khác, phải dọn dẹp chướng ngại, khai giải tự chính lòng mình. Thơ, như một tia sáng bất ứng của thực tại. *Chữ đã chết* (vì mấy ai trong chúng ta còn có lòng yêu, hoặc là vì nó đã và đang lạc loài ngay nơi *quê hương chữ*), và cả mọi hình thức cũng chỉ là một cái cớ dẫn tới sự nhận biết thực tướng đời sống. Điều dị kỳ, chúng ta vẫn làm thơ bằng chữ. (Cũng dị kỳ không kém, chúng ta khát sống nhưng chúng ta vẫn phải chết). Tôi nhắc lại: *Chữ đã chết*. Và những gì xảy ra sau này, sẽ hạ hồi phân giải.

Chúng ta có thói quen nấp sau cái bình phong lãng mạn, siêu hình..., đu dây với tưởng tượng trong khi sự vật chung quanh ta hiện hữu chỉ vì nó hiện hữu. Một chiếc lá rơi, ta cảm thấy một nỗi buồn thiên thu hay một cổ

tự cho ta sự ngâm ngùi hưng phế của thời gian, trong khi thật sự đó chỉ là đối tượng giúp cho nhà khảo cổ tìm cách lần theo dấu vết của con người.

Người làm thơ là kẻ *phát hiện một thế giới qua một thế giới*. Bi kịch hay hài kịch cũng chỉ có giá trị tượng trưng và không đưa đời sống khác hơn một ly nào. Sự nguy hiểm trong một biến cố chỉ có sau khi biến cố chấm dứt và được nhớ lại. Lãng mạn, theo nghĩa chung chung là sản phẩm của thế kỷ thứ 19 cũng chỉ là thứ cổ tự cần chấm dứt, nếu chúng ta muốn hiểu và đẩy thơ tới một chân trời khác.

Thế kỷ 20 với bao nhiêu trào lưu, trường phái lớn, chắc chắn mang một ý nghĩa nhất định, luôn luôn muốn thay đổi nhận thức con người, và người làm thơ đến từ phương Đông hẳn phải có chút băn khoăn. Những bài thơ chúng ta tưởng là câu kỳ lập dị lại là những yếu tố tích cực hình thành từng nền văn minh. Nhà thơ, kẻ du mục lang thang, vẫn tảng đá để tìm ra đường đi, mãi mãi và không bao giờ là kẻ hành hương trở về vĩnh cửu. Bài thơ là bài thơ, đơn giản thôi và không thể giải thích, bằng liên tưởng, qua bất cứ một điều gì có trước.

*

Bài thơ đã chết như thế nào?

Đó là một ánh chớp lóe lên, trong giây lát, và chỉ trong giây lát. Và người làm thơ *phải biết dấu mặt đi để bài thơ hiển hiện*, nếu ngược lại, thì cứ tha hồ theo dệt quanh chiếc bóng của thơ, để chỉ còn hoang hôn và không bao giờ có được bình minh.

Chúng ta có hai điều lựa chọn, hoặc thơ tồn tại hoặc người làm thơ phải vứt bỏ những bóng ma vất vưởng là hình dạng của chính mình để có thể tan hẳn vào dòng cuồng lưu của nhịp sống. Điều đáng nói là bài thơ có tạo được điều kỳ diệu đó hay không và người đọc có sẵn sàng nhỏ rễ định kiến, và đủ lòng khao khát để hứng lấy, tắm gội thứ ánh sáng để làm lóa mắt. Thơ đến và đi, đi mà không đến, chẳng phải vì ai. Sự lằm lằm từ lâu nay là chúng ta vẫn nghĩ bài thơ phải gọi ra từ ký ức trong khi nó luôn luôn đòi hỏi phải xóa bỏ ký ức.

Bài thơ thoáng qua và không bao giờ trở lại, không chết không sống và mọi chuyện đều do sự bày đặt ra, từ những điều không thực. Một tác phẩm nghệ thuật, dù chúng ta có chấp nhận hay chối bỏ, nó vẫn có, như bao nhiêu sự vật khác trên đời. ■

ĐỖ QUYÊN

Thời Gian

Ở đây
lịch thời gian tôi rành mạch.
Có ngày để làm
Có ngày dành riêng nghỉ
Có những ngày để ăn, chơi, để nhin...
Có những ngày để nghĩ -
Vâng,
chỉ để nghĩ thôi ở đây tôi đã có những ngày.
Hồn tôi không còn bị hóc
như những ngày vừa làm, ăn, nghỉ, nghĩ ngợi, lo toan...

Ở đây tôi có những đêm rất thật
Mặt trăng không nói dối khi mặt trời biệt tăm

Nhưng những ngày đêm tôi sống đây là những
ngày đêm buồn hơn tất cả! (1)
Thời gian nhạt bạc với đời ly hương
Những cột mốc thời gian - Những mũi kim
găm sâu dần vào chân người bỏ nước.
các nghịch lý đến và đi
Lòng người vô phương ở lại...

Vui chơi giữa đời tôi đã biết rồi - đâu là nguồn cuội (2)
Nơi cuối cùng thì không thể biết là đâu!
Nơi cùng đời là không thể biết!
Tôi - Con thuyền
những bến buồn kêu gọi...

Năm năm đã bấy nhiêu ngày,
bấy nhiêu giờ, bấy nhiêu phút, bấy nhiêu giây...
“Tôi không có thời gian để chết” (3)
trên các giòng sông nước lạ
Mà tôi cũng không có thời gian để sống
như một con người nơi đất khách!

Ai là tôi?

Đâu là tôi?

Khi nào là tôi?

Tôi-ra-đi-như-tôi-chưa-tồn-tại.

Trích trường ca Năm năm bỏ nước
5.1995

- 1) mượn tứ thơ Chế Lan Viên
- 2) mượn tứ của Trịnh Công Sơn
- 3) J-P-Satre

QUỖNH THI

Đêm Cái Mối Đã Hiện Ra

1. Đêm

Thở ra làn hơi mát
Tan những vòng ô nhiễm của ngày
Đêm thanh thoi an bình trong giấc ngủ
Trốn mặt trời quá giờ
Rúc vào chiếc mền của tình anh em
Da thịt nồng nàn tan giá băng
Thở loài hoa chất xúc tác rộn ràng
Mắt đêm mở to lượn theo vòng khói thuốc
Ba giờ sáng cứ nấc lên
Giọt cà phê đen tuyền rơi xuống chiếc cầm
Tiếng rộn rã trong ngực thẳng thốt

2. Sợ mất đi

Những sợi tóc bay về hướng khác
Khi tất cả không còn bình yên
Bức tranh đã vẽ được nửa phía nội tâm bằng hai phần ba cuộc đời
Thế mắt nghĩ suy chỉ đậm trên ngón tay út
Đến bằng hoàng
Lời dối trá của ai tô bằng loại màu tình quá
Để sợi dây thực tại ngỡ ngàng
Thơ vẫn tiến tới hiện đại
Cắt đi bằng lưỡi dao lam bằng quá khứ
Nhắc đời hia ngàn dặm cà tan sự sứt mướt
Dậm âm âm lên hư ảo lẫn trốn

3. Khi mặt trời thức dậy

Bóng đêm là cánh tay thân yêu
Thực tại và nỗi niềm
Thơ hong một dải tơ nồn trong thế giới ngôn từ.

NGUYỄN ĐẠT

Những Bài Thơ Viết Trong Tháng Chạp

Căn Ngụ Tôi

Đây là một tinh cầu
 nguội, ẩn trong tối
 chờ thu hồi tất cả
 những gì còn lại sau hành trình
 ngày mai nhen ngọn lửa.
 Đây là bàn, ghế
 căn gác gỗ, bậc thang
 lãng quên
 nhớ một chiếc áo choàng ở đó.
 Hấn khách du
 trở về nơi chốn cũ
 chiếc áo choàng và tro bụi
 và mỗi một tiếng kêu đục, rồ.
 Hấn tiếp tục
 điên rồ, chân thực
 mịt mù con quay
 bên miệng vực.

Trạng Thái Ngày Xám

gửi theo Joseph Huỳnh Văn.

Một ngày xám trong tim
 Mơ hồ tường kính
 Màu gỗ trầm tích khung nhà cửa
 Dựng núi trên hành trình rượt đuổi
 Ngã xuống rạn vỡ chiếc gạt tàn

Ngày thất bại đẹp thi nhân
 Chết trước thơ chết sau nỗi chết
 Chôn kín chàng dưới lớp tro than.

LÊ THÁNH THƯ

Độc Thoại

Nắng mất ngủ
vất ngoài sân chơi
chuông cổ
khàn hơi
không có gì đổi thay
sớm mai chìm trong cỏ
người ngồi đồng một chỗ
mòn vệt mặt ghế vuông
thế giới thu về trước bức tường ám khói
cái nhìn xước da
Không có gì sinh ra
ban mai cháy như tờ giấy mỏng
người thu hồi móng vuốt
ngựa cổ uống tiếng cười thần thánh ngân qua
ngờm ngợp hoa
ngày rằm
Không có gì bí ẩn
tiếng kêu để lại sau cái bóng của người
hun khói.

TẤN PHONG

Vấn Đáp

Chương II Concerto Mi trưởng của J.S.Bach

Hôm qua ai ra pháp trường ai đùa với lửa
Hôm qua ai lấy chồng, để con và ai muốn ly thân
- Không ai cả, bóng của thời gian đó

Hôm qua ai quăng lưới trên biển, giẫm nát tổ dã tràng
Hôm qua ai lỡ một chuyến đò, để nước mắt xót lòng người
thiếu phụ
- Không ai cả, bóng của thời gian đó

Hôm qua sao con bỏ cái chau mày và mệt rũ
Con thạch sùng cứ nấc cổ trong đêm
- Không phải con bỏ, ký ức và giấc mơ con người đó

Có phải hai tới ba, hai phần đường và ba phần cuộc đời
Có phải bờ sông lũ to ở bên rìa thành phố
- Không phải cuộc đời, đó là tử số và mẫu số

Không ai cả, bóng của thời gian lớp lớp sóng xô
Không ai cả, bóng của không gian trong ký ức đã lu mờ
Và người đứng bên đường bảo: không gì trong ta cả
Chỉ có im lặng vô biên, nỗi mơ hồ và bóng trăng ngọn đèn mờ tỏ.

Xung quanh Chuyện Thơ Mới Hậu Chiến

Ngu Yên

Houston, ngày 1 tháng 2 năm 1996.

Đúng ra phải gọi là Thơ Mới của Việt Nam thời hậu chiến. Chúng ta đã có thơ Mới thời tiền chiến, rồi đến thơ Kháng Chiến thời chống Pháp, rồi thơ Nam Bắc Chiến thời quốc cộng tương tranh. Ngày 30 tháng Tư năm 1975 là ngày mốc khởi đầu cho thời thơ Hậu Chiến (quốc nội và hải ngoại).

Hơn sáu mươi năm qua (1933-95) trong đại đa số quần chúng, sáng tác và thưởng ngoạn vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề về tâm tình, kỹ thuật và giá trị của thơ Mới thời tiền chiến. Mặc dù có những thi sĩ với tài năng xuất sắc như Bùi Giáng, Hoàng Cầm, Thanh Tâm Tuyền,...vân...vân... chọn những đường đi khác với lối đi chung nhưng những cố gắng này không tạo được phong trào lớn nên thi ca Việt nhìn chung như một đoàn thi sĩ nối nhau cùng đi trên vài đại lộ gần như song song.

Manh nha từ trước nhưng có lẽ bắt đầu từ thập niên 1990 trở đi, qua những thi tập và những bài thơ đăng trong các tạp chí văn chương người đọc nhìn ra một số thi sĩ ở hải ngoại đang ước vọng mang đến cho thi ca Việt Nam một không khí mới. Đây là lúc khởi đầu, họ mỗi người mỗi vẻ, mỗi hướng, tìm kiếm những lối thoát ra sự nhàm chán và tù túng của thơ vãn, thơ đều đặn, thơ tròn chỉnh, thơ na ná thơ chung. Thật ra, e còn quá sớm để gọi là thơ Mới thời hậu chiến bởi nếu họ không tạo nên nổi phong trào, nếu những khám phá mới về thơ không có giá trị đích thực, nếu họ không chuyển hướng được lòng thưởng ngoạn, nhất là giới chủ bút và phê bình, thì ước mơ đổi mới thơ sẽ chỉ là ước mơ của một thời để nhớ như nhóm Xuân Thu Nhã Tập, như nhóm Sáng Tạo.

Sở dĩ tôi bạo tâm sớm gọi là thơ Mới Hậu Chiến vì dựa lên vài lý do: Hiện nay không chỉ riêng ở hải ngoại mà ngay ở trong nước đã có nhiều cá nhân, đoàn nhóm cũng có cùng mơ ước làm một cái gì mới cho thơ. Ví dụ như tập thơ *Bóng Chữ* của Lê Đạt phát hành năm 1993. Những tìm kiếm của nhà thơ Đặng Đình Hưng, Hoàng Hưng, Bùi Chí Vinh..v.v..

Sự nhàm chán trong thơ Việt hôm nay càng ngày càng rõ rệt, người đọc không ủng hộ thơ, báo chí khi dễ thơ, chính ngay người sáng tác cũng không có lòng lạc quan, thiếu niềm tin về giá trị của thơ. Khi sự nhàm chán đạt đến cao độ thì người ta hoặc bỏ thơ hoặc phải làm thơ, đọc thơ theo cách khác.

Không phải chỉ riêng ở Việt Nam mà trên toàn thế giới, nhất là những quốc gia tiên tiến về văn học như Hoa Kỳ, Pháp, Nhật, Anh, Ý, Tây Ban Nha, Úc ...vân...vân.... trong vài năm nay phong trào thơ bắt đầu dành lại khí thế sau mấy thập niên bị văn xuôi lấn lướt, đè bẹp. Vào cuối thế kỷ Hai Mươi, có lẽ văn xuôi như truyện, tùy bút, luận đã đạt gần đến mức hoàn hảo của ý và chữ, giữa nghệ thuật, kỹ thuật và xảo thuật không còn mấy cách biệt, như những cách sáng tác dựa lên tiêu chuẩn phân định của máy điện toán. Nghệ thuật ngôn ngữ do đó mà tìm về thơ, nơi sáng tạo được tự do vùng vẫy, nơi ngôn ngữ có thể khôi phục lại địa vị nguyên sơ hoặc tạo ra một ý nghĩa mới. Với tinh thần mạo hiểm, sáng kiến, can đảm sẵn có, người Tây Phương không ngần ngại âu lo khi bước vào những khám phá trong thế giới thơ. Tìm cái mới cho thơ là ước vọng chung dẫn những nhà thơ ở hải ngoại hiện nay có thất bại, tôi tin rằng những lớp thi sĩ sau sẽ tiến lên tìm kiếm cái mới. Trong hay ngoài nước trước sau gì cũng đuổi kịp đà tiến của nhân loại.

Sự xung đột giữa cũ và mới là chuyện rất xưa như huyền sử Lạc Long Quân và Âu Cơ nhưng vẫn thường bị lôi ra làm tưởng như mới. Sau một hồi tương tranh, có khi cũ thắng, thường khi mới thắng, gọi là hiện đại hóa. Trong thi ca gọi là tiến trình hòa giải giữa sức tiến của sáng tạo thơ và lực trì trệ của thưởng ngoạn. Thơ Việt có phần đặc điểm hơn vì hễ khác ý nhau, cãi nhau thì như Lạc ông và Âu bà chia đôi nhân sản, hận không nhìn mặt, lên núi xuống biển, ra đi không về. Rồi cái mới nào cũng phải cũ, rồi cái cũ nào cũng cần phải đổi mới, chẳng qua là luật tự nhiên. Có lòng người ủng hộ cái mới, có lòng người giữ gìn cái cũ, cũng là luật tự nhiên, khác ý công kích nhau là lẽ tự nhiên, sao đem lòng hiềm khích? Lẽ ra tôi không nên nêu ra vấn đề thơ mới bởi đó là chuyện rất cũ. Ai cũng biết rằng sáng tạo khai phá là tinh thần dẫn lộ thi ca. Thơ đương nhiên là sẽ được cách tân qua thời gian, theo từng thi sĩ. Sự tương tranh giữa mới và cũ trong thi ca là một loại kiến thức nặng luận lý phát xuất từ những tâm hồn e dè trước những tàn phá của sức tiến bộ.

Ai cũng biết cái lý thuyết ấy nhưng trong thực tế càng ngày người Việt càng lạnh nhạt với thi ca. Số thưởng ngoạn ít ỏi còn lại, đa phần thưởng thức thơ theo thói quen cổ điển. Nếu thơ đọc lên không vẫn điệu, không tròn trịa, không lãng mạn hoặc không mang ý tứ thâm thúy thì khó ăn khách. Nói một cách khác, sự thưởng ngoạn thơ của số đông dừng lại ở thời thơ Mới Tiền Chiến. *Thơ được đánh giá qua giá trị mỹ thuật của cách dùng từ hoa nghĩa, đặt câu đều thanh nhạc, gieo vần êm chỉnh, qua những ý tưởng thâm thúy, tứ hình lấp lánh bên trong bài thơ.* Đây là một

quan niệm căn bản để từ đó bước sang những quan niệm khác để thẩm định giá trị thơ. Nếu đã có thơ mới tất phải có một cách định giá phù hợp. Nếu một người đã cao lớn hơn xưa thì không thể mặc bộ quần áo cũ, nay đã không vừa nữa, dù bộ vớ ấy có đắt tiền hay lộng lẫy. Cái lẽ đơn giản ấy thật khó mà chọc thủng bức màn thói quen thẩm định thơ. Dùng một quan niệm thường thức thơ hôm qua để phê phán thơ hôm nay thì không mấy khác ông nội tôi giận ba tôi, không để tóc dài bó củ mà cắt ngắn theo lối tây phương. Ba tôi chê ông là phong kiến. Rồi ba tôi lại giận chị tôi vì mặc váy ngắn trên đầu gối, trông thiếu đứng đắn. Chị chê ba là hủ lậu. Có người cách đây bốn mươi năm hô hào làm thơ mới, lập ngôn, hợp nhóm cổ động tinh thần tự do của thơ, ngày nay nhìn thấy kẻ hậu sinh làm thơ mới thì lắc đầu ngao ngán, có gì nghịch lý chẳng?

Ở tầng lớp thường ngoạn chuyên môn như giới chủ bút, phê bình, hiện nay vẫn giữ một mức độ chậm rãi tiếp nhận những sự thay đổi. Sự dè dặt này nhìn thấy qua những bài thơ, những bài lý luận về thơ đăng trong các tạp chí văn chương hiện nay. Thận trọng là một trong những tính tốt của người hướng dẫn, lãnh đạo. Sợ sệt, ngược lại, là một chướng ngại lớn cho bán lãn lịch sử. Sự khác nhau giữa thận trọng và sợ sệt là kiến thức và quan niệm. Hiểu biết điều mới, thấy cái mới mà đắn đo cho kít, suy nghĩ cho mùi, ấy là thận trọng. Không mấy hiểu về cái mới, thấy cái mới đâm ra e dè, chổng báng, ấy là nỗi sợ ngấm ngầm đã gặm rách lòng công chính. Khác quan niệm mà kẻ cầm cán không cho người nắm lưỡi một cơ hội, nói nhỏ là hẹp lượng, nói lớn là số mệnh, như số ông Nguyễn Trường Tộ gặp phải vua Minh Mạng và một triều đình giữ vững cây đèn dầu.

Suy luận chung sơ dĩ người ta phân biệt mới cũ vì muốn xác nhận sự thay đổi hoặc thay thế. Áo đã cũ thay chiếc áo mới. Phong tục hủ lậu thay những cách xử thế hợp thời trang hơn. Ý tưởng quả đất hình mặt phẳng sai lầm thay vào ý tưởng quả đất hình khối tròn. Nhưng có những thứ không bao giờ cũ cả, cho đến nay vẫn không được thay thế ví dụ như ái tình, có đã cũ từ thời khai nhân vậy mà người ta lúc nào cũng hồ hởi lập lại từng ngày từng giờ không quản ngại tuổi tác, đường xa. Hợp lòng người hoặc không hợp lòng người là điều chính yếu để đưa đến sự đổi mới. Thật như thế không?

Trước sự tàn phá tâm linh của sức tiến bộ khoa học khiến cho nhiều người lo sợ văn hóa mới, văn học lạ sẽ làm mất mát, hư hao bản sắc của dân tộc. Họ muốn từng bước một tiến tới dè dặt để bảo tồn hương sắc bốn ngàn năm văn vật. Sự chậm rãi đã khiến cho phe phái tiến bộ cảm thấy ngộp ngạt, gò bó. Họ muốn nhanh nhẩu tìm thấy sự mới lạ cho thỏa lòng ước mơ. Họ muốn tìm ra trước những bạn đồng hành ở phương tây tìm thấy. Họ muốn dành sự hãnh diện cho dân tộc đã bị xem là chậm tiến, một loại văn hoá có chiều sâu nhưng rất hẹp bề mặt. Sự đôi co này đã được nhà thơ Hoàng Hưng đặt thành câu hỏi: *Bản sắc dân tộc có nên được giữ gìn*

theo kiểu người già giữ bát hương trong khi dân tộc đang ở tư thế chàng trai xông vào trận mới? Trong thế hai mặt của bản sắc dân tộc, nhà thơ chúng ta chọn vị thế nào? Chuyện là có cần phải chọn hay không? Hoặc bưng cả bát hương xông trận, có cần giữ bát ở quê nhà? Sự tương tranh mới và cũ hiện nay chỉ là chuyện tương tranh giữa mới nhanh hoặc mới chậm, giữa sự phóng túng và kỷ luật, giữa cá tính khác nhau. Người yêu mới nhanh cho kẻ chậm là cổ điển. Ngược lại kẻ chậm cho người nhanh là hồ đồ, lập dị, ngoại hóa. Trong tình huống hiện nay, không phải là sự xung đột giữa ngày và đêm mà là sự tiến hoá tùy thuộc vào bình minh hoặc hoàng hôn. Ánh sáng sẽ thắng cuộc ở bình minh và sẽ chiến bại trong buổi hoàng hôn.

Như chúng ta đã biết, bên này hoàng hôn là bên kia bình minh. Ánh sáng lúc nào cũng cần thiết, cũng hiện diện. Mới lúc nào cũng có trong thơ. Mới nhanh hay mới chậm là yếu tố cơ bản của thi ca. Tôi đề nghị nên nhìn qua khía cạnh:

Làm Thơ Mới hoặc Làm Mới Thơ

Có người mua nhà cũ, sửa chữa lại, khoe là *làm nhà mới*. Có người mua đất xây nhà nhưng lại gọi là *làm mới nhà*. Thật không khỏi bỡ ngỡ. Chữ nghĩa tuy có thể mơ hồ khó phân biệt nhưng xây nhà mới là xây nhà mới, sửa nhà cũ chỉ là làm mới nhà cho dù sử dụng cùng những thứ vật liệu, cùng những kiến thức, kỹ thuật xây cất. Dùng một căn thơ cũ thay vài *từ* của mới, sơn lại ít *ngữ* vách, lát lại vài *thể* nền, vậy là thơ mới sao? Có người làm thơ mới lại ngỡ mình làm mới thơ. Có kẻ phê bình thấy người làm mới thơ lại ngỡ ca là làm thơ mới. Giới thưởng ngoạn sao khỏi hoang mang.

Làm mới thơ hoặc làm thơ mới là tùy vào cá tính, tiềm năng sáng tạo, kiến thức, kinh nghiệm và hoàn cảnh của mỗi thi sĩ. Cùng tận phải nói đến chữ Duyên. Không phải muốn mà được. Làm cái mới và mới cái làm là hai ý nghĩa và quan niệm khác nhau rõ ràng nhưng khi áp dụng vào thực tế để phân tích thơ thì lăm lúc mơ hồ dễ gây nên lăm lăm. Ví dụ như thơ của Xuân Diệu, có thật là thơ mới? thơ của Bùi Giáng, là làm mới thơ? thơ của Thanh Tâm Tuyền, thơ mới? thơ của Lê Đạt, thơ Tạo sinh (chữ của nhà phê bình Thụy Khuê)?..v...v... Lấy căn bản nào để định những giá trị và tên tuổi ấy? Dùng phương pháp khoa học nào để phân phán mà không sợ bám víu một cảm tính lỏng lẻo? Dùng cây bút nào viết xuống mà không bị lương tâm sửa tới sửa lui?

Có người làm thơ cả một đời cũng không biết định nghĩa của thơ, nói chi đến quan niệm sáng tác, bản chất của thơ và mục đích nghệ thuật như một người nữ lớn lên lấy chồng sinh con đi chợ nấu ăn lau nhà giặt ủi cho đến chết, cần gì biết nữ quyền, cần gì thưởng thức cái đẹp của nhân chủ trong mỗi ngày làm người. Làm thơ hay hoặc thưởng thức thơ hay không hẳn cần phải biết, phải có kiến thức về thơ nhưng thưởng ngoạn và làm

thơ mới hoặc làm mới thơ thì nhất định phải biết phân biệt những yếu tố cũ mới, phải biết bản chất và cơ cấu của thơ, phải có một quan niệm sáng tác rõ ràng. Nói đại khái là phải có bản lĩnh. Làm mới không hẳn là sẽ hay nhưng cái hay nào cũng phải nhờ cái mới khởi đầu. Không có tản Đà, Phan Khôi, Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, và những người làm thơ mới vô danh khác thì làm sao có những tuyệt tác của Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử...v...v...Trong Thi Nhân Việt Nam, Hoài Thanh khen thơ mới mà chê những kẻ muốn làm mới hơn thơ mới lúc đương thời như chê Nguyễn Vỹ, thật có chỗ không lượng. Cái quái đản vô lý của phái thơ Đa Đa khi chết đi lại là cái bắt đầu cho phái thơ Siêu thực, là cái đóng góp tạo thành một nhánh của phái thơ Cụ thể, là nền tảng cho Pop Art Tân Đa Đa (1950-1990). Lời nói càng có ảnh hưởng thì càng phải thận trọng. Ngọn bút có công lực thì nên dành để hàm dưỡng tài năng, không nên lụy tình phóng túng. Phá thai vì bất cứ một lý do gì cũng là giết chết một bào nhi, làm sao biết nó không phải là một người như Nguyễn Du? hoặc là tổ phụ của một nhà thơ lớn? Kẻ giết người với lòng chính nghĩa thì đáng sợ hơn bọn ác nhân.

Động lực chính để mới thặng cũ là độ nhàm chán. Khi lòng người còn nuôi tiếc, vẫn vương cái cũ thì sẽ thờ ơ khi thấy mới. Xuất hiện đúng lúc khi cái cũ đang làm lòng người chán ngấy thì cái mới tự nhiên sẽ đủ mọi lý do để tồn tại và phát triển. Nồng độ nhàm chán cũng là động lực khiến mỗi người tìm đến cái mới nhanh hoặc chậm. Đi sâu vào bên trong sự nhàm chán là lợi ích. Ví như cái bàn ăn đã cũ, mẻ mặt lỏng chân, cái bàn này làm mất giá trị của căn nhà khang trang, người chủ chắc sẽ muốn thay cái bàn mới. Nhưng có lắm người chủ của những tòa nhà rộng lớn khác lại đi tìm mua những cái bàn đồ cổ, trả giá rất đắt, mang về sửa chữa để chưng bày. Lợi ích là động lực điều khiển lòng yêu mến hoặc sinh ra chán chường. Vậy yêu thơ cũ, chán thơ mới, thích làm mới thơ, xin hãy tự hỏi mình, có ích lợi ngấm ngấm nào chăng?

Một lần nữa, đào sâu vào bên trong sự lợi ích, sẽ thấy ngay nỗi sợ hãi. Có bao lần mua xe mua nhà mà không đeo đẳng những âu lo? Nếu sợ không đủ tiền trả góp, sợ những bất an trong tương lai, có khi định mua xe mới thành mua xe cũ. Nếu sợ hàng xóm dị nghị tội hà tiện, sợ người quen khi dễ tội nghèo hèn, định mua xe cũ thành xe mới. Có những nỗi sợ thực tế hơn như sợ xe mới sẽ bảo hiểm quá cao nên mua xe cũ. Sợ xe cũ hay hư gây nhiều trở ngại nên mua xe mới. Tùy nỗi sợ nặng ở đâu mà ích lợi nghiêng về hướng ấy. Kết quả của sự chọn lựa là hiện đại hóa cá nhân trong hoàn cảnh. Kể nhân danh thuyết Trung Dung thường mua xe cũ rồi tân trang, gọi là làm mới xe. Vậy yêu thơ cũ, chán thơ mới, thích làm mới thơ, xin hãy tự hỏi mình, có nỗi sợ nào chăng? Hoặc như Nguyễn Công Trứ sợ rằng: *Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh*. Có thật sợ không lập nên chí lớn, không lưu danh thiên cổ? Hoặc chỉ là nỗi sợ tầm thường được khoác lên áo danh dự: *Đã hẳn rằng ai nhục ai vinh, mấy kẻ biết anh hùng*

khí vị ngộ. Song song với sợ hãi là lòng thiếu tự tin, trấn an mặc cảm: *Xe bỏ luân dẫu chưa gặp thang vân, phù thế giáo một vài câu thanh nghị, cầm chính đạo để tịch tà cự bí...*, che dấu mặc cảm là sự bốc đồng, cường điệu: *Đem quách cái sở tồn làm sở dụng, trong lang miếu ra tài lương đồng, ngoài biên thùỵ rạch mũi can tương*. Vậy ra tương tranh mới/cũ hoặc mới nhanh/mới chậm không chỉ là hình ảnh đơn giản của chàng chiến sĩ hăng say ngoài trận tuyến hoặc của người già ôm ấp bình hương ở quê nhà. Khi yêu thơ cũ, chán thơ mới, thích làm mới thơ, xin hãy tự hỏi: đang hiện đại hoá mình vào cái gì? đang hòa giải cái gì của *tôi* trong đời sống? Người làm thơ mới hoặc làm mới thơ nên bắt đầu như thế.

Vượt ra bóng tối là ánh sáng. Mới không phải chỉ để thỏa mãn những động lực núp trong bóng tâm lý âm u mà còn để thỏa mãn nhu cầu làm đẹp đời sống. Trần tục có cái đẹp riêng của trần tục, từ người tiền sử đến nay vẫn thế, cũ mà không cũ, mới nào thế được vì lòng người không nhàm chán. Người đầu tiên biết dùng lá che thân bởi lẽ cảm thấy ngượng nghịu khó chịu vì một chút riêng tư bị người khác đột kích. Cái tự nhiên ấy bỗng bị xem là hở hang cần phải che đậy đã trở thành một trong những truyền thống đầu tiên của nhân loại. Cái mới che cái xấu. Thơ mới đến để loại bỏ những cái xấu, cái dở của thơ đương thời, không hẳn là thơ cũ. Ai là người đầu tiên dùng lá để che? nam hay nữ? Người đầu tiên nếu là đàn ông hoặc đàn bà vì tự trọng tự che là đức độ liêm sĩ của kẻ làm thơ làm mới không vì lập dị mà vì muốn vượt lên cái xấu cái dở của thơ mình và thơ người. Ngẫm nghĩ, tôi lại cho rằng người đầu tiên ấy không hẳn vì tự trọng, có khi vì quyền sở hữu. Thơ là sản phẩm riêng của thi sĩ. Người đầu tiên ấy biết dùng lá cây không phải để tự che mà để bắt bạn tình che lại, của ấy là của riêng ta, không cho ai khác chia chác dù chỉ là ánh mắt băng quơ. Ở một góc nhìn khác, làm thơ mới hoặc làm mới thơ không hẳn vì chống thơ cũ hoặc thơ hôm nay mà vì muốn chứng tỏ quyền sở hữu của một loại thơ, sở hữu một chỗ đứng.

Áo quần sau khi trở thành truyền thống che thân, bắt đầu tiến lên làm đẹp. Thẩm mỹ hóa đời sống là một trong những mục tiêu lớn của làm người. Che được cái xấu, xóa được cái dở không chưa đủ, cái mới đến để làm tăng thêm cái đẹp. Làm thơ mới hoặc làm mới thơ dù có thể để chuyên chở hoặc trình bày một giá trị khác hơn cái đã hoặc đang có, thơ nào cũng phải chú vào cái đẹp. Làm thế nào cho đẹp trong hiện tại và đẹp đến tận tương lai, ai tìm ra câu trả lời này, kẻ ấy sẽ trở thành bậc tôn sư trong nghệ thuật. Đẹp mà cầu kỳ quá ở hình thức chính là yếu điểm của chủ nghĩa Hình Thức (formalism). Đẹp mà phức tạp quá trong ý tứ thơ chính là yếu điểm của trường phái Siêu Thực (surrealism). Đẹp mà cường điệu quá trong cách diễn đạt chính là yếu điểm của phái Lãng Mạn. Đẹp mà khát khe quá trong thi pháp chính là yếu điểm của thơ Đường Luật. Đẹp nào không có giá trị thật sự thì đẹp ấy trở thành làm dáng. Người làm thơ

mới hoặc làm mới thơ nên tỏ tường như thế.

Dùng chữ thơ mới nhanh hoặc mới chậm là căn cứ vào đơn vị thời gian và cản lực trì trệ của mỗi người đối diện với sự tiến bộ. Ngoài ra thơ còn có thể tính theo trọng lượng: thơ mới nhiều hoặc thơ mới ít. Cùng mua nhà cũ, người chỉ sửa cửa, sơn vách, lát nền thì ít hơn người đối tượng, xây thêm nhà bếp, hồ bơi. Lại có kẻ mua nhà cũ nhưng chỉ giữ vỏ ngoài, bên trong hoàn toàn thay mới. Lại có kẻ mua đất xây nhà mới nhưng lại xây theo kiểu rất cũ. Hóa ra thường ngoạn hay làm mới nhiều hoặc ít là tùy vào sức lãnh hội và lòng chấp nhận. Người chủ trương làm thơ giữ thể, thanh vẫn chỉ đổi ý tứ cho mới thì làm thơ ít mới hơn người chủ trương làm thơ chẳng những phải cách tân ý nghĩa mà còn phải phá vỡ sự tù túng của thể thơ. Bình cũ rượu mới, đa số thơ Việt rơi vào tình huống này. Giữ thể bảy chữ, tám chữ, Lục bát, giữ thanh đều, giữ vần thẳng, vần cách, vần choàng, vần ôm, chỉ chọn lựa những ý tứ mới thể vào những ý tưởng không hợp thời hoặc có ý nghĩa tinh tế, ý nhị, sâu sắc hơn. Chủ trương này đã khiến cho thơ Việt bị đông lạnh trong bình cũ đã biết bao nhiêu năm. Từ mới ít, đập bình để có thể làm mới nhiều như Vũ Hoàng Chương phá thể, bóp méo, từ kiểu bình cũ làm ra nhiều kiểu bình tương tự, tuy có mới nhưng vẫn là bình có nút có quai. Rồi thơ Tự Do xuất hiện, mang vào thể thơ sự đa diện đa dạng. Thơ càng ngày càng biến hóa thì mới ý tứ, mới thể thơ không chưa đủ. Mỗi thời mỗi người mỗi trình độ lại cần mới nhiều hơn. Nôm na có thể kết luận mới chậm mới ít nghiêng về làm mới thơ, mới nhanh mới nhiều ngã về làm thơ mới.

Mỗi thi sĩ tạo lập sự nghiệp thơ của mình như một người bắt đầu tạo một căn nhà riêng. Tùy vào khả năng, sở thích, kiến thức và kinh nghiệm để chọn lựa. Người mua nhà cũ để sửa lại hoặc mua nhà đã được xây cất rồi là những người không thích sự phiêu lưu. Thấy tận mắt, sờ tận tay, sửa chữa chi tiết thì không sợ ước mơ của mình trở thành giấc mộng Trương Chi Mỵ Nương. Nhưng chính những giới hạn sẵn có ấy đã ảnh hưởng đến sức phá biên của sáng tạo. Làm mới thơ cho cùng chỉ đạt đến mức thành tựu như Bùi Giáng, Hoàng Cầm, Phùng Quán, Tô Thùy Yên. ...v...v... Khác với sự thành tựu của Xuân Diệu, Huy Cận.... Xây một căn nhà mới tất phải theo ý của mình. Sáng tạo mạnh thì nhà độc đáo. Đẹp đủ, trở thành kiểu mẫu. Hay đủ, trở thành thời danh. Làm thơ Mới là một sự phiêu lưu, có khi như một hoá long hai xông máu. Theo qui luật tự nhiên điều gì càng khó thành công thì mức thành tựu và sự tưởng thưởng càng cao. Đó là điểm khác biệt giữa các nhà thơ Mới thời tiền chiến như Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Huy Cận và những nhà thơ lớn của những thời kỳ về sau.

(Trích một đoạn trong tiểu luận Thơ Mới Hậu Chiến. Ngu Yên.)

NGU YÊN

Lời của Hồng

4 tuổi học tiếng Việt
 14 tuổi đọc chưa xong
 10 năm đánh vần đập vần
 Mẹ hay cười đọc ngọng
 Ba lắc đầu đi lơ
 15 tuổi thích hát Karaoke
 Nhờ Karaoke đọc giỏi tiếng Việt
 Cám ơn

Karaoke. H.T. 052195

Cân

Trên gánh cân lương tri	
nếu đứng lên một đầu	em nặng hơn danh vọng
nếu đứng lên một đầu	em nặng hơn tiền tài
nếu đứng lên một đầu	em nặng hơn sắc dục

vậy mà
 thỉnh thoảng
 anh vẫn thử cân

Lần nào cũng hồi hộp
 sợ em sẽ nhẹ hơn

trên gánh cân lương tri
 lên bờ bên em đứng
 một cuốn Tố Tâm Kinh
 Wealth 101 (*)
 và tuyển tập Thơ Hải Ngoại

(*) John Roger & Peter Mc Williams, Prelude Press, Inc. 1992.

Ngu Yên

ta

bóng

tabóng

bóngta

bóng

ta

Ly Thân. Houston, 022996

LƯU HY LẠC

Ngày Tạnh

ngáp, một rừng
mưa, bắt đầu
trụi, nhộn
tranh
cướp, lời
xảm,
sấm, lạnh tanh
mãng mỗ, mây
lội ngược, ngoài
non
lấp ba lấp bấp
vái
nổi đời chết tiệt.

Nghe Đất

cứ, đêm
hôm, mặt trời
non
da, mọc
sao
động vũng, ngoi
ngóp
nghe, khở
nổi, đường
đất, một mình
bấy, đập đầy đầu
cây
cỏ, thở
nói, như giặc.

ĐOÀN NHẬT

Qua Sông

Sa hẫng cái cầm
Cái nín cầm
Ngày trở mệnh u
Qua sông thở hơi sóng
Gió tùm
Chung chiêng
Sớm lay láy bóng
Trên nổi nhớ
Bước đặc dài lên
Bến cội
Lá ẩn mặt
Dấu giấc phiêu
Mưa hoẵng hoắc
Cái cầm
Cái tình tang
Tông tốc chạy
Mù bóng câu...

VÕ ĐÌNH TUYẾT

Định Nghĩa Thơ

Chẳng có gì để
định nghĩa Về thơ.
Bởi vì trong
hơi thở của người
nhả thơ
Thì định nghĩa:
tức là
vô nghĩa.

Làm Thơ

Làm thơ
Như làm tình
Lúc sướng
Nhảy cồng lên
Hạ hỏa
Thì gọi là:
Tình thơ xuất
Như ai không thích
Don't worry, be happy.

LÂM THỊ MỸ DẠ

Áo Tưởng

Trên cánh đồng của chính mình
Tôi gieo vãi, bón chăm và thu lượm
Những hạt giống nhiệm mầu cất kỹ
Ngỡ mùa sau thành cây trái vàng mơ
Nhưng ngoảnh lại
giật mình
hoang vắng...
Bởi tôi đã gieo tôi
cần kiết
không ngờ!

LƯU NGUYỄN

Đến Xem Người Ta Tắm

Con ngựa già kéo cỗ xe trên triền dốc
mặt trời đỏ nắng xuống chang chang
đồi đá đỏ có dòng khe biêng biếc
áo tắm phơi rất mượt giữa hai hàng

Da ẩm ướt vì mồ hôi quá đượm
giữa hai hàng áo tắm chạy song song
tầm mắt lướt theo vành cong cát mịn
chiều reo vui bãi tắm nức hơi người

Con én liệng mà xuân thì xa lắc
cụm mây nào mang trí nhớ về theo
chuyện năm cũ còn vương trong đáy mắt
đoạn đời qua thoáng chốc đã bay vèo

Con ngựa già và cỗ xe huyền thoại
đến từ một quá khứ mù tằm.

Cõi Tinh Thần Thuần Tủy

Phan Tấn Hải

Huyền thoại từ Kinh Thánh từng viết, Thượng Đế đã phà hơi thở vào đất sét để tạo nên con người. Đúng hay không là chuyện khác; các nhà khoa học có thể rồi sẽ tìm ra những cách lý giải thơ mộng hơn. Nhưng điều này cho chúng ta thấy rằng, chính cái hơi thở--cái sinh động không nhìn được bằng mắt, không nắm bắt được bằng tay, không đo lường được bằng cân lượng--mới là cái làm nên con người, chứ không phải vài mươi cân thịt, da, xương gọi được là con người.

Vậy thì thơ, cái gì là hơi thở cho thơ?

Hiển nhiên không phải cứ ném lên giấy vài trăm chữ, phân đoạn thành dăm chục hàng, thấy ra thêm mười dấu ngắt câu đã thực sự là thơ. Và cái hơi thở nào được phà vào để dựng lên đời sống của thơ từ những chữ, những câu như vậy?

Và như vậy thì cái hơi thở hình thành thơ cổ hẳn phải khác cái hơi thở hình thành thơ mới. Nơi đâu là mép bờ phân biệt của những hơi thở sinh động này?

Chúng ta không biết chính xác và có thể sẽ không bao giờ có thể biết tận tường. Tất cả những suy nghĩ về thơ hầu hết được khai sinh từ trong một nền văn hóa chung, đi trong một vận động mỹ học chung.

Thí dụ, người ta tin rằng thơ lãng mạn phải nằm trong thời kỳ chủ nghĩa lãng mạn, khai sinh từ cuối thế kỷ 18 và đầu 19 Tây phương, trong một cuộc nổi loạn chống chủ nghĩa cổ điển--và không riêng thơ mà cả tiểu thuyết, hội họa cũng đi chung trong một mặt trận chung, giả sử là thật sự có một mặt trận nổi loạn thực sự. Đứng về mặt chính trị thì song song với lãng mạn thì cũng đồng thời phải là một thứ chủ nghĩa đề cao tự do cá

nhân, chống hệ thống cai trị phong kiến. Ngay cả nếu điều này đúng thì cũng không thể tin là tính tất yếu khi bảo một khi đã có triết gia Rousseau thì phải có nhà thơ Byron.

Nếu thơ có thể đi chung trong những vận động văn hóa khác thì như vậy thơ phải mang cái hơi thở Thượng Đế từ cả một bầu khí văn hóa. Có thể giải thích một cách khác, nhà thơ hay là người sáng tác thơ cũng là một sản phẩm của một bầu khí văn hóa nào đó, trong một nghĩa thụ động, và ngược lại thì cũng phải là người góp tay sáng tạo ra thời đại của mình, trong một nghĩa chủ động.

Điều đó có thể đúng khi ta nhìn về lịch sử các chủ nghĩa văn học hay hội họa. Tuy nhiên, vẫn còn một yếu tố tiềm ẩn chưa hiểu nổi, khi quy về chất vấn chính nhà thơ, thực sự anh đang mang hơi thở của ai--một Thượng Đế, một chủ nghĩa, một bầu khí văn hóa, hay tự anh trần trụi xa lia mọi mũ sắt và nón cối, mọi mũ dĩa cầu và nón lá, vân vân.

Nếu nhìn trên khía cạnh sử tính thì thơ phải đi chung trong một vận động mỹ học nhất định, song song với tiểu thuyết, hội họa, âm nhạc, nghĩa là mang trong người một yếu tính nổi loạn: từ phủ nhận chủ nghĩa cổ điển (classicism) để khai sinh chủ nghĩa lãng mạn (romanticism), rồi phủ nhận lãng mạn để khai sinh hiện thực (realism) theo cùng làn sóng thời đại kỹ nghệ hóa, rồi phủ nhận hiện thực để khai sinh siêu thực (surrealism), vân vân... Và có thực là phải muôn đời nổi loạn như vậy hay không?

Nếu nhìn về khía cạnh hình thành ngôn ngữ trong thì chúng ta không thấy có yếu tố nổi loạn đó--nghĩa là không phải phản kháng một cái gì để khai sinh một cái gì khác, điều này vẫn có nhưng nếu có thì là sự biến dạng của ngôn ngữ như một tự nhiên. Thơ từ chỗ để kể, để hát (như thời Homer), để ngâm (như các cụ chơi ả đào), để nói thành tiếng, để la hét (như thời sinh viên Sài Gòn xuống đường), để phá phách, để phản chiến (như Beat Generation), và rồi chỉ còn đọc thầm thôi (không ra tiếng, phải đọc bằng mắt trên giấy, như Tạp Chí Thơ quý vị đang cầm trên tay), và tương lai rồi sẽ chỉ còn đọc trên không gian điện toán khi thời đại giấy mực bị khai tử (nếu có).

Ngôn Ngữ Thơ dần dần như đang trong tiến trình tự gạn lọc chính mình: Bỏ bớt tính truyện đi (nếu cần thì đi nghịch tính truyện), giấu mặt bớt nhân vật đi (nếu cần thì cho hư vô hóa hẳn), bỏ bớt vần điệu đi (nếu cần thì cho bật hẳn các âm thanh để hát hổng), loại trừ tính khả đoán trong thơ (nếu cần thì cho hiện hữu thơ như đây khắp ngẫu nhiên), cắt bớt những điều hợp lý (nếu cần thì đẩy tới tận cùng phi lý), và hàng loạt những thử nghiệm khác.

Như vậy là gì? Phải chăng đây là tiến trình trừu tượng hóa thi ca? Thử hình dung khi gạn lọc con người tới chỗ không còn bao nhiêu da, thịt, xương, tủy, máu... Vâng, có lẽ đây là một bước dò dẫm tới tinh thần.

Người ta không còn có thú vui học thuộc hai câu, hoặc bốn câu, hay nhớ vài chữ đặc dụng, mà cái đẹp phải nhận ra bằng mắt với cái toàn thể tính của nó, một không khí toát ra từ trọn những câu những dòng không ai có thể nhớ nổi. Thí dụ, người ta có thể cảm được, phê được cái hay của thơ Đặng Đình Hưng nhưng không thể nào nhớ được hai hoặc bốn câu của ông.

Nếu cách cảm nhận thơ đã đổi--như nói trong đoạn văn trên--thì hiển nhiên cách sáng tác, hay là việc người phà hơi thở linh thiêng vào chữ vào câu, đã không còn có thể như trước.

Brodsky một lần viết:

Tôi sinh ra nơi miền Bắc đông giá

để sưởi ấm đôi tay

Tôi cầm bút làm thơ

Nếu thơ có thể sưởi ấm được đôi tay, thì hơi lửa nào đang lung linh trong chữ, trong lời?

Và khi nhìn suốt những thời kỳ hình thành ngôn ngữ thơ trong lịch sử, với cách gạt bỏ tất cả những ảnh hưởng hổ tương trong các vận động mỹ học, với cách nhìn riêng về ngôn ngữ thơ không thôi, thì hình như--để nói dè dặt--thì thơ đương thời (thí dụ như thơ Đặng Đình Hưng đã nhắc trên) như dường đang tiến gần tới chỗ trừu tượng hơn, nghĩa là đang lộ bỏ nhiều thứ để như dường đang phô diễn một thứ tinh thần thuần túy.

Thực sự có thể có cái gì gọi là *tinh thần thuần túy* hay không?

Không biết, thật sự là không biết. Nhưng như dường chúng ta, những người làm thơ hôm nay, đang run rẩy như sắp chạm xúc tới cái tinh thần thuần túy--cái người ta không kể được, không hát được, không ngâm được, không nói được...--mà là một cõi thơ được đọc trong cảm lặng, một đời sống được chúng ta mở mắt dõi theo đón nhận dù là không nhìn ra như những hình họa được.

Và đây còn là điều để suy nghĩ thêm điều bất khả tư nghị, để thử nghiệm thêm điều bất khả thử nghiệm, và để tiến gần thêm chụp bắt điều không thể bị chụp bắt.

Phải chăng đây là định mệnh của các nhà thơ hôm nay--để lên đường tới một cõi tinh thần thuần túy? ■

NGUYỄN QUANG TẤN

Dạo Khúc 29

Những lời hai kẻ yêu nhau chưa kịp nói với nhau
Thì ngày đã tắt
Nắng đã phai màu
Thời gian phơi thành muối trắng
Rơi xuống vũng sâu
Biển đã mặn lại càng thêm mặn
Lũ cá ngừ ngàng chẳng hiểu vì đâu
Những lời anh nói bên em trong lần gặp gỡ ban đầu
Bây giờ biêng biếc ánh sao
Đêm hè xanh ngắt
Muốn rơi như nước mắt em chiều nào
Lòng anh chẳng biết vì đâu...

HUY TƯỜNG

Nhịp M Và,

 Gió sạch xanh mùa tiển
 Đôi vàng
 lấm ngọc cúc hoa
 Thở ngát
 môi hồng chữ triện
 Em đi
 xưa
 lua xé
 là...

Như nhịp điệu
Như gương
Lấp lóang điệu mầu đá vỡ
Im lìm khản tiếng kim ngân
Tắt bóng
Em trốn mình như sáp lụn
Giữa gió
Như nhịp điệu
Như gương
Bấu chặt lên tĩnh tịch
Trôi miết về không
Tắt hồng
Tôi ôm choàng em kín cả đêm
Kín cả môi
(một ngày không có trong niên kỷ)
Và tình yêu
Lừng lững vô danh

Như nhịp điệu
 Như gương
 Một sớm mai cửa rấn mù trườn tối
 Liếm sạch cơn mơ
 Em trốn tôi như nọc độc
 Như nhịp điệu
 Như gương
 Tôi chồm lên phía vịnh đêm
 Cấu nát lòng hiu quạnh

Như nhịp điệu
 Như gương...
 Như nhịp điệu
 Như gương
 Gió sịch xanh mùa tiễn
 Biết tìm đâu những bông hoa rụng rức cườm vàng
 Tôi về đau chữ triện
 Dấy hồng lên
 Vĩnh quyết thuở sương ngàn!
 Như nhịp điệu
 Như gương...

Chép tặng kẻ đã ném viên sỏi trên mặt hồ ngày nào (...)

NGUYỄN TÔN NHAN

Tặng Thiền Sư Govinda

Những dặm đường mây trắng
Bay dưới chân Thúy Kiều
Một trăm năm cảm lạnh
Bạc màu biết bao nhiêu
Ồ con đường cây rặng
Thở ra đủ mọi chiều

Người ơi ta cùng đến
Trắng đã ngựa xiêu xiêu

Thơ Thiền

tặng Đ.T.T

Thơ thiền vui một dạo
Thênh thang vai áo nâu
Chúng ta cùng nói láo
Nghe láo sướng ngàn đầu
Có gì trong mộng ảo
Mà biện biệt sắc màu

Trăm năm cuộc đi dạo
Rồi xuống bến trước sau

HOÀNG PHŨ

Hoa Thủy Tiên

Ngày ấy tôi thường hay tới đây
 Đắm đắm soi mặt nước hồ này
 Khói sương thả tự trên trời xuống
 Chỉ một mình tôi với bóng cây

Tôi thích về ngồi giữa lặng im
 Rừng thông thả nhẹ thu chìm
 Không ai cười nói không ai khóc
 Chỉ một mình tôi với bóng chim

Có một loài hoa không biết tên
 Vàng tươi như là nỗi buồn riêng
 Chùng e những hạt linh hồn ấy
 Rơi xuống thành hoa giữa tự nhiên

Nghe nói người tiên vẫn hiện hình
 Bước ra từ những xứ u linh
 Em như cô Tấm trong cây thị
 Về đứng nhìn tôi trên nước xanh

Yên tĩnh rừng thông rộng bốn bề
 Mặt hồ mờ mịt khói giăng chi
 Có con chim nhỏ trong lau sậy
 Thoảng giọng người tình chợt lắng nghe

Chim nhận bay về - thu vắng không
 Minh tôi trở lại với đời thông
 Sao trên làn nước trong xanh ấy
 Vẫn hiện xôn xao một bóng hồng

Hoa đại người đời không đặt tên
 Sinh ra như loài cỏ ưu phiền
 Nhớ em ngà ngọc bên hồ nước
 Tôi gọi tên là hoa Thủy Tiên

DƯƠNG KIỀU MINH

Mùa Hạ

(Tặng Đ.L.H)

1.

Chợt kẽ nhỏ giữa hai cánh cửa
lộ mùa hè
gió lấc mạnh tàu lá môn bần bật

Người chủ tế bước lên
mùa hạ bắt đầu.
Gió ào ạt con đường ngợp nắng
con rỗng xanh, đài hoa tím
đàn thiên nhạc mở màn

Em trẻ trung vẫn trước ngày hôn lễ
bắt đầu mùa hè đầy ắp kỷ niệm.
Qua nỗi buồn vương vất
Chúng ta sống đi ngang xứ sở người

2.

Khô cạn vò nước cũ
mâm cỗ mùa hè ai phát tán
âm điệu mong manh mỗi lần chạm tới

Người thở than khô kiệt
luồng âm thanh rớt từ đêm tối
nghiêng đổ chiếc bình thiêng

3.

Rớt lại đêm qua chiếc lá hè năm trước
sáng ra mưa ướt thêm

Cuộc thế đã đành người đi kẻ ở
cơn giông kéo qua dòng sông sẫm tối
Khối tâm tình
gió chồng chất thêm cao.

LƯƠNG NGỌC AN

Viết Cho Ngày 15 Tháng 11

1/ Cảm Nhận

Những: ý nghĩa xô vào ta rất như luồng gió từ đuôi chiếc phản lực đưa em về miền nắng. Còn lại đường băng hun hút dài dài như những điều không thể nói nơi đây. Tờ lịch ngày 15 nhàu nhĩ trong tay. Nửa dần đổi, nửa xót xa gìn giữ...

Em ghé qua đời ta rồi đem đi nỗi nhớ. Chẳng dám đòi không phải sợ mếch lòng em mà sợ nát lòng ta. Đang nghĩ gì, em đừng nhé nói ra. Dẫu mỏng tờ đã vào mùa mọng trái...

Ghét cái nắng hạnh làm môi khô ứa máu. Ta đâu phải biển mặn mòi để muối trắng tinh khô. Thương câu thơ vốn day dứt như đời. Trót nhạt nhẽo để rồi... người hờ hững.

2/ Cất Cánh

Đến với nắng em chọn màu áo nắng. Ta dối lòng thả ánh mắt buông hờ. Em gắng cười cho giống vẻ bông đùa. Thời gian vẫn không nhanh - không chậm.

Chợt một lúc muốn hóa thân làm đất, để dùng dằng thêm phút bén chân em. Rồi đến khi đã tít tắp chấm đen - ta quay về với mình ta, lối cũ. Đường đi ngắn, sao đường về dài thế. Chuyện người xưa giờ mới vận vào mình. Vệt khói mờ rạch sâu hoắm trời xanh...

3/ Dư Âm

Ta về râu chuỗi dư âm. Trang sách cũ vẫn nguyên câu thơ cũ.
Nhưng ta chẳng còn ai để đêm đêm mong tiếng người gọi cửa,
nhưng ta chẳng còn ai để bồn chồn bên quán mỗi hoàng hôn...

Gieo vào nhau một sáng 15. Thu đã giục nhưng đông còn nấn
ná. Tuổi 30 lại một lần nhắc nhở: Tóc không bền nhưng nỗi
nhớ bao giờ...

Sao thời gian lỏng mối những mảnh đời. Để mỗi kẻ mỗi nơi,
xộc xệch. Những cơn mơ tìm về nam tránh rét, làm tán băng
hờn đối với màu xanh...

Đêm trở mình tìm Bắc đẩu dưới chân. Ngày đón nắng nhú dần
bên vai trái. Gió bắc thổi sau lưng thổi lại. Chớm đông mà như
đã cả mùa đông...